**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập — Tự do — Hạnh phúc**

---

# HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Ngày 03 tháng 11 năm 2025

Hợp đồng số: HD2500177608_2510311032

Gói thầu: Mua sắm sách giáo trình và tham khảo

Tên dự toán mua sắm: Mua sách giáo trình và tham khảo Trung tâm Thông tin - Thư viện

**Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/2009/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 2495/QĐ-MĐC ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm sách giáo trình và tham khảo và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ___ ngày 24 tháng 10 năm 2025 của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày 28 tháng 10 năm 2025

- Các căn cứ khác (nếu có):

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Ghi chú: Mã QHSDNS: 1055493

Địa chỉ:18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04)38383312

Fax:

E-mail: tunght76vnp@gmail.com

Tài khoản: 3716.1.1055493, Phòng Giao dịch số 10 KBNN khu vực I

Mã số thuế: 0101689386

Đại diện là ông/bà: Trần Thanh Hải

Chức vụ: Hiệu Trưởng

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: Nhà Xuất Bản Bách Khoa Hà Nội

Địa chỉ: Số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02438684569

Fax:

E-mail: vuthuthuy1983@gmail.com

Tài khoản: 118000020228, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Hai Bà Trưng Hà Nội

Mã số thuế: 0101885415

Đại diện là ông/bà: Bùi Đức Hùng

Chức vụ: Giám đốc - Tổng Biên tập

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. E-ĐKC của hợp đồng;

5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;

8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: 470.890.870 VND [bằng chữ Bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng ].

*Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói: 470.890.870*

2. Phương thức thanh toán:

Chuyển khoản.

- Bên A thanh toán cho bên B theo từng đợt hoặc một lần tùy vào số lượng bàn giao hàng hóa thực tế. Bộ hồ sơ thanh toán từng đợt hoặc một lần bao gồm:

+ Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa;

+ Hóa đơn Giá trị gia tăng.

- Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng Việt Nam.

- Thời hạn thanh toán không quá 60 ngày kể khi bên B cung cấp đầy đủ bộ chứng từ thanh toán theo nêu trên cho bên A.

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

10 ngày.

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ *ngày ký*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN** |

**Nhà Xuất Bản Bách Khoa Hà Nội**

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI
Mã số thuế: 0101885415
Thời gian ký: 03-11-2025 12:08:04

**Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Mã số thuế: 0101689386
Thời gian ký: 03-11-2025 15:02:10

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

*Căn cứ Quyết định số: 2495/QĐ-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm sách giáo trình và tham khảo";*

*Căn cứ Hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03/11/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội;*

*Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao ngày 13/11/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội;*

*Hôm nay, ngày 13 tháng 11 năm 2025 tại Hà Nội, chúng tôi gồm:*

**I/ BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : 18 Phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 - Fax 04 3838 9633

Đại diện : **Ông Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Tài khoản : 3716.1.1055493, Phòng giao dịch số 10 BKNN khu vực I

**II/BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI**

Địa chỉ : Số 1 Đại Cồ Việt, Phường Bạch Mai, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 02438684569 Số Fax : 02438684570

Mã số thuế : 0101885415

Đại diện : **Ông Bùi Đức Hùng** Chức vụ : **Giám đốc – Tổng biên tập**

Số tài khoản : 118.0000.20.228

Tại : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam chi nhánh Hai Bà Trưng Hà Nội.

Mã liên ngân hàng: 01201012

Hai bên đã thống nhất về việc mua bán hàng hóa hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03/11/2025 như sau:

| STT | Danh mục hàng hóa | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quản lý thông tin dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương và Trần Quang Phú<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 30 | 149,760 | 4,492,800 |
| 2 | Bim trong thiết kế cầu và Hạ tầng | Tác giả: Markus Noldgen<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 5 | 210,240 | 1,051,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác | Tác giả: Nguyễn Đức Thiềm<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 159,360 | 1,593,600 |
| 4 | Giáo Trình Quản Lý Học Cơ Bản | Tác giả: Nguyễn Thanh Bình<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 312 | Cuốn | 30 | 129,600 | 3,888,000 |
| 5 | Hình thái học đô thị | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |
| 6 | Đô thị học - Những khái niệm mở đầu | Tác giả: Trương Quang Thao<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2003<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 30 | 124,800 | 3,744,000 |
| 7 | Quản lý rủi ro dự án đầu tư xây dựng. | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương, Huỳnh Thị Yến Thảo<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 209 | Cuốn | 40 | 123,840 | 4,953,600 |
| 8 | Hạ tầng kỹ thuật đô thị | Tác giả: Trần Minh Phụng, Nguyễn Duy Liêm, Lê Minh Quang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 262 | Cuốn | 30 | 134,400 | 4,032,000 |
| 9 | Giáo trình Quản lý bất động sản | Tác giả: Đoàn Dương Hà, Nguyễn Mậu Bành, Phạm Xuân Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 30 | 128,640 | 3,859,200 |
| 10 | Đầu tư bất động sản. | Tác giả: Gary Weldred<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 512 | Cuốn | 30 | 449,280 | 13,478,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | Ứng dụng MS Project 2007 trong lập tiến độ và quản lý dự án xây dựng | Tác giả: Lương Đức Long Trần Trung Kiên Nguyễn Thành Trung mai Xuân Việt Trương Đình Nhật<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 cm<br>Số trang: 248 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |
| 12 | Nghiên cứu thực nghiệm kết cấu công trình | Tác giả: Nguyễn Trung Hiếu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 30 | 179,550 | 5,386,500 |
| 13 | Giáo trình cấu tạo kiến trúc công trình dân dụng | Tác giả: Võ Huy Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 146 | Cuốn | 5 | 79,680 | 398,400 |
| 14 | Định giá bất động sản | Tác giả: Nguyễn Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 131 | Cuốn | 20 | 57,600 | 1,152,000 |
| 15 | Kinh tế tài chính dự án điện tái tạo | Tác giả: Mai Sỹ Hùng ĐH Xây dựng Hà Nội<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 216 | Cuốn | 40 | 128,640 | 5,145,600 |
| 16 | Đầu tư bất động sản cho thuê | Tác giả: Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường Trần Thị Trang, Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Hiệu đính Phạm Khánh Toàn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 40 | 478,080 | 19,123,200 |
| 17 | Quản lý bất động sản cho thuê | Tác giả: Heather & Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường, Trần Thị Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 20 | 523,200 | 10,464,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 18 | Thẩm định dự án đầu tư công trong xây dựng | Tác giả: Nghiêm Văn Dĩnh (CB), Nguyễn Quỳnh Sang, Nguyễn Thị Tiếp<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 30 | 114,240 | 3,427,200 |
| 19 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Tác giả: Nguyễn Tuấn Anh Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 388 | Cuốn | 30 | 218,880 | 6,566,400 |
| 20 | Dự toán xây dựng | Tác giả: Huỳnh Hàn Phong<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | Cuốn | 20 | 123,840 | 2,476,800 |
| 21 | Quản lý rủi ro trong xây dựng | Tác giả: Đinh Tuấn Hải, Nguyễn Hữu Huế<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 198 | Cuốn | 10 | 98,880 | 988,800 |
| 22 | Nghiệp vụ định giá xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Hồ Bạch Ngọc<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 472 | Cuốn | 10 | 154,560 | 1,545,600 |
| 23 | Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Nguyễn Thống<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 268 | Cuốn | 20 | 93,120 | 1,862,400 |
| 24 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 246 | Cuốn | 20 | 120,960 | 2,419,200 |
| 25 | Quản lý rủi ro | Tác giả: Harvard Business Review<br>Nhà xuất bản: Đại học Kinh tế quốc dân<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20.5x26.5cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 10 | 258,240 | 2,582,400 |
| 26 | Hợp đồng trong xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, TS Nguyễn Thị Lan Phương | Cuốn | 20 | 226,560 | 4,531,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 300 | | | | |
| 27 | Cơ học chất lỏng ứng dụng | Tác giả: Hoàng Văn Quý, CB Nguyễn Đình Lương, Lê Bá Sơn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 20 | 102,720 | 2,054,400 |
| 28 | Cơ học kỹ thuật | Tác giả: Nguyễn Văn, Khang Nguyễn Phong Điền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 464 | Cuốn | 50 | 233,100 | 11,655,000 |
| 29 | Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thực phẩm (TB) | Tác giả: Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Lan, Chi Từ Việt Phú, Lương Hồng Nga<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 5 | 137,750 | 688,750 |
| 30 | Vật liệu polyme phân hủy sinh học | Tác giả: Phạm Ngọc lân<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 96 | Cuốn | 30 | 25,200 | 756,000 |
| 31 | Giáo trình máy và thiết bị vận chuyển và định lượng | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 192 | Cuốn | 20 | 71,400 | 1,428,000 |
| 32 | Giáo trình máy và thiết bị chế biến lương thực | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 20 | 105,000 | 2,100,000 |
| 33 | Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm | Tác giả: Nguyễn Thị Minh Tú, Nguyễn Thị Thảo, Vũ Hồng Sơn<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 244 | Cuốn | 10 | 113,400 | 1,134,000 |
| 34 | Giáo trình bảo dưỡng sửa chữa máy thi công nền | Tác giả: Hà Văn Long, Lương Văn Đạt<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013 | Cuốn | 10 | 108,640 | 1,086,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 89 | | | | |
| 35 | Giáo trình cơ sở kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 90 | Cuốn | 10 | 57,230 | 572,300 |
| 36 | Giáo trình định giá sản phẩm xây dựng | Tác giả: Trần Thị Bạch Diệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 104 | Cuốn | 5 | 34,920 | 174,600 |
| 37 | Giáo trình kết cấu xây dựng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 5 | 59,170 | 295,850 |
| 38 | Giáo trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dung (CB), Trần Thị Thiềm, Trịnh Văn Cần<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 30 | 137,740 | 4,132,200 |
| 39 | Giáo trình lý thuyết kiến trúc đại cương | Tác giả: Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Đình Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 250 | Cuốn | 20 | 144,530 | 2,890,600 |
| 40 | Giáo trình máy và thiết bị thi công đất | Tác giả: Trần Đức Hiếu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,330 | 3,666,600 |
| 41 | Giáo trình Quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 122 | Cuốn | 10 | 42,680 | 426,800 |
| 42 | Giáo trình thi công công trình hạ tầng đô thị | Tác giả: Hồ Văn Quân (CB), Huỳnh Võ Duyên Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 306 | Cuốn | 30 | 193,030 | 5,790,900 |
| 43 | Giáo trình xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp | Tác giả: Nguyễn Văn Phước<br>Nhà xuất bản: Xây dựng | Cuốn | 10 | 102,820 | 1,028,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | bằng phương pháp sinh học | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 298 | | | | |
| 44 | Khoa học quản lý (Sách chuyên khảo) | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Bùi Việt Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 10 | 234,740 | 2,347,400 |
| 45 | Bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Khởi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 180 | Cuốn | 10 | 86,330 | 863,300 |
| 46 | Bố cục kiến trúc công trình công nghiệp | Tác giả: Nguyễn Nam<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 120 | Cuốn | 10 | 36,860 | 368,600 |
| 47 | Kiến trúc cảnh quan | Tác giả: Hàn Tất Ngạn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 224 | Cuốn | 10 | 94,090 | 940,900 |
| 48 | Kiến trúc công trình | Tác giả: Nguyễn Tài My<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 30 | 138,710 | 4,161,300 |
| 49 | Kiến trúc công trình công cộng | Tác giả: Nguyễn Việt Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 10 | 172,660 | 1,726,600 |
| 50 | Kiến trúc nhà ở | Tác giả: Đặng Thái Hoàng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 252 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 51 | Chính sách đô thị tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị | Tác giả: Võ Kim Cương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | Cuốn | 10 | 92,150 | 921,500 |
| 52 | Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại | Tác giả: Lê Phục Quốc dịch<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019 | Cuốn | 10 | 74,690 | 746,900 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 176 | | | | |
| 53 | Công tác thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị | Tác giả: Trần trọng Hanh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 108 | Cuốn | 10 | 38,800 | 388,000 |
| 54 | Đô thị Việt Nam - góc nhìn từ những nơi chốn | Tác giả: Vũ Hiệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 172 | Cuốn | 10 | 87,300 | 873,000 |
| 55 | Hệ thống giao thông thông minh trong đô thị | Tác giả: Đinh Văn Hiệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 126 | Cuốn | 10 | 69,840 | 698,400 |
| 56 | Quản lý đô thị | Tác giả: Nguyễn Ngọc Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 10 | 134,830 | 1,348,300 |
| 57 | Quản lý đô thị | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 156 | Cuốn | 10 | 58,200 | 582,000 |
| 58 | Quản lý đô thị các nước đang phát triển | Tác giả: Nguyễn Tố Lăng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 10 | 101,850 | 1,018,500 |
| 59 | Quản lý hạ tầng kỹ thuật | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 3 | 75,840 | 227,520 |
| 60 | Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị | Tác giả: Hồ Ngọc Hùng, Tống Ngọc Tú<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 61 | Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị | Tác giả: Vũ Thị Vinh, Phạm Hữu Đức, Nguyễn Văn Thịnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 5 | 61,110 | 305,550 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 166 | | | | |
| 62 | Giáo Trình Sau Đại Học Phương Pháp Nghiên Cứu khoa học Trong Kinh Doanh Cập Nhật Smart PLS | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 623 | Cuốn | 5 | 387,030 | 1,935,150 |
| 63 | Giáo trình cao học quản trị kinh doanh quốc tế (2023) | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 339,500 | 1,697,500 |
| 64 | GT Tài trợ thương mại quốc tế | Tác giả: Nguyễn Thị Quy<br>Nhà xuất bản: Thống kê<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | Cuốn | 20 | 58,200 | 1,164,000 |
| 65 | Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu; từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Minh CB<br>Nhà xuất bản: Khoa học xã hội<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 10 | 156,040 | 1,560,400 |
| 66 | Excel nâng cao. Phân tích dữ liệu và lập mô hình kinh doanh trong Excel | Tác giả: Phạm Quang Hiển Văn Thị Tư<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 408 | Cuốn | 20 | 168,780 | 3,375,600 |
| 67 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 5 | 38,000 | 190,000 |
| 68 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vĩ mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 20 | 40,850 | 817,000 |
| 69 | BT Mô hình toán kinh tế(Dành cho sinh viên các trường CĐ, ĐH khối Kinh tế) | Tác giả: Bùi Duy Phú CB Nguyễn Văn An<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 124 | Cuốn | 20 | 28,500 | 570,000 |
| 70 | Cơ sở văn hoá Việt Nam | Tác giả: Trần Ngọc Thêm<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023 | Cuốn | 30 | 130,200 | 3,906,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 360 | | | | |
| 71 | Giáo trình Hán ngữ BOYA trung cấp 2 tập 2 | Tác giả: Lý Hiểu Kỳ<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 456 | Cuốn | 20 | 189,050 | 3,781,000 |
| 72 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc – Trình độ sơ cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 284 | Cuốn | 20 | 273,600 | 5,472,000 |
| 73 | Các phương pháp luyện kim bột tiên tiến và ứng dụng chế tạo nanocomposite, composite kim loại | Tác giả: Đoàn Đình Phương<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 276 | Cuốn | 20 | 218,550 | 4,371,000 |
| 74 | Vật liệu kỹ thuật điện | Tác giả: Trần Văn Tớp<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 234 | Cuốn | 50 | 172,200 | 8,610,000 |
| 75 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ Sơ Cấp - Tập 1 | Tác giả: Mã Tiễn Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |
| 76 | Luyện Thi Hsk Cấp Tốc (Cấp 5-6) | Tác giả: Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục<br>Nhà xuất bản: Đại Học Quốc Gia TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 568 | Cuốn | 20 | 223,200 | 4,464,000 |
| 77 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |
| 78 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ Sơ Cấp - Tập 2 | Tác giả: Mã Tiễn Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |
| 79 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ tiền trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016 | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 244 | | | | |
| 80 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 1 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 81 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 2 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 338 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 82 | Tự học nhanh Python (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Lê Doãn Trinh, Đỗ Quang Hiệp Nguyễn Thiên Tân, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 180,420 | 1,804,200 |
| 83 | Kỹ thuật đo trong động cơ đốt trong và ô tô | Tác giả: Võ Nghĩa Trần Quang Vinh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 280 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 84 | Giáo trình sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 20 | 36,260 | 725,200 |
| 85 | Giáo trình Quản lý dịch vụ ô tô | Tác giả: Nguyễn Thanh Tuấn - ĐH Nha Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 220 | Cuốn | 10 | 113,680 | 1,136,800 |
| 86 | Gầm ô tô hiện đại | Tác giả: Nguyễn Hùng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 10 | 131,320 | 1,313,200 |
| 87 | Công nghệ ô tô điện. Quyển 1: Nhận diện và sử dụng ô tô điện an toàn | Tác giả: TS Nguyễn Hùng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 172 | Cuốn | 20 | 107,800 | 2,156,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 88 | QCVN 13:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 32 | Cuốn | 10 | 38,220 | 382,200 |
| 89 | Giáo trình điều khiển khí nén | Tác giả: Bộ xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x27 cm<br>Số trang: 146 | Cuốn | 20 | 73,500 | 1,470,000 |
| 90 | Cở sở truyền động và điều khiển thủy lực lý thuyết và bài tập | Tác giả: Phạm Trọng Hòa Jurgen Weber<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 20 | 143,560 | 2,871,200 |
| 91 | An toàn cháy trong kiến trúc cao tầng và siêu cao tầng ở Việt Nam | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 (cm)<br>Số trang: 148 | Cuốn | 5 | 92,120 | 460,600 |
| 92 | Bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn điện | Tác giả: Trần Quang Khánh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 321 | Cuốn | 5 | 193,030 | 965,150 |
| 93 | An toàn lao động trong công trình xây dựng | Tác giả: Nguyễn Văn Mỹ Nguyễn Hoàng Vinh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 (cm)<br>Số trang: 267 | Cuốn | 5 | 110,580 | 552,900 |
| 94 | Luật an toàn, vệ sinh lao động (hiện hành) | Tác giả: Quốc hội<br>Nhà xuất bản: Chính trị quốc gia sự thật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 5 | 51,410 | 257,050 |
| 95 | Giáo trình an toàn và sức khỏe lao động trong thi công xây dựng | Tác giả: Trần Quang Dũng Hồ Ngọc Khoa<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 260 | Cuốn | 10 | 144,530 | 1,445,300 |
| 96 | Bộ luật lao động ( song ngữ việt - anh) | Tác giả: Bộ tài chính<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016 | Cuốn | 5 | 105,730 | 528,650 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x19 cm<br>Số trang: 304 | | | | |
| 97 | Sách Huấn luyện An Toàn, Vệ Sinh Lao Động | Tác giả: Đức Minh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 95 | Cuốn | 5 | 76,630 | 383,150 |
| 98 | Những giải pháp kỹ thuật an toàn trong xây dựng | Tác giả: Nguyễn Bá Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 226 | Cuốn | 5 | 47,520 | 237,600 |
| 99 | Kỹ năng phòng chống cháy nổ và thoát hiểm | Tác giả: Nguyễn Thành Long Bùi Hữu Hạnh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 166 | Cuốn | 5 | 82,450 | 412,250 |
| 100 | Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước | Tác giả: Nguyễn Hữu Đại<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 400 | Cuốn | 10 | 339,500 | 3,395,000 |
| 101 | Giáo trình Thị trường tài chính và các định chế tài chính | Tác giả: Lê Thị Tuyết Hoa<br>Nhà xuất bản: KTTPHCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 588 | Cuốn | 30 | 145,500 | 4,365,000 |
| 102 | Kế Toán Hành Chính Sự Nghiệp (Lý Thuyết - Sơ Đồ Kế Toán - Bài Tập Ứng Dụng) | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Dân Trí<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20 x27 cm<br>Số trang: 419 | Cuốn | 5 | 484,030 | 2,420,150 |
| 103 | Giáo Trình Marketing Du Lịch | Tác giả: Nguyễn Thu Thủy<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 20 | 135,800 | 2,716,000 |
| 104 | Hành vi người tiêu dùng | Tác giả: Nguyễn Thi Hoàng Yến<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 168 | Cuốn | 10 | 125,550 | 1,255,500 |
| 105 | Đạo đức trong kinh doanh | Tác giả: Khánh Trang<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 10 | 84,550 | 845,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 212 | | | | |
| 106 | Giáo trình Toán Kinh tế | Tác giả: Hoàng Xuân Vinh<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 107 | Marketing căn bản | Tác giả: Trump<br>Nhà xuất bản: Lao động<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x20.5cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 108 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | Tác giả: Ths Nguyễn Đặng Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 206 | Cuốn | 5 | 160,550 | 802,750 |
| 109 | Nguyên lý quản trị chuỗi cung ứng | Tác giả: Michael Hugos<br>Nhà xuất bản: Thế giới<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13 x 20.5 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 110 | Định mức kinh tế - Kỹ thuật | Tác giả: Bộ xd<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 84 | Cuốn | 5 | 81,340 | 406,700 |
| 111 | Logistics Và Quản Trị Chuỗi Cung Ứng | Tác giả: Paul R MURPHY JR<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 27.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 10 | 485,100 | 4,851,000 |
| 112 | Phân Tích Báo Cáo Tài Chính Cẩm Nang Dành Cho Người Thực Hành (Ấn Bản Lần Thứ 5) | Tác giả: Trần Mạnh Cường dịch<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 540 | Cuốn | 5 | 489,020 | 2,445,100 |
| 113 | Quản trị vận hành và chuỗi cung | Tác giả: F Robert Jacobs & Richard B Chase<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 724 | Cuốn | 5 | 890,010 | 4,450,050 |
| 114 | Kiểm soát chi phí mua hàng và quản lý nhà cung cấp | Tác giả: Chu Vân<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022 | Cuốn | 5 | 213,400 | 1,067,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 591 | | | | |
| 115 | Các phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc hóa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Đĩnh, Trần Thị Đà<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 580 | Cuốn | 10 | 376,360 | 3,763,600 |
| 116 | Hóa dược - tập 1 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 150,100 | 1,501,000 |
| 117 | Hóa dược - tập 2 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội - Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 159,600 | 1,596,000 |
| 118 | Dược lý học Tập 1 | Tác giả: Vũ Thị Trâm CB, ThS Đào Thị Vui<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 10 | 66,500 | 665,000 |
| 119 | Dược lý học Tập 2 | Tác giả: Mai Tất Tố TS Vũ, Thị Trâm (CB)<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 118,750 | 1,187,500 |
| 120 | Hóa sinh (BSĐK) | Tác giả: Tạ Thành Văn Đặng Thị Ngọc Dung<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 247,000 | 2,470,000 |
| 121 | Từ điển cây thuốc Việt Nam T1 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1676 | Cuốn | 5 | 679,250 | 3,396,250 |
| 122 | Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) - Tập 2 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1544 | Cuốn | 5 | 631,750 | 3,158,750 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 123 | Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam, | Tác giả: Phạm Huy Xu Võ Văn Thành<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 336 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 124 | Quản trị bán hàng hiệu quả | Tác giả: Hoàng thị Kim Phượng dịch<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 23 x 15 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 30 | 209,250 | 6,277,500 |
| 125 | Vật liệu biến hóa có chiết suất âm: công nghệ chế tạo, tính chất và ứng dụng | Tác giả: Vũ Đình Lãm<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 286 | Cuốn | 5 | 156,750 | 783,750 |
| 126 | Giáo trình kỹ thuật phân tích vật lý | Tác giả: Phạm Ngọc Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 358 | Cuốn | 5 | 159,600 | 798,000 |
| 127 | Biến đổi tín hiệu và ứng dụng | Tác giả: Nguyễn Thanh Hương, Phạm Thị Ngọc Yến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 10 | 162,120 | 1,621,200 |
| 128 | Kỹ thuật đo lường hiện đại | Tác giả: Phạm Thượng Hàn, Cao Minh Quyền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 180,600 | 1,806,000 |
| 129 | Cơ học thuỷ khí kỹ thuật | Tác giả: Vũ Duy Quang, Lê hanh Tùng, Phạm Thị Thanh Hương, Hoàng Công Liêm, Ngô Văn Hệ<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 352 | Cuốn | 10 | 240,240 | 2,402,400 |
| 130 | Kỹ thuật lập trình trong thuỷ khí ứng dụng | Tác giả: Phạm Văn Sáng, Ngô Ích Long<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,120 | 3,662,400 |
| 131 | Dao động và động lực học | Tác giả: Nguyễn Phong Điền, | Cuốn | 20 | 216,720 | 4,334,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | máy | Nguyễn Quang Hoàng, Nguyễn Thị Vân Hương<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 410 | | | | |
| 132 | English for environmental Science | Tác giả: Ta Le My Hạnh, Nguyen Thi Hiên, Vu Lan Hương, Do Lan Phương, Tran Hong Thúy<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 232 | Cuốn | 10 | 132,720 | 1,327,200 |
| 133 | Giáo trình luật kinh doanh | Tác giả: Nguyễn Văn Lâm, Vũ Quang, Nguyễn Thị Thuý Hằng<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 364 | Cuốn | 10 | 155,400 | 1,554,000 |
| 134 | Điều khiển logic và PLC | Tác giả: Dương Minh Đức, Đỗ Trọng Hiến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 240 | Cuốn | 20 | 119,280 | 2,385,600 |
| 135 | Điện tử ô tô - Sửa chữa,bảo trì ô tô với bộ quét lỗi và bộ đọc mã chuyên nghiệp | Tác giả: Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 136 | Chẩn đoán,sửa chữa,bảo trì hệ thống điều khiển bằng máy tính trên ô tô (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà Trịnh Hoài, Ân Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 198,850 | 1,988,500 |
| 137 | Điều khiển bằng máy tính trên ôtô châu Âu và châu Á (Chẩn đoán, Sửa chữa) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 15 | 198,850 | 2,982,750 |
| 138 | Ứng dụng Power BI trong kinh tế , tải chính, kế toán | Tác giả: Đàng Quang Vắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số trang: 432 | | | | |
| 139 | Tự động hóa với PLC Siemens | Tác giả: Đào Thị Mai Phương (cb) Nguyễn Duy Trung Lê Doãn Trình Nguyễn Hữu Thắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 430 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 140 | Giáo dục Stem.Tích hợp hướng nghiệp | Tác giả: Trương Ngọc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 160 | Cuốn | 10 | 116,400 | 1,164,000 |
| 141 | Ứng dụng Power Bi và AI trong phân tích tài chính | Tác giả: Đỗ Như Tài, Nguyễn Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu Thúy, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 432 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 142 | Giáo trình tác phẩm báo mạng điện tử | Tác giả: Nguyễn Thị Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5<br>Số trang: 324 | Cuốn | 10 | 106,950 | 1,069,500 |
| 143 | AI và cong người | Tác giả: Hồ Tú Bảo<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | Cuốn | 10 | 241,800 | 2,418,000 |
| 144 | Chiến trường bán dẫn | Tác giả: Phạm Sỹ Thành, Nguyễn Tuệ Anh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 515 | Cuốn | 5 | 343,170 | 1,715,850 |
| 145 | Bá chủ AI: Trí tuệ nhân tạo, Chat GPT, và cuộc chạy đua thay đổi thế giới | Tác giả: Pamy Olson, Phương Thúy dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 350 | Cuốn | 5 | 250,170 | 1,250,850 |
| 146 | Lịch sử tiến hóa của dữ liệu | Tác giả: Cris Wiggins Matthew L Jones Trung Tùng, Quỳnh Anh dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông | Cuốn | 5 | 246,450 | 1,232,250 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 370 | | | | |
| 147 | AI tạo sinh - 100 ứng dụng thay đổi xã hôi kinh doanh | Tác giả: Bernard Marr<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | Cuốn | 10 | 385,950 | 3,859,500 |
| 148 | Chuyển đổi số kinh doanh tại Việt nam | Tác giả: Bùi Xuân Chung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 331 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |
| 149 | Ứng dụng nền tảng số trong tổ chức và hoạt động của chính phủ | Tác giả: Phạm Ngọc Huyền<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 238 | Cuốn | 5 | 181,350 | 906,750 |
| 150 | Đô thị thông minh - Đô thị của tương lai | Tác giả: Nguyễn Nhật Quang, Phạm Duy Trung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 187 | Cuốn | 5 | 106,950 | 534,750 |
| 151 | Hệ sinh thái dữ liệu chính phủ mở cho doanh nghiệp Việt nam | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 179 | Cuốn | 5 | 129,270 | 646,350 |
| 152 | Kinh tế số ảnh hưởng tới năng xuất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Việt nam | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 194 | Cuốn | 5 | 102,300 | 511,500 |
| 153 | Liên kết toàn cầu: Thông tin đối ngoại trong thời đại số | Tác giả: Trần Trung Tình<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 345 | Cuốn | 5 | 255,750 | 1,278,750 |
| 154 | Công nghệ bán dẫn tiên tiến | Tác giả: Học Viện Bưu chính Viễn thông<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông | Cuốn | 5 | 144,150 | 720,750 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | | | | |
| 155 | Hiểu về công đoạn chế tạo bán dẫn | Tác giả: LetuinEdu<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 5 | 435,240 | 2,176,200 |
| 156 | Thương mại điện tử | Tác giả: Ao Thu Hoài, Nguyễn Việt Khôi<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 425 | Cuốn | 10 | 171,000 | 1,710,000 |
| 157 | Xây dựng máy tự động bằng PLC (Được hỗ trợ chi tiết về sách qua khóa học) | Tác giả: Lê Khắc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 5 | 267,840 | 1,339,200 |
| 158 | GT Tự động hóa truyền động khí nén | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp, Nguyễn Thị Mai Hương<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 392 | Cuốn | 10 | 200,880 | 2,008,800 |
| 159 | GT Xử lý tín hiệu và lọc số | Tác giả: Nguyễn Văn Vinh (CB), Bùi Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Phương Hòa, Nguyễn thị Huyền Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 448 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 160 | GT Định Tuyến và chuyển mạch | Tác giả: Vi Hoài Nam, Đặng Vân Anh, Ths Đào Mạnh Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 156,240 | 1,562,400 |
| 161 | GT Điện tử công suất | Tác giả: Đỗ Thành Hiếu (CB) Nguyễn Viết Ngư, Nguyễn Đình Hùng, Đỗ Công Thắng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025 | Cuốn | 10 | 137,640 | 1,376,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 272 | | | | |
| 162 | GT CAD/CEA trong tính toán thiết kế và mô phỏng ô tô | Tác giả: Lê Văn Quỳnh (CB) Bùi Văn Cường, Nguyễn Minh Châu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 5 | 219,480 | 1,097,400 |
| 163 | Lập trình PLC theo thuật toán | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp (CB) Lê Hồng Thái, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Anh Đức, Đàm Quang Hùng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 10 | 174,840 | 1,748,400 |
| 164 | Điều khiển hệ khí nén và thủy lực | Tác giả: Trần Ngọc Hải (CB) Trần Xuân Tùy<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 249,240 | 2,492,400 |
| 165 | Thẩm định phương pháp và đánh giá độ không đảm bảo đo trong phân tich hóa học ( TB có bổ xung) | Tác giả: Trần Cao Sơn<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |
| 166 | Khung bê tông cốt thép toàn khối | Tác giả: Lê Bá Huấn (CB) Phan Minh Tuấn, Nguyễn Đăng Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20, 5x 29,7 cm<br>Số trang: 196 | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |
| 167 | Xử lý số tín hiệu | Tác giả: Hoàng Lê Uyên Thục (CB), Hồ Phước Tiến, Trần Thị Minh Hạnh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 184,140 | 1,841,400 |
| 168 | Giáo trình Thiết kế vi mạch tương tự công nghệ CMOS | Tác giả: Võ Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 5 | 184,140 | 920,700 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 192 | | | | |
| 169 | Lập Và Thẩm Định Dự Án Đầu Tư | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 170 | Giáo Trình Kế Toán Quản Trị | Tác giả: Phạm Xuân Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 750 | Cuốn | 10 | 662,400 | 6,624,000 |
| 171 | MARKETING DU LỊCH | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 508 | Cuốn | 20 | 379,200 | 7,584,000 |
| 172 | Quản Lý Tài Chính Thực Chiến Cho Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa | Tác giả: Trần Võ Quang, Đỗ Thị Hà Thương<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 20 | 144,000 | 2,880,000 |
| 173 | Kế Toán Quản Trị Giản Lược | Tác giả: Nguyễn Tấn Bình<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | Cuốn | 30 | 240,000 | 7,200,000 |
| 174 | Định Giá Doanh Nghiệp Và Tài Sản Ứng Dụng Trong Đầu Tư Tài Chính | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 492 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 175 | Thuế và ra quyết định tài chính | Tác giả: Phạm Châu Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 202 | Cuốn | 10 | 152,640 | 1,526,400 |
| 176 | HDTH 161 Sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Kinh Tế TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 5 | 662,400 | 3,312,000 |
| 177 | Hệ thống thông tin kế toán báo cáo kế toán theo phương pháp thủ công | Tác giả: Đặng Văn Sáng<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 10 | 479,040 | 4,790,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 178 | Ứng dụng Solidworks trong tính toán thiết kế cơ khí | Tác giả: Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 420 | Cuốn | 10 | 190,080 | 1,900,800 |
| 179 | Giáo trình AutoCad.Tự học nhanh AutoCad bằng hình ảnh (2024-2023-2022) | Tác giả: Vũ Thị Ánh Tuyết, Phạm Phương Hoa<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 184,320 | 1,843,200 |
| 180 | Tin học văn phòng - Tự học nhanh PowerPoint bằng hình ảnh | Tác giả: Tôn Sơn Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 400 | Cuốn | 10 | 177,600 | 1,776,000 |
| 181 | Quản trị an toàn an ninh mạng | Tác giả: Keisuke Kamata<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |
| 182 | IS - BoK 2.0 - Bộ kiên thức cốt lõi về an toàn thông tin | Tác giả: Phạm Duy Trung dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 460 | Cuốn | 5 | 455,700 | 2,278,500 |
| 183 | Giáo trình kĩ thuật mạng truyền thông | Tác giả: Nguyễn Tiến Ban<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 5 | 251,100 | 1,255,500 |
| 184 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 1 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 20 | 144,150 | 2,883,000 |
| 185 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 2 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 20 | 111,600 | 2,232,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 186 | Nguyên lý và hiệu năng hệ thống truyền thông quang không dây | Tác giả: Đặng Thế Ngọc<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 195 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 187 | Giáo trình Thuế và Kế toán thuế | Tác giả: Lê Thị Ngọc Phượng<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 315 | Cuốn | 30 | 144,150 | 4,324,500 |
| 188 | Giáo trình tài chính tiền tệ | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức Vũ Quang Kết<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 128,340 | 2,566,800 |
| 189 | Giáo trình kế toán xuất nhập khẩu | Tác giả: Đào Thị Thu Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 290 | Cuốn | 10 | 113,460 | 1,134,600 |
| 190 | Giáo trình nguyên lý kế toán | Tác giả: Nguyễn Thị Chinh Lam<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | Cuốn | 30 | 134,850 | 4,045,500 |
| 191 | Thiết kế IC tương tự | Tác giả: Phạm Nguyễn Thanh Loan Nguyễn Văn Quyết<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 288 | Cuốn | 20 | 113,400 | 2,268,000 |
| **Tổng cộng:** | | | | **2663** | | **464,025,120** |

- Tổng giá trị theo Hợp đồng theo Hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03/11/2025 là: **470.890.870 VND** (*Bằng chữ: Bốn trăm bảy mươi triệu tám trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng)*

- Tổng giá trị thực tế nghiệm thu, bàn giao hàng hóa ngày 13/11/2025 là: **464.025.120 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng)*

- Bên A đã tạm ứng cho bên B: 0 đồng.

- Bên A phải thanh toán cho bên B số tiền là: **464.025.120 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi tư triệu không trăm hai mươi lăm nghìn một trăm hai mươi đồng).*

Bên B đã hoàn thành việc bàn giao sách giáo trình và tham khảo theo đúng tiêu chuẩn như đã thoả thuận trong hợp đồng cho bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo đúng giá trị trong thanh lý hợp đồng.

Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03/11/2025. Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI
ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO HÀNG HOÁ

*Căn cứ Quyết định số 2495/QD-MĐC của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua sắm sách giáo trình và tham khảo";*

*Căn cứ Hợp đồng số: HD2500177608_2510311032* giữ Trường Đại học Mỏ Địa - *chất và Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội ký ngày 03 tháng 11 năm 2025*

*Hôm nay, ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Chúng tôi gồm:*

Đại diện bên A: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Bà Nguyễn Thị Hải Yến Chức vụ: Phó GĐ TTTT-TV
- Ông Huỳnh Thanh Tùng Chức vụ: Phó Trưởng phòng CSVC

Đại diện bên B: **NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI**

- Bà Đỗ Thị Hoạt Chức vụ: Chuyên viên

Bên B đã tiến hành bàn giao nghiệm thu hàng hóa theo đúng hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03/11/2025 như sau:

| STT | Danh mục hàng hóa | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quản lý thông tin dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương và Trần Quang Phú<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 30 | 149,760 | 4,492,800 |
| 2 | BIM trong thiết kế cầu và Hạ tầng | Tác giả: Markus Noldgen<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 5 | 210,240 | 1,051,200 |
| 3 | Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác | Tác giả: Nguyễn Đức Thiềm<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 159,360 | 1,593,600 |
| 4 | Giáo Trình Quản Lý Học Cơ Bản | Tác giả: Nguyễn Thanh Bình<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 312 | Cuốn | 30 | 129,600 | 3,888,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Hình thái học đô thị | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |
| 6 | Đô thị học - Những khái niệm mở đầu | Tác giả: Trương Quang Thao<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2003<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 30 | 124,800 | 3,744,000 |
| 7 | Quản lý rủi ro dự án đầu tư xây dựng. | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương, Huỳnh Thị Yến Thảo<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 209 | Cuốn | 40 | 123,840 | 4,953,600 |
| 8 | Hạ tầng kỹ thuật đô thị | Tác giả: Trần Minh Phụng, Nguyễn Duy Liêm, Lê Minh Quang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 262 | Cuốn | 30 | 134,400 | 4,032,000 |
| 9 | Giáo trình Quản lý bất động sản | Tác giả: Đoàn Dương Hà, Nguyễn Mậu Bành, Phạm Xuân Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 30 | 128,640 | 3,859,200 |
| 10 | Đầu tư bất động sản. | Tác giả: Gary Weldred<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 512 | Cuốn | 30 | 449,280 | 13,478,400 |
| 11 | Ứng dụng MS Project 2007 trong lập tiến độ và quản lý dự án xây dựng | Tác giả: Lương Đức Long Trần Trung Kiên Nguyễn Thành Trung mai Xuân Việt Trương Đình Nhật<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 cm<br>Số trang: 248 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |
| 12 | Nghiên cứu thực nghiệm kết cấu công trình | Tác giả: Nguyễn Trung Hiếu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 30 | 179,550 | 5,386,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | | | | |
| 13 | Giáo trình cấu tạo kiến trúc công trình dân dụng | Tác giả: Võ Huy Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 146 | Cuốn | 5 | 79,680 | 398,400 |
| 14 | Định giá bất động sản | Tác giả: Nguyễn Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 131 | Cuốn | 20 | 57,600 | 1,152,000 |
| 15 | Kinh tế tài chính dự án điện tái tạo | Tác giả: Mai Sỹ Hùng ĐH Xây dựng Hà Nội<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 216 | Cuốn | 40 | 128,640 | 5,145,600 |
| 16 | Đầu tư bất động sản cho thuê | Tác giả: Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường Trần Thị Trang, Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Hiệu đính Phạm Khánh Toàn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 40 | 478,080 | 19,123,200 |
| 17 | Quản lý bất động sản cho thuê | Tác giả: Heather & Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường, Trần Thị Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 20 | 523,200 | 10,464,000 |
| 18 | Thẩm định dự án đầu tư công trong xây dựng | Tác giả: Nghiêm Văn Dĩnh (CB), Nguyễn Quỳnh Sang, Nguyễn Thị Tiếp<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 30 | 114,240 | 3,427,200 |
| 19 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Tác giả: Nguyễn Tuấn Anh Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm | Cuốn | 30 | 218,880 | 6,566,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số trang: 388 | | | | |
| 20 | Dự toán xây dựng | Tác giả: Huỳnh Hàn Phong<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | Cuốn | 20 | 123,840 | 2,476,800 |
| 21 | Quản lý rủi ro trong xây dựng | Tác giả: Đinh Tuấn Hải, Nguyễn Hữu Huế<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 198 | Cuốn | 10 | 98,880 | 988,800 |
| 22 | Nghiệp vụ định giá xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Hồ Bạch Ngọc<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 472 | Cuốn | 10 | 154,560 | 1,545,600 |
| 23 | Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Nguyễn Thống<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 268 | Cuốn | 20 | 93,120 | 1,862,400 |
| 24 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 246 | Cuốn | 20 | 120,960 | 2,419,200 |
| 25 | Quản lý rủi ro | Tác giả: Harvard Business Review<br>Nhà xuất bản: Đại học Kinh tế quốc dân<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20.5x26.5cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 10 | 258,240 | 2,582,400 |
| 26 | Hợp đồng trong xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, TS Nguyễn Thị Lan Phương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 300 | Cuốn | 20 | 226,560 | 4,531,200 |
| 27 | Cơ học chất lỏng ứng dụng | Tác giả: Hoàng Văn Quý, CB Nguyễn Đình Lương, Lê Bá Sơn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 20 | 102,720 | 2,054,400 |
| 28 | Cơ học kỹ thuật | Tác giả: Nguyễn Văn, | Cuốn | 50 | 233,100 | 11,655,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khang Nguyễn Phong Điền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 464 | | | | |
| 29 | Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thực phẩm (TB) | Tác giả: Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Lan, Chi Từ Việt Phú, Lương Hồng Nga<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 5 | 137,750 | 688,750 |
| 30 | Vật liệu polyme phân hủy sinh học | Tác giả: Phạm Ngọc lân<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 96 | Cuốn | 30 | 25,200 | 756,000 |
| 31 | Giáo trình máy và thiết bị vận chuyển và định lượng | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 192 | Cuốn | 20 | 71,400 | 1,428,000 |
| 32 | Giáo trình máy và thiết bị chế biến lương thực | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 20 | 105,000 | 2,100,000 |
| 33 | Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm | Tác giả: Nguyễn Thị Minh Tú, Nguyễn Thị Thảo, Vũ Hồng Sơn<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 244 | Cuốn | 10 | 113,400 | 1,134,000 |
| 34 | Giáo trình bảo dưỡng sửa chữa máy thi công nền | Tác giả: Hà Văn Long, Lương Văn Đạt<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 89 | Cuốn | 10 | 108,640 | 1,086,400 |
| 35 | Giáo trình cơ sở kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013 | Cuốn | 10 | 57,230 | 572,300 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 90 | | | | |
| 36 | Giáo trình định giá sản phẩm xây dựng | Tác giả: Trần Thị Bạch Diệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 104 | Cuốn | 5 | 34,920 | 174,600 |
| 37 | Giáo trình kết cấu xây dựng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 5 | 59,170 | 295,850 |
| 38 | Giáo trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dung (CB), Trần Thị Thiềm, Trịnh Văn Cần<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 30 | 137,740 | 4,132,200 |
| 39 | Giáo trình lý thuyết kiến trúc đại cương | Tác giả: Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Đình Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 250 | Cuốn | 20 | 144,530 | 2,890,600 |
| 40 | Giáo trình máy và thiết bị thi công đất | Tác giả: Trần Đức Hiếu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,330 | 3,666,600 |
| 41 | Giáo trình Quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 122 | Cuốn | 10 | 42,680 | 426,800 |
| 42 | Giáo trình thi công công trình hạ tầng đô thị | Tác giả: Hồ Văn Quân (CB), Huỳnh Võ Duyên Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 306 | Cuốn | 30 | 193,030 | 5,790,900 |
| 43 | Giáo trình xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp bằng phương pháp sinh học | Tác giả: Nguyễn Văn Phước<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 298 | Cuốn | 10 | 102,820 | 1,028,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 44 | Khoa học quản lý (Sách chuyên khảo) | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Bùi Việt Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 10 | 234,740 | 2,347,400 |
| 45 | Bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Khởi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 180 | Cuốn | 10 | 86,330 | 863,300 |
| 46 | Bố cục kiến trúc công trình công nghiệp | Tác giả: Nguyễn Nam<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 120 | Cuốn | 10 | 36,860 | 368,600 |
| 47 | Kiến trúc cảnh quan | Tác giả: Hàn Tất Ngạn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 224 | Cuốn | 10 | 94,090 | 940,900 |
| 48 | Kiến trúc công trình | Tác giả: Nguyễn Tài My<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 30 | 138,710 | 4,161,300 |
| 49 | Kiến trúc công trình công cộng | Tác giả: Nguyễn Việt Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 10 | 172,660 | 1,726,600 |
| 50 | Kiến trúc nhà ở | Tác giả: Đặng Thái Hoàng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 252 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 51 | Chính sách đô thị tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị | Tác giả: Võ Kim Cương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | Cuốn | 10 | 92,150 | 921,500 |
| 52 | Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại | Tác giả: Lê Phục Quốc dịch<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 176 | Cuốn | 10 | 74,690 | 746,900 |
| 53 | Công tác thực hiện quy | Tác giả: Trần trọng Hanh | Cuốn | 10 | 38,800 | 388,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hoạch xây dựng đô thị | Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 108 | | | | |
| 54 | Đô thị Việt Nam - góc nhìn từ những nơi chốn | Tác giả: Vũ Hiệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 172 | Cuốn | 10 | 87,300 | 873,000 |
| 55 | Hệ thống giao thông thông minh trong đô thị | Tác giả: Đinh Văn Hiệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 126 | Cuốn | 10 | 69,840 | 698,400 |
| 56 | Quản lý đô thị | Tác giả: Nguyễn Ngọc Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 10 | 134,830 | 1,348,300 |
| 57 | Quản lý đô thị | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 156 | Cuốn | 10 | 58,200 | 582,000 |
| 58 | Quản lý đô thị các nước đang phát triển | Tác giả: Nguyễn Tố Lăng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 10 | 101,850 | 1,018,500 |
| 59 | Quản lý hạ tầng kỹ thuật | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 3 | 75,840 | 227,520 |
| 60 | Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị | Tác giả: Hồ Ngọc Hùng, Tống Ngọc Tú<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 61 | Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị | Tác giả: Vũ Thị Vinh, Phạm Hữu Đức, Nguyễn Văn Thịnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 5 | 61,110 | 305,550 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 166 | | | | |
| 62 | Giáo Trình Sau Đại Học Phương Pháp Nghiên Cứu khoa học Trong Kinh Doanh Cập Nhật Smart PLS | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 623 | Cuốn | 5 | 387,030 | 1,935,150 |
| 63 | Giáo trình cao học quản trị kinh doanh quốc tế (2023) | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 339,500 | 1,697,500 |
| 64 | GT Tài trợ thương mại quốc tế | Tác giả: Nguyễn Thị Quy<br>Nhà xuất bản: Thống kê<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | Cuốn | 20 | 58,200 | 1,164,000 |
| 65 | Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu; từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Minh CB<br>Nhà xuất bản: Khoa học xã hội<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 10 | 156,040 | 1,560,400 |
| 66 | Excel nâng cao. Phân tích dữ liệu và lập mô hình kinh doanh trong Excel | Tác giả: Phạm Quang Hiển Văn Thị Tư<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 408 | Cuốn | 20 | 168,780 | 3,375,600 |
| 67 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 5 | 38,000 | 190,000 |
| 68 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vĩ mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 20 | 40,850 | 817,000 |
| 69 | BT Mô hình toán kinh tế(Dành cho sinh viên các trường CĐ, ĐH khối Kinh tế) | Tác giả: Bùi Duy Phú CB Nguyễn Văn An<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 124 | Cuốn | 20 | 28,500 | 570,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 70 | Cơ sở văn hoá Việt Nam | Tác giả: Trần Ngọc Thêm<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 360 | Cuốn | 30 | 130,200 | 3,906,000 |
| 71 | Giáo trình Hán ngữ BOYA trung cấp 2 tập 2 | Tác giả: Lý Hiểu Kỳ<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 456 | Cuốn | 20 | 189,050 | 3,781,000 |
| 72 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc – Trình độ sơ cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 284 | Cuốn | 20 | 273,600 | 5,472,000 |
| 73 | Các phương pháp luyện kim bột tiên tiến và ứng dụng chế tạo nanocomposite, composite kim loại | Tác giả: Đoàn Đình Phương<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 276 | Cuốn | 20 | 218,550 | 4,371,000 |
| 74 | Vật liệu kỹ thuật điện | Tác giả: Trần Văn Tớp<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 234 | Cuốn | 50 | 172,200 | 8,610,000 |
| 75 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ Sơ Cấp - Tập 1 | Tác giả: Mã Tiễn Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |
| 76 | Luyện Thi Hsk Cấp Tốc (Cấp 5-6) | Tác giả: Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục<br>Nhà xuất bản: Đại Học Quốc Gia TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 568 | Cuốn | 20 | 223,200 | 4,464,000 |
| 77 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |
| 78 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ | Tác giả: Mã Tiễn Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Sơ Cấp - Tập 2 | TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | | | | |
| 79 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ tiền trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 244 | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |
| 80 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 1 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 81 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 2 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 338 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 82 | Tự học nhanh Python (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Lê Doãn Trinh, Đỗ Quang Hiệp Nguyễn Thiên Tân, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 180,420 | 1,804,200 |
| 83 | Kỹ thuật đo trong động cơ đốt trong và ô tô | Tác giả: Võ Nghĩa Trần Quang Vinh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 280 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 84 | Giáo trình sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 20 | 36,260 | 725,200 |
| 85 | Giáo trình Quản lý dịch vụ ô tô | Tác giả: Nguyễn Thanh Tuấn - ĐH Nha Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 220 | Cuốn | 10 | 113,680 | 1,136,800 |
| 86 | Gầm ô tô hiện đại | Tác giả: Nguyễn Hùng Mạnh | Cuốn | 10 | 131,320 | 1,313,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 212 | | | | |
| 87 | Công nghệ ô tô điện. Quyển 1: Nhận diện và sử dụng ô tô điện an toàn | Tác giả: TS Nguyễn Hùng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 172 | Cuốn | 20 | 107,800 | 2,156,000 |
| 88 | QCVN 13:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 32 | Cuốn | 10 | 38,220 | 382,200 |
| 89 | Giáo trình điều khiển khí nén | Tác giả: Bộ xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x27 cm<br>Số trang: 146 | Cuốn | 20 | 73,500 | 1,470,000 |
| 90 | Cở sở truyền động và điều khiển thủy lực lý thuyết và bài tập | Tác giả: Phạm Trọng Hòa<br>Jurgen Weber<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 20 | 143,560 | 2,871,200 |
| 91 | An toàn cháy trong kiến trúc cao tầng và siêu cao tầng ở Việt Nam | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 (cm)<br>Số trang: 148 | Cuốn | 5 | 92,120 | 460,600 |
| 92 | Bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn điện | Tác giả: Trần Quang Khánh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 321 | Cuốn | 5 | 193,030 | 965,150 |
| 93 | An toàn lao động trong công trình xây dựng | Tác giả: Nguyễn Văn Mỹ<br>Nguyễn Hoàng Vinh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 (cm)<br>Số trang: 267 | Cuốn | 5 | 110,580 | 552,900 |
| 94 | Luật an toàn, vệ sinh lao động (hiện hành) | Tác giả: Quốc hội<br>Nhà xuất bản: Chính trị quốc gia sự thật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023 | Cuốn | 5 | 51,410 | 257,050 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 132 | | | | |
| 95 | Giáo trình an toàn và sức khỏe lao động trong thi công xây dựng | Tác giả: Trần Quang Dũng<br>Hồ Ngọc Khoa<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 260 | Cuốn | 10 | 144,530 | 1,445,300 |
| 96 | Bộ luật lao động ( song ngữ việt - anh) | Tác giả: Bộ tài chính<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x19 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 5 | 105,730 | 528,650 |
| 97 | Sách Huấn luyện An Toàn, Vệ Sinh Lao Động | Tác giả: Đức Minh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 95 | Cuốn | 5 | 76,630 | 383,150 |
| 98 | Những giải pháp kỹ thuật an toàn trong xây dựng | Tác giả: Nguyễn Bá Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 226 | Cuốn | 5 | 47,520 | 237,600 |
| 99 | Kỹ năng phòng chống cháy nổ và thoát hiểm | Tác giả: Nguyễn Thành Long Bùi Hữu Hạnh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 166 | Cuốn | 5 | 82,450 | 412,250 |
| 100 | Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước | Tác giả: Nguyễn Hữu Đại<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 400 | Cuốn | 10 | 339,500 | 3,395,000 |
| 101 | Giáo trình Thị trường tài chính và các định chế tài chính | Tác giả: Lê Thị Tuyết Hoa<br>Nhà xuất bản: KTTPHCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 588 | Cuốn | 30 | 145,500 | 4,365,000 |
| 102 | Kế Toán Hành Chính Sự Nghiệp (Lý Thuyết - Sơ Đồ Kế Toán - Bài Tập Ứng Dụng) | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Dân Trí<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20 x27 cm<br>Số trang: 419 | Cuốn | 5 | 484,030 | 2,420,150 |
| 103 | Giáo Trình Marketing Du Lịch | Tác giả: Nguyễn Thu Thủy<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 20 | 135,800 | 2,716,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 380 | | | | |
| 104 | Hành vi người tiêu dùng | Tác giả: Nguyễn Thi Hoàng Yến<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 168 | Cuốn | 10 | 125,550 | 1,255,500 |
| 105 | Đạo đức trong kinh doanh | Tác giả: Khánh Trang<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 10 | 84,550 | 845,500 |
| 106 | Giáo trình Toán Kinh tế | Tác giả: Hoàng Xuân Vinh<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 107 | Marketing căn bản | Tác giả: Trump<br>Nhà xuất bản: Lao động<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x20.5cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 108 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | Tác giả: Ths Nguyễn Đặng Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 206 | Cuốn | 5 | 160,550 | 802,750 |
| 109 | Nguyên lý quản trị chuỗi cung ứng | Tác giả: Michael Hugos<br>Nhà xuất bản: Thế giới<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13 x 20.5 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 110 | Định mức kinh tế - Kỹ thuật | Tác giả: Bộ xd<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 84 | Cuốn | 5 | 81,340 | 406,700 |
| 111 | Logistics Và Quản Trị Chuỗi Cung Ứng | Tác giả: Paul R MURPHY JR<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 27.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 10 | 485,100 | 4,851,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 112 | Phân Tích Báo Cáo Tài Chính Cẩm Nang Dành Cho Người Thực Hành (Ấn Bản Lần Thứ 5) | Tác giả: Trần Mạnh Cường dịch<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 540 | Cuốn | 5 | 489,020 | 2,445,100 |
| 113 | Quản trị vận hành và chuỗi cung | Tác giả: F Robert Jacobs & Richard B Chase<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 724 | Cuốn | 5 | 890,010 | 4,450,050 |
| 114 | Kiểm soát chi phí mua hàng và quản lý nhà cung cấp | Tác giả: Chu Vân<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 591 | Cuốn | 5 | 213,400 | 1,067,000 |
| 115 | Các phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc hóa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Đĩnh, Trần Thị Đà<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 580 | Cuốn | 10 | 376,360 | 3,763,600 |
| 116 | Hóa dược - tập 1 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 150,100 | 1,501,000 |
| 117 | Hóa dược - tập 2 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội - Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 159,600 | 1,596,000 |
| 118 | Dược lý học Tập 1 | Tác giả: Vũ Thị Trâm CB, ThS Đào Thị Vui<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 10 | 66,500 | 665,000 |
| 119 | Dược lý học Tập 2 | Tác giả: Mai Tất Tố TS Vũ, Thị Trâm (CB)<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 118,750 | 1,187,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 120 | Hóa sinh (BSĐK) | Tác giả: Tạ Thành Văn<br>Đặng Thị Ngọc Dung<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 247,000 | 2,470,000 |
| 121 | Từ điển cây thuốc Việt Nam T1 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1676 | Cuốn | 5 | 679,250 | 3,396,250 |
| 122 | Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) - Tập 2 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1544 | Cuốn | 5 | 631,750 | 3,158,750 |
| 123 | Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam, | Tác giả: Phạm Huy Xu Võ Văn Thành<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 336 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 124 | Quản trị bán hàng hiệu quả | Tác giả: Hoàng thị Kim Phượng dịch<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 23 x 15 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 30 | 209,250 | 6,277,500 |
| 125 | Vật liệu biến hóa có chiết suất âm: công nghệ chế tạo, tính chất và ứng dụng | Tác giả: Vũ Đình Lãm<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 286 | Cuốn | 5 | 156,750 | 783,750 |
| 126 | Giáo trình kỹ thuật phân tích vật lý | Tác giả: Phạm Ngọc Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 358 | Cuốn | 5 | 159,600 | 798,000 |
| 127 | Biến đổi tín hiệu và ứng dụng | Tác giả: Nguyễn Thanh Hương, Phạm Thị Ngọc Yến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 10 | 162,120 | 1,621,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 128 | Kỹ thuật đo lường hiện đại | Tác giả: Phạm Thượng Hàn, Cao Minh Quyền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 180,600 | 1,806,000 |
| 129 | Cơ học thuỷ khí kỹ thuật | Tác giả: Vũ Duy Quang, Lê hanh Tùng, Phạm Thị Thanh Hương, Hoàng Công Liêm, Ngô Văn Hệ<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 352 | Cuốn | 10 | 240,240 | 2,402,400 |
| 130 | Kỹ thuật lập trình trong thuỷ khí ứng dụng | Tác giả: Phạm Văn Sáng, Ngô Ích Long<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,120 | 3,662,400 |
| 131 | Dao động và động lực học máy | Tác giả: Nguyễn Phong Điền, Nguyễn Quang Hoàng, Nguyễn Thị Vân Hương<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 410 | Cuốn | 20 | 216,720 | 4,334,400 |
| 132 | English for environmental Science | Tác giả: Ta Le My Hạnh, Nguyen Thi Hiên, Vu Lan Hương, Do Lan Phương, Tran Hong Thúy<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 232 | Cuốn | 10 | 132,720 | 1,327,200 |
| 133 | Giáo trình luật kinh doanh | Tác giả: Nguyễn Văn Lâm, Vũ Quang, Nguyễn Thị Thuý Hằng<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 364 | Cuốn | 10 | 155,400 | 1,554,000 |
| 134 | Điều khiển logic và PLC | Tác giả: Dương Minh Đức, Đỗ Trọng Hiến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 20 | 119,280 | 2,385,600 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 240 | | | | |
| 135 | Điện tử ô tô - Sửa chữa,bảo trì ô tô với bộ quét lỗi và bộ đọc mã chuyên nghiệp | Tác giả: Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 136 | Chẩn đoán,sửa chữa,bảo trì hệ thống điều khiển bằng máy tính trên ô tô (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà Trịnh Hoài, Ân Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 198,850 | 1,988,500 |
| 137 | Điều khiển bằng máy tính trên ôtô châu Âu và châu Á (Chẩn đoán, Sửa chữa) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 15 | 198,850 | 2,982,750 |
| 138 | Ứng dụng Power BI trong kinh tế , tải chính, kế toán | Tác giả: Đàng Quang Vắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 432 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 139 | Tự động hóa với PLC Siemens | Tác giả: Đào Thị Mai Phương (cb) Nguyễn Duy Trung Lê Doãn Trinh Nguyễn Hữu Thắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 430 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 140 | Giáo dục Stem.Tích hợp hướng nghiệp | Tác giả: Trương Ngọc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 160 | Cuốn | 10 | 116,400 | 1,164,000 |
| 141 | Ứng dụng Power Bi và AI trong phân tích tài chính | Tác giả: Đỗ Như Tài, Nguyễn Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu Thúy, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 432 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 142 | Giáo trình tác phẩm báo | Tác giả: Nguyễn Thị | Cuốn | 10 | 106,950 | 1,069,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | mạng điện tử | Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5<br>Số trang: 324 | | | | |
| 143 | AI và cong người | Tác giả: Hồ Tú Bảo<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | Cuốn | 10 | 241,800 | 2,418,000 |
| 144 | Chiến trường bán dẫn | Tác giả: Phạm Sỹ Thành, Nguyễn Tuệ Anh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 515 | Cuốn | 5 | 343,170 | 1,715,850 |
| 145 | Bá chủ AI: Trí tuệ nhân tạo, Chat GPT, và cuộc chạy đua thay đổi thế giới | Tác giả: Pamy Olson, Phương Thúy dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 350 | Cuốn | 5 | 250,170 | 1,250,850 |
| 146 | Lịch sử tiến hóa của dữ liệu | Tác giả: Cris Wiggins Matthew L Jones Trung Tùng, Quỳnh Anh dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 370 | Cuốn | 5 | 246,450 | 1,232,250 |
| 147 | AI tạo sinh - 100 ứng dụng thay đổi xã hôi kinh doanh | Tác giả: Bernard Marr<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | Cuốn | 10 | 385,950 | 3,859,500 |
| 148 | Chuyển đổi số kinh doanh tại Việt nam | Tác giả: Bùi Xuân Chung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 331 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |
| 149 | Ứng dụng nền tảng số trong tổ chức và hoạt động của chính phủ | Tác giả: Phạm Ngọc Huyền<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025 | Cuốn | 5 | 181,350 | 906,750 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 238 | | | | |
| 150 | Đô thị thông minh - Đô thị của tương lai | Tác giả: Nguyễn Nhật Quang, Phạm Duy Trung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 187 | Cuốn | 5 | 106,950 | 534,750 |
| 151 | Hệ sinh thái dữ liệu chính phủ mở cho doanh nghiệp Việt nam | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 179 | Cuốn | 5 | 129,270 | 646,350 |
| 152 | Kinh tế số ảnh hưởng tới năng xuất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Việt nam | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 194 | Cuốn | 5 | 102,300 | 511,500 |
| 153 | Liên kết toàn cầu: Thông tin đối ngoại trong thời đại số | Tác giả: Trần Trung Tình<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 345 | Cuốn | 5 | 255,750 | 1,278,750 |
| 154 | Công nghệ bán dẫn tiên tiến | Tác giả: Học Viện Bưu chính Viễn thông<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | Cuốn | 5 | 144,150 | 720,750 |
| 155 | Hiểu về công đoạn chế tạo bán dẫn | Tác giả: LetuinEdu<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 5 | 435,240 | 2,176,200 |
| 156 | Thương mại điện tử | Tác giả: Ao Thu Hoài, Nguyễn Việt Khôi<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 425 | Cuốn | 10 | 171,000 | 1,710,000 |
| 157 | Xây dựng máy tự động bằng PLC (Được hỗ trợ chi | Tác giả: Lê Khắc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và | Cuốn | 5 | 267,840 | 1,339,200 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | tiết về sách qua khóa học) | kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 132 | | | | |
| 158 | GT Tự động hóa truyền động khí nén | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp, Nguyễn Thị Mai Hương<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 392 | Cuốn | 10 | 200,880 | 2,008,800 |
| 159 | GT Xử lý tín hiệu và lọc số | Tác giả: Nguyễn Văn Vinh (CB), Bùi Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Phương Hòa, Nguyễn thị Huyền Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 448 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 160 | GT Định Tuyến và chuyển mạch | Tác giả: Vi Hoài Nam, Đặng Vân Anh, Ths Đào Mạnh Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 156,240 | 1,562,400 |
| 161 | GT Điện tử công suất | Tác giả: Đỗ Thành Hiếu (CB) Nguyễn Viết Ngư, Nguyễn Đình Hùng, Đỗ Công Thắng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 10 | 137,640 | 1,376,400 |
| 162 | GT CAD/CEA trong tính toán thiết kế và mô phỏng ô tô | Tác giả: Lê Văn Quỳnh (CB) Bùi Văn Cường, Nguyễn Minh Châu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 5 | 219,480 | 1,097,400 |
| 163 | Lập trình PLC theo thuật toán | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp (CB) Lê Hồng Thái, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Anh Đức, Đàm Quang Hùng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025 | Cuốn | 10 | 174,840 | 1,748,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | | | | |
| 164 | Điều khiển hệ khí nén và thủy lực | Tác giả: Trần Ngọc Hải (CB) Trần Xuân Tùy<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 249,240 | 2,492,400 |
| 165 | Thẩm định phương pháp và đánh giá độ không đảm bảo đo trong phân tich hóa học ( TB có bổ xung) | Tác giả: Trần Cao Sơn<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |
| 166 | Khung bê tông cốt thép toàn khối | Tác giả: Lê Bá Huấn (CB) Phan Minh Tuấn, Nguyễn Đăng Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20, 5x 29,7 cm<br>Số trang: 196 | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |
| 167 | Xử lý số tín hiệu | Tác giả: Hoàng Lê Uyên Thục (CB), Hồ Phước Tiến, Trần Thị Minh Hạnh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 184,140 | 1,841,400 |
| 168 | Giáo trình Thiết kế vi mạch tương tự công nghệ CMOS | Tác giả: Võ Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 192 | Cuốn | 5 | 184,140 | 920,700 |
| 169 | Lập Và Thẩm Định Dự Án Đầu Tư | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 170 | Giáo Trình Kế Toán Quản Trị | Tác giả: Phạm Xuân Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 750 | Cuốn | 10 | 662,400 | 6,624,000 |
| 171 | MARKETING DU LỊCH | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 20 | 379,200 | 7,584,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 508 | | | | |
| 172 | Quản Lý Tài Chính Thực Chiến Cho Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa | Tác giả: Trần Võ Quang, Đỗ Thị Hà Thương<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 20 | 144,000 | 2,880,000 |
| 173 | Kế Toán Quản Trị Giản Lược | Tác giả: Nguyễn Tấn Bình<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | Cuốn | 30 | 240,000 | 7,200,000 |
| 174 | Định Giá Doanh Nghiệp Và Tài Sản Ứng Dụng Trong Đầu Tư Tài Chính | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 492 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 175 | Thuế và ra quyết định tài chính | Tác giả: Phạm Châu Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 202 | Cuốn | 10 | 152,640 | 1,526,400 |
| 176 | HDTH 161 Sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Kinh Tế TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 5 | 662,400 | 3,312,000 |
| 177 | Hệ thống thông tin kế toán báo cáo kế toán theo phương pháp thủ công | Tác giả: Đặng Văn Sáng<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 10 | 479,040 | 4,790,400 |
| 178 | Ứng dụng Solidworks trong tính toán thiết kế cơ khí | Tác giả: Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 420 | Cuốn | 10 | 190,080 | 1,900,800 |
| 179 | Giáo trình AutoCad.Tự học nhanh AutoCad bằng hình ảnh (2024-2023-2022) | Tác giả: Vũ Thị Ánh Tuyết, Phạm Phương Hoa<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 184,320 | 1,843,200 |
| 180 | Tin học văn phòng - Tự học nhanh PowerPoint bằng hình ảnh | Tác giả: Tôn Sơn Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên | Cuốn | 10 | 177,600 | 1,776,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 400 | | | | |
| 181 | Quản trị an toàn an ninh mạng | Tác giả: Keisuke Kamata<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |
| 182 | IS - BoK 2.0 - Bộ kiên thức cốt lõi về an toàn thông tin | Tác giả: Phạm Duy Trung dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 460 | Cuốn | 5 | 455,700 | 2,278,500 |
| 183 | Giáo trình kĩ thuật mạng truyền thông | Tác giả: Nguyễn Tiến Ban<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 5 | 251,100 | 1,255,500 |
| 184 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 1 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 20 | 144,150 | 2,883,000 |
| 185 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 2 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 20 | 111,600 | 2,232,000 |
| 186 | Nguyên lý và hiệu năng hệ thống truyền thông quang không dây | Tác giả: Đặng Thế Ngọc<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 195 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 187 | Giáo trình Thuế và Kế toán thuế | Tác giả: Lê Thị Ngọc Phượng<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 315 | Cuốn | 30 | 144,150 | 4,324,500 |
| 188 | Giáo trình tài chính tiền tệ | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức Vũ Quang Kết<br>Nhà xuất bản: Thông tin và | Cuốn | 20 | 128,340 | 2,566,800 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 320 | | | | |
| 189 | Giáo trình kế toán xuất nhập khẩu | Tác giả: Đào Thị Thu Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 290 | Cuốn | 10 | 113,460 | 1,134,600 |
| 190 | Giáo trình nguyên lý kế toán | Tác giả: Nguyễn Thị Chinh Lam<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | Cuốn | 30 | 134,850 | 4,045,500 |
| 191 | Thiết kế IC tương tự | Tác giả: Phạm Nguyễn Thanh Loan Nguyễn Văn Quyết<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 288 | Cuốn | 20 | 113,400 | 2,268,000 |
| **Tổng cộng:** | | | | **2663** | | **464,025,120** |

Sau quá trình kiểm nhận, bên A xác nhận:

- Đã nhận đủ số lượng, tên sách đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Sách đảm bảo chất lượng, quy cách mới 100%.
- Biên bản gồm 25 trang tiếng Việt, được lập thành 4 bản, bên A giữ 2 bản, bên B giữ 2 bản, làm cơ sở để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ký ngày 03 tháng 11 năm 2025

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

Đỗ Thị Hoa

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

Nguyễn Thị Hải Yến

**Mẫu số 08a**
Mã hiệu: .....
Số: .....

# BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

*(áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

---

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

2. Mã đơn vị: 1055493 Mã nguồn: .....

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA ... ..... .. .....

4. Căn cứ Hợp đồng số: HD2500177608_2510311032 ngày 03 tháng 11 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội; Giá trị thanh lý hợp đồng: **464.025.120 VNĐ**.

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa ngày 13/11/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà xuất bản Bách khoa Hà Nội.

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Danh mục hàng hóa | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) | Thành tiền (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Quản lý thông tin dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương và Trần Quang Phú<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 30 | 149,760 | 4,492,800 |
| 2 | Bim trong thiết kế cầu và Hạ tầng | Tác giả: Markus Noldgen<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 5 | 210,240 | 1,051,200 |
| 3 | Khái niệm kiến trúc và cơ sở sáng tác | Tác giả: Nguyễn Đức Thiềm<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 159,360 | 1,593,600 |
| 4 | Giáo Trình Quản Lý Học Cơ Bản | Tác giả: Nguyễn Thanh Bình<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 312 | Cuốn | 30 | 129,600 | 3,888,000 |
| 5 | Hình thái học đô thị | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 228 | | | | |
| 6 | Đô thị học - Những khái niệm mở đầu | Tác giả: Trương Quang Thao<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2003<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 30 | 124,800 | 3,744,000 |
| 7 | Quản lý rủi ro dự án đầu tư xây dựng. | Tác giả: Vương Thị Thùy Dương, Huỳnh Thị Yến Thảo<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 209 | Cuốn | 40 | 123,840 | 4,953,600 |
| 8 | Hạ tầng kỹ thuật đô thị | Tác giả: Trần Minh Phụng, Nguyễn Duy Liêm, Lê Minh Quang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 262 | Cuốn | 30 | 134,400 | 4,032,000 |
| 9 | Giáo trình Quản lý bất động sản | Tác giả: Đoàn Dương Hà, Nguyễn Mậu Bành, Phạm Xuân Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 30 | 128,640 | 3,859,200 |
| 10 | Đầu tư bất động sản. | Tác giả: Gary Weldred<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 cm<br>Số trang: 512 | Cuốn | 30 | 449,280 | 13,478,400 |
| 11 | Ứng dụng MS Project 2007 trong lập tiến độ và quản lý dự án xây dựng | Tác giả: Lương Đức Long Trần Trung Kiên Nguyễn Thành Trung mai Xuân Việt Trương Đình Nhật<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 cm<br>Số trang: 248 | Cuốn | 30 | 120,000 | 3,600,000 |
| 12 | Nghiên cứu thực nghiệm kết cấu công trình | Tác giả: Nguyễn Trung Hiếu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 30 | 179,550 | 5,386,500 |
| 13 | Giáo trình cấu tạo kiến trúc công trình dân dụng | Tác giả: Võ Huy Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng | Cuốn | 5 | 79,680 | 398,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 146 | | | | |
| 14 | Định giá bất động sản | Tác giả: Nguyễn Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 131 | Cuốn | 20 | 57,600 | 1,152,000 |
| 15 | Kinh tế tài chính dự án điện tái tạo | Tác giả: Mai Sỹ Hùng ĐH Xây dựng Hà Nội<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 216 | Cuốn | 40 | 128,640 | 5,145,600 |
| 16 | Đầu tư bất động sản cho thuê | Tác giả: Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường Trần Thị Trang, Nguyễn Thị Ngọc Hòa, Hiệu đính Phạm Khánh Toàn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 406 | Cuốn | 40 | 478,080 | 19,123,200 |
| 17 | Quản lý bất động sản cho thuê | Tác giả: Heather & Brandon Tuner Biên dịch Hoàng Ngọc Cường, Trần Thị Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 20 | 523,200 | 10,464,000 |
| 18 | Thẩm định dự án đầu tư công trong xây dựng | Tác giả: Nghiêm Văn Dĩnh (CB), Nguyễn Quỳnh Sang, Nguyễn Thị Tiếp<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 30 | 114,240 | 3,427,200 |
| 19 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Tác giả: Nguyễn Tuấn Anh Bùi Mạnh Hùng, Lê Thị Minh Phương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 388 | Cuốn | 30 | 218,880 | 6,566,400 |
| 20 | Dự toán xây dựng | Tác giả: Huỳnh Hàn Phong<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 20 | 123,840 | 2,476,800 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | | | | |
| 21 | Quản lý rủi ro trong xây dựng | Tác giả: Đinh Tuấn Hải, Nguyễn Hữu Huế<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 198 | Cuốn | 10 | 98,880 | 988,800 |
| 22 | Nghiệp vụ định giá xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Hồ Bạch Ngọc<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 472 | Cuốn | 10 | 154,560 | 1,545,600 |
| 23 | Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Nguyễn Thống<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 268 | Cuốn | 20 | 93,120 | 1,862,400 |
| 24 | Kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 246 | Cuốn | 20 | 120,960 | 2,419,200 |
| 25 | Quản lý rủi ro | Tác giả: Harvard Business Review<br>Nhà xuất bản: Đại học Kinh tế quốc dân<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20.5x26.5cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 10 | 258,240 | 2,582,400 |
| 26 | Hợp đồng trong xây dựng | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, TS Nguyễn Thị Lan Phương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 300 | Cuốn | 20 | 226,560 | 4,531,200 |
| 27 | Cơ học chất lỏng ứng dụng | Tác giả: Hoàng Văn Quý, CB Nguyễn Đình Lương, Lê Bá Sơn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 20 | 102,720 | 2,054,400 |
| 28 | Cơ học kỹ thuật | Tác giả: Nguyễn Văn, Khang Nguyễn Phong Điền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 50 | 233,100 | 11,655,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 464 | | | | |
| 29 | Tiếng anh chuyên ngành công nghệ thực phẩm (TB) | Tác giả: Nguyễn Thị Hiền, Lê Thị Lan, Chi Từ Việt Phú, Lương Hồng Nga<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 5 | 137,750 | 688,750 |
| 30 | Vật liệu polyme phân hủy sinh học | Tác giả: Phạm Ngọc lân<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 96 | Cuốn | 30 | 25,200 | 756,000 |
| 31 | Giáo trình máy và thiết bị vận chuyển và định lượng | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 192 | Cuốn | 20 | 71,400 | 1,428,000 |
| 32 | Giáo trình máy và thiết bị chế biến lương thực | Tác giả: Tôn Thất Minh<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 20 | 105,000 | 2,100,000 |
| 33 | Hệ thống quản lý và đảm bảo chất lượng thực phẩm | Tác giả: Nguyễn Thị Minh Tú, Nguyễn Thị Thảo, Vũ Hồng Sơn<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 244 | Cuốn | 10 | 113,400 | 1,134,000 |
| 34 | Giáo trình bảo dưỡng sửa chữa máy thi công nền | Tác giả: Hà Văn Long, Lương Văn Đạt<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 89 | Cuốn | 10 | 108,640 | 1,086,400 |
| 35 | Giáo trình cơ sở kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 90 | Cuốn | 10 | 57,230 | 572,300 |
| 36 | Giáo trình định giá sản phẩm xây dựng | Tác giả: Trần Thị Bạch Diệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 5 | 34,920 | 174,600 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 104 | | | | |
| 37 | Giáo trình kết cấu xây dựng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 5 | 59,170 | 295,850 |
| 38 | Giáo trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng | Tác giả: Vương Thị Thùy Dung (CB), Trần Thị Thiềm, Trịnh Văn Cần<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 30 | 137,740 | 4,132,200 |
| 39 | Giáo trình lý thuyết kiến trúc đại cương | Tác giả: Đặng Thái Hoàng, Nguyễn Đình Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 250 | Cuốn | 20 | 144,530 | 2,890,600 |
| 40 | Giáo trình máy và thiết bị thi công đất | Tác giả: Trần Đức Hiếu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,330 | 3,666,600 |
| 41 | Giáo trình Quản lý quy hoạch kiến trúc cảnh quan và môi trường | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 122 | Cuốn | 10 | 42,680 | 426,800 |
| 42 | Giáo trình thi công công trình hạ tầng đô thị | Tác giả: Hồ Văn Quân (CB), Huỳnh Võ Duyên Anh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 306 | Cuốn | 30 | 193,030 | 5,790,900 |
| 43 | Giáo trình xử lý nước thải sinh hoạt và công nghiệp bằng phương pháp sinh học | Tác giả: Nguyễn Văn Phước<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 298 | Cuốn | 10 | 102,820 | 1,028,200 |
| 44 | Khoa học quản lý (Sách chuyên khảo) | Tác giả: Bùi Mạnh Hùng, Bùi Việt Thi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm | Cuốn | 10 | 234,740 | 2,347,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số trang: 404 | | | | |
| 45 | Bảo tồn và trùng tu các di tích kiến trúc | Tác giả: Nguyễn Khởi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 180 | Cuốn | 10 | 86,330 | 863,300 |
| 46 | Bố cục kiến trúc công trình công nghiệp | Tác giả: Nguyễn Nam<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2010<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 120 | Cuốn | 10 | 36,860 | 368,600 |
| 47 | Kiến trúc cảnh quan | Tác giả: Hàn Tất Ngạn<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 224 | Cuốn | 10 | 94,090 | 940,900 |
| 48 | Kiến trúc công trình | Tác giả: Nguyễn Tài My<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 30 | 138,710 | 4,161,300 |
| 49 | Kiến trúc công trình công cộng | Tác giả: Nguyễn Việt Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 10 | 172,660 | 1,726,600 |
| 50 | Kiến trúc nhà ở | Tác giả: Đặng Thái Hoàng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 252 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 51 | Chính sách đô thị tầm nhìn bao quát và hệ thống của nhà quản lý đô thị | Tác giả: Võ Kim Cương<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 208 | Cuốn | 10 | 92,150 | 921,500 |
| 52 | Cơ cấu quy hoạch của thành phố hiện đại | Tác giả: Lê Phục Quốc dịch<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 176 | Cuốn | 10 | 74,690 | 746,900 |
| 53 | Công tác thực hiện quy hoạch xây dựng đô thị | Tác giả: Trần trọng Hanh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 108 | Cuốn | 10 | 38,800 | 388,000 |
| 54 | Đô thị Việt Nam - góc nhìn | Tác giả: Vũ Hiệp | Cuốn | 10 | 87,300 | 873,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | từ những nơi chốn | Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 172 | | | | |
| 55 | Hệ thống giao thông thông minh trong đô thị | Tác giả: Đinh Văn Hiệp<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 126 | Cuốn | 10 | 69,840 | 698,400 |
| 56 | Quản lý đô thị | Tác giả: Nguyễn Ngọc Châu<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 10 | 134,830 | 1,348,300 |
| 57 | Quản lý đô thị | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 156 | Cuốn | 10 | 58,200 | 582,000 |
| 58 | Quản lý đô thị các nước đang phát triển | Tác giả: Nguyễn Tố Lăng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2020<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17x24 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 10 | 101,850 | 1,018,500 |
| 59 | Quản lý hạ tầng kỹ thuật | Tác giả: Phạm Trọng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 3 | 75,840 | 227,520 |
| 60 | Quy hoạch hệ thống giao thông đô thị | Tác giả: Hồ Ngọc Hùng, Tống Ngọc Tú<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 188 | Cuốn | 10 | 96,030 | 960,300 |
| 61 | Quy hoạch mạng lưới giao thông đô thị | Tác giả: Vũ Thị Vinh, Phạm Hữu Đức, Nguyễn Văn Thịnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 166 | Cuốn | 5 | 61,110 | 305,550 |
| 62 | Giáo Trình Sau Đại Học Phương Pháp Nghiên Cứu khoa học Trong Kinh Doanh Cập Nhật Smart PLS | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm | Cuốn | 5 | 387,030 | 1,935,150 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số trang: 623 | | | | |
| 63 | Giáo trình cao học quản trị kinh doanh quốc tế (2023) | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 339,500 | 1,697,500 |
| 64 | GT Tài trợ thương mại quốc tế | Tác giả: Nguyễn Thị Quy<br>Nhà xuất bản: Thống kê<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | Cuốn | 20 | 58,200 | 1,164,000 |
| 65 | Vận dụng phương pháp định lượng và định tính trong nghiên cứu; từ hình thành ý tưởng đến phát hiện khoa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Minh CB<br>Nhà xuất bản: Khoa học xã hội<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 10 | 156,040 | 1,560,400 |
| 66 | Excel nâng cao. Phân tích dữ liệu và lập mô hình kinh doanh trong Excel | Tác giả: Phạm Quang Hiển Văn Thị Tư<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 408 | Cuốn | 20 | 168,780 | 3,375,600 |
| 67 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vi mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 5 | 38,000 | 190,000 |
| 68 | 500 câu hỏi trắc nghiệm kinh tế học vĩ mô | Tác giả: P Văn Minh, Vũ Kim Dũng<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2012<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 20 | 40,850 | 817,000 |
| 69 | BT Mô hình toán kinh tế(Dành cho sinh viên các trường CĐ, ĐH khối Kinh tế) | Tác giả: Bùi Duy Phú CB Nguyễn Văn An<br>Nhà xuất bản: Giáo Dục<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2015<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 124 | Cuốn | 20 | 28,500 | 570,000 |
| 70 | Cơ sở văn hoá Việt Nam | Tác giả: Trần Ngọc Thêm<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 360 | Cuốn | 30 | 130,200 | 3,906,000 |
| 71 | Giáo trình Hán ngữ BOYA trung cấp 2 tập 2 | Tác giả: Lý Hiểu Kỳ<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN | Cuốn | 20 | 189,050 | 3,781,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 456 | | | | |
| 72 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc – Trình độ sơ cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 284 | Cuốn | 20 | 273,600 | 5,472,000 |
| 73 | Các phương pháp luyện kim bột tiên tiến và ứng dụng chế tạo nanocomposite, composite kim loại | Tác giả: Đoàn Đình Phương<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 276 | Cuốn | 20 | 218,550 | 4,371,000 |
| 74 | Vật liệu kỹ thuật điện | Tác giả: Trần Văn Tớp<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 234 | Cuốn | 50 | 172,200 | 8,610,000 |
| 75 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ Sơ Cấp - Tập 1 | Tác giả: Mã Tiến Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |
| 76 | Luyện Thi Hsk Cấp Tốc (Cấp 5-6) | Tác giả: Trương Văn Giới Lê Khắc Kiều Lục<br>Nhà xuất bản: Đại Học Quốc Gia TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 568 | Cuốn | 20 | 223,200 | 4,464,000 |
| 77 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 204 | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |
| 78 | Luyện Nói Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình Độ Sơ Cấp - Tập 2 | Tác giả: Mã Tiến Phi<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 152 | Cuốn | 20 | 150,100 | 3,002,000 |
| 79 | Luyện Nghe Tiếng Trung Quốc Cấp Tốc - Trình độ tiền trung cấp | Tác giả: Mao Duyệt<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM | Cuốn | 20 | 245,100 | 4,902,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 244 | | | | |
| 80 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 1 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 81 | Kỹ thuật điều khiển tự động tập 2 | Tác giả: Bùi Quý Lực<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 338 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 82 | Tự học nhanh Python (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Lê Doãn Trinh, Đỗ Quang Hiệp Nguyễn Thiên Tân, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 180,420 | 1,804,200 |
| 83 | Kỹ thuật đo trong động cơ đốt trong và ô tô | Tác giả: Võ Nghĩa Trần Quang Vinh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 280 | Cuốn | 20 | 122,220 | 2,444,400 |
| 84 | Giáo trình sửa chữa và bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 20 | 36,260 | 725,200 |
| 85 | Giáo trình Quản lý dịch vụ ô tô | Tác giả: Nguyễn Thanh Tuấn - ĐH Nha Trang<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 220 | Cuốn | 10 | 113,680 | 1,136,800 |
| 86 | Gầm ô tô hiện đại | Tác giả: Nguyễn Hùng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 10 | 131,320 | 1,313,200 |
| 87 | Công nghệ ô tô điện. Quyển 1: Nhận diện và sử dụng ô tô điện an toàn | Tác giả: TS Nguyễn Hùng Mạnh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 20 | 107,800 | 2,156,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 172 | | | | |
| 88 | QCVN 13:2018/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Gara ô tô | Tác giả: Bộ Xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21x31 cm<br>Số trang: 32 | Cuốn | 10 | 38,220 | 382,200 |
| 89 | Giáo trình điều khiển khí nén | Tác giả: Bộ xây dựng<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2013<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x27 cm<br>Số trang: 146 | Cuốn | 20 | 73,500 | 1,470,000 |
| 90 | Cở sở truyền động và điều khiển thủy lực lý thuyết và bài tập | Tác giả: Phạm Trọng Hòa<br>Jurgen Weber<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 20 | 143,560 | 2,871,200 |
| 91 | An toàn cháy trong kiến trúc cao tầng và siêu cao tầng ở Việt Nam | Tác giả: Doãn Minh Khôi<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 26.5 (cm)<br>Số trang: 148 | Cuốn | 5 | 92,120 | 460,600 |
| 92 | Bảo hộ lao động và kỹ thuật an toàn điện | Tác giả: Trần Quang Khánh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2008<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 321 | Cuốn | 5 | 193,030 | 965,150 |
| 93 | An toàn lao động trong công trình xây dựng | Tác giả: Nguyễn Văn Mỹ<br>Nguyễn Hoàng Vinh<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2014<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 17 x 24 (cm)<br>Số trang: 267 | Cuốn | 5 | 110,580 | 552,900 |
| 94 | Luật an toàn, vệ sinh lao động (hiện hành) | Tác giả: Quốc hội<br>Nhà xuất bản: Chính trị quốc gia sự thật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 5 | 51,410 | 257,050 |
| 95 | Giáo trình an toàn và sức khỏe lao động trong thi công xây dựng | Tác giả: Trần Quang Dũng<br>Hồ Ngọc Khoa<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm | Cuốn | 10 | 144,530 | 1,445,300 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Số trang: 260 | | | | |
| 96 | Bộ luật lao động ( song ngữ việt - anh) | Tác giả: Bộ tài chính<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x19 cm<br>Số trang: 304 | Cuốn | 5 | 105,730 | 528,650 |
| 97 | Sách Huấn luyện An Toàn, Vệ Sinh Lao Động | Tác giả: Đức Minh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 95 | Cuốn | 5 | 76,630 | 383,150 |
| 98 | Những giải pháp kỹ thuật an toàn trong xây dựng | Tác giả: Nguyễn Bá Dũng<br>Nhà xuất bản: Xây Dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2011<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 15x21 cm<br>Số trang: 226 | Cuốn | 5 | 47,520 | 237,600 |
| 99 | Kỹ năng phòng chống cháy nổ và thoát hiểm | Tác giả: Nguyễn Thành Long Bùi Hữu Hạnh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2019<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 166 | Cuốn | 5 | 82,450 | 412,250 |
| 100 | Hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ kho bạc nhà nước | Tác giả: Nguyễn Hữu Đại<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 400 | Cuốn | 10 | 339,500 | 3,395,000 |
| 101 | Giáo trình Thị trường tài chính và các định chế tài chính | Tác giả: Lê Thị Tuyết Hoa<br>Nhà xuất bản: KTTPHCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 588 | Cuốn | 30 | 145,500 | 4,365,000 |
| 102 | Kế Toán Hành Chính Sự Nghiệp (Lý Thuyết - Sơ Đồ Kế Toán - Bài Tập Ứng Dụng) | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Dân Trí<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20 x27 cm<br>Số trang: 419 | Cuốn | 5 | 484,030 | 2,420,150 |
| 103 | Giáo Trình Marketing Du Lịch | Tác giả: Nguyễn Thu Thủy<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 20 | 135,800 | 2,716,000 |
| 104 | Hành vi người tiêu dùng | Tác giả: Nguyễn Thi Hoàng Yến<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023 | Cuốn | 10 | 125,550 | 1,255,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 168 | | | | |
| 105 | Đạo đức trong kinh doanh | Tác giả: Khánh Trang<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5 x 20,5 cm<br>Số trang: 212 | Cuốn | 10 | 84,550 | 845,500 |
| 106 | Giáo trình Toán Kinh tế | Tác giả: Hoàng Xuân Vinh<br>Nhà xuất bản: ĐHQGHN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 107 | Marketing căn bản | Tác giả: Trump<br>Nhà xuất bản: Lao động<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13x20.5cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 108 | Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | Tác giả: Ths Nguyễn Đặng Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 206 | Cuốn | 5 | 160,550 | 802,750 |
| 109 | Nguyên lý quản trị chuỗi cung ứng | Tác giả: Michael Hugos<br>Nhà xuất bản: Thế giới<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 13 x 20.5 cm<br>Số trang: 438 | Cuốn | 5 | 189,050 | 945,250 |
| 110 | Định mức kinh tế - Kỹ thuật | Tác giả: Bộ xd<br>Nhà xuất bản: Xây dựng<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 21 x 31 cm<br>Số trang: 84 | Cuốn | 5 | 81,340 | 406,700 |
| 111 | Logistics Và Quản Trị Chuỗi Cung Ứng | Tác giả: Paul R MURPHY JR<br>Nhà xuất bản: Công thương<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 27.5 x 20.5 cm<br>Số trang: 450 | Cuốn | 10 | 485,100 | 4,851,000 |
| 112 | Phân Tích Báo Cáo Tài Chính Cẩm Nang Dành Cho Người Thực Hành (Ấn Bản Lần Thứ 5) | Tác giả: Trần Mạnh Cường dịch<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 540 | Cuốn | 5 | 489,020 | 2,445,100 |
| 113 | Quản trị vận hành và chuỗi cung | Tác giả: F Robert Jacobs & Richard B Chase<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 5 | 890,010 | 4,450,050 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 724 | | | | |
| 114 | Kiểm soát chi phí mua hàng và quản lý nhà cung cấp | Tác giả: Chu Vân<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 591 | Cuốn | 5 | 213,400 | 1,067,000 |
| 115 | Các phương pháp phổ nghiên cứu cấu trúc hóa học | Tác giả: Nguyễn Hữu Đĩnh, Trần Thị Đà<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2018<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 580 | Cuốn | 10 | 376,360 | 3,763,600 |
| 116 | Hóa dược - tập 1 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 150,100 | 1,501,000 |
| 117 | Hóa dược - tập 2 | Tác giả: Trường ĐH Dược Hà Nội - Khoa công nghệ hóa dược<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 159,600 | 1,596,000 |
| 118 | Dược lý học Tập 1 | Tác giả: Vũ Thị Trâm CB, ThS Đào Thị Vui<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 200 | Cuốn | 10 | 66,500 | 665,000 |
| 119 | Dược lý học Tập 2 | Tác giả: Mai Tất Tố TS Vũ, Thị Trâm (CB)<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 380 | Cuốn | 10 | 118,750 | 1,187,500 |
| 120 | Hóa sinh (BSĐK) | Tác giả: Tạ Thành Văn Đặng Thị Ngọc Dung<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 452 | Cuốn | 10 | 247,000 | 2,470,000 |
| 121 | Từ điển cây thuốc Việt Nam T1 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021 | Cuốn | 5 | 679,250 | 3,396,250 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1676 | | | | |
| 122 | Từ điển cây thuốc Việt Nam (bộ mới) - Tập 2 | Tác giả: Võ Văn Chi<br>Nhà xuất bản: Y học<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2021<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19 x 27 cm<br>Số trang: 1544 | Cuốn | 5 | 631,750 | 3,158,750 |
| 123 | Bàn về văn hoá du lịch Việt Nam, | Tác giả: Phạm Huy Xu Võ Văn Thành<br>Nhà xuất bản: Tổng hợp TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2016<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 336 | Cuốn | 10 | 94,050 | 940,500 |
| 124 | Quản trị bán hàng hiệu quả | Tác giả: Hoàng thị Kim Phượng dịch<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2023<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 23 x 15 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 30 | 209,250 | 6,277,500 |
| 125 | Vật liệu biến hóa có chiết suất âm: công nghệ chế tạo, tính chất và ứng dụng | Tác giả: Vũ Đình Lãm<br>Nhà xuất bản: Khoa học tự nhiên và Công nghệ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 286 | Cuốn | 5 | 156,750 | 783,750 |
| 126 | Giáo trình kỹ thuật phân tích vật lý | Tác giả: Phạm Ngọc Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2017<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 358 | Cuốn | 5 | 159,600 | 798,000 |
| 127 | Biến đổi tín hiệu và ứng dụng | Tác giả: Nguyễn Thanh Hương, Phạm Thị Ngọc Yến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 324 | Cuốn | 10 | 162,120 | 1,621,200 |
| 128 | Kỹ thuật đo lường hiện đại | Tác giả: Phạm Thượng Hàn, Cao Minh Quyền<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 180,600 | 1,806,000 |
| 129 | Cơ học thuỷ khí kỹ thuật | Tác giả: Vũ Duy Quang, Lê hanh Tùng, Phạm Thị Thanh Hương, Hoàng Công | Cuốn | 10 | 240,240 | 2,402,400 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Liêm, Ngô Văn Hệ<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 352 | | | | |
| 130 | Kỹ thuật lập trình trong thuỷ khí ứng dụng | Tác giả: Phạm Văn Sáng, Ngô Ích Long<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 183,120 | 3,662,400 |
| 131 | Dao động và động lực học máy | Tác giả: Nguyễn Phong Điền, Nguyễn Quang Hoàng, Nguyễn Thị Vân Hương<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 410 | Cuốn | 20 | 216,720 | 4,334,400 |
| 132 | English for environmental Science | Tác giả: Ta Le My Hạnh, Nguyen Thi Hiên, Vu Lan Hương, Do Lan Phương, Tran Hong Thúy<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 232 | Cuốn | 10 | 132,720 | 1,327,200 |
| 133 | Giáo trình luật kinh doanh | Tác giả: Nguyễn Văn Lâm, Vũ Quang, Nguyễn Thị Thuý Hằng<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 364 | Cuốn | 10 | 155,400 | 1,554,000 |
| 134 | Điều khiển logic và PLC | Tác giả: Dương Minh Đức, Đỗ Trọng Hiến<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 240 | Cuốn | 20 | 119,280 | 2,385,600 |
| 135 | Điện tử ô tô - Sửa chữa,bảo trì ô tô với bộ quét lỗi và bộ đọc mã chuyên nghiệp | Tác giả: Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 136 | Chẩn đoán,sửa chữa,bảo trì hệ thống điều khiển bằng máy tính trên ô tô (Lý thuyết-Thực hành) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà Trịnh Hoài, Ân Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 10 | 198,850 | 1,988,500 |
| 137 | Điều khiển bằng máy tính trên ôtô châu Âu và châu Á (Chẩn đoán, Sửa chữa) | Tác giả: Trần Minh Sơn, Trần Thu Hà, Đào Văn Phượng, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Phụ nữ<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 440 | Cuốn | 15 | 198,850 | 2,982,750 |
| 138 | Ứng dụng Power BI trong kinh tế , tải chính, kế toán | Tác giả: Đàng Quang Vắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 432 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 139 | Tự động hóa với PLC Siemens | Tác giả: Đào Thị Mai Phương (cb) Nguyễn Duy Trung Lê Doãn Trinh Nguyễn Hữu Thắng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 430 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 140 | Giáo dục Stem.Tích hợp hướng nghiệp | Tác giả: Trương Ngọc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 160 | Cuốn | 10 | 116,400 | 1,164,000 |
| 141 | Ứng dụng Power Bi và AI trong phân tích tài chính | Tác giả: Đỗ Như Tài, Nguyễn Thị Ngọc Thanh, Nguyễn Thị Thu Thúy, Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 432 | Cuốn | 10 | 194,000 | 1,940,000 |
| 142 | Giáo trình tác phẩm báo mạng điện tử | Tác giả: Nguyễn Thị Trường Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5<br>Số trang: 324 | Cuốn | 10 | 106,950 | 1,069,500 |
| 143 | AI và cong người | Tác giả: Hồ Tú Bảo<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam | Cuốn | 10 | 241,800 | 2,418,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | | | | |
| 144 | Chiến trường bán dẫn | Tác giả: Phạm Sỹ Thành, Nguyễn Tuệ Anh<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 515 | Cuốn | 5 | 343,170 | 1,715,850 |
| 145 | Bá chủ AI: Trí tuệ nhân tạo, Chat GPT, và cuộc chạy đua thay đổi thế giới | Tác giả: Pamy Olson, Phương Thúy dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 350 | Cuốn | 5 | 250,170 | 1,250,850 |
| 146 | Lịch sử tiến hóa của dữ liệu | Tác giả: Cris Wiggins Matthew L Jones Trung Tùng, Quỳnh Anh dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 370 | Cuốn | 5 | 246,450 | 1,232,250 |
| 147 | AI tạo sinh - 100 ứng dụng thay đổi xã hôi kinh doanh | Tác giả: Bernard Marr<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 339 | Cuốn | 10 | 385,950 | 3,859,500 |
| 148 | Chuyển đổi số kinh doanh tại Việt nam | Tác giả: Bùi Xuân Chung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 331 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |
| 149 | Ứng dụng nền tảng số trong tổ chức và hoạt động của chính phủ | Tác giả: Phạm Ngọc Huyền<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 238 | Cuốn | 5 | 181,350 | 906,750 |
| 150 | Đô thị thông minh - Đô thị của tương lai | Tác giả: Nguyễn Nhật Quang, Phạm Duy Trung<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 187 | Cuốn | 5 | 106,950 | 534,750 |
| 151 | Hệ sinh thái dữ liệu chính | Tác giả: Đặng Thị Việt | Cuốn | 5 | 129,270 | 646,350 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | phủ mở cho doanh nghiệp Việt nam | Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 179 | | | | |
| 152 | Kinh tế số ảnh hưởng tới năng xuất lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại Việt nam | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 194 | Cuốn | 5 | 102,300 | 511,500 |
| 153 | Liên kết toàn cầu: Thông tin đối ngoại trong thời đại số | Tác giả: Trần Trung Tình<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 345 | Cuốn | 5 | 255,750 | 1,278,750 |
| 154 | Công nghệ bán dẫn tiên tiến | Tác giả: Học Viện Bưu chính Viễn thông<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 285 | Cuốn | 5 | 144,150 | 720,750 |
| 155 | Hiểu về công đoạn chế tạo bán dẫn | Tác giả: LetuinEdu<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 372 | Cuốn | 5 | 435,240 | 2,176,200 |
| 156 | Thương mại điện tử | Tác giả: Ao Thu Hoài, Nguyễn Việt Khôi<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 425 | Cuốn | 10 | 171,000 | 1,710,000 |
| 157 | Xây dựng máy tự động bằng PLC (Được hỗ trợ chi tiết về sách qua khóa học) | Tác giả: Lê Khắc Hoàng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 14,5x20,5 cm<br>Số trang: 132 | Cuốn | 5 | 267,840 | 1,339,200 |
| 158 | GT Tự động hóa truyền động khí nén | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp, Nguyễn Thị Mai Hương<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 10 | 200,880 | 2,008,800 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 392 | | | | |
| 159 | GT Xử lý tín hiệu và lọc số | Tác giả: Nguyễn Văn Vinh (CB), Bùi Thị Kim Thoa, Nguyễn Thị Phương Hòa, Nguyễn thị Huyền Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 448 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 160 | GT Định Tuyến và chuyển mạch | Tác giả: Vi Hoài Nam, Đặng Vân Anh, Ths Đào Mạnh Linh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 156,240 | 1,562,400 |
| 161 | GT Điện tử công suất | Tác giả: Đỗ Thành Hiếu (CB) Nguyễn Viết Ngư, Nguyễn Đình Hùng, Đỗ Công Thắng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 272 | Cuốn | 10 | 137,640 | 1,376,400 |
| 162 | GT CAD/CEA trong tính toán thiết kế và mô phỏng ô tô | Tác giả: Lê Văn Quỳnh (CB) Bùi Văn Cường, Nguyễn Minh Châu<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 5 | 219,480 | 1,097,400 |
| 163 | Lập trình PLC theo thuật toán | Tác giả: Đinh Văn Nghiệp (CB) Lê Hồng Thái, Nguyễn Thị Phương Thảo, Trần Anh Đức, Đàm Quang Hùng<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 368 | Cuốn | 10 | 174,840 | 1,748,400 |
| 164 | Điều khiển hệ khí nén và thủy lực | Tác giả: Trần Ngọc Hải (CB) Trần Xuân Tùy<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 340 | Cuốn | 10 | 249,240 | 2,492,400 |
| 165 | Thẩm định phương pháp và | Tác giả: Trần Cao Sơn | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | đánh giá độ không đảm bảo đo trong phân tich hóa học ( TB có bổ xung) | Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 204 | | | | |
| 166 | Khung bê tông cốt thép toàn khối | Tác giả: Lê Bá Huấn (CB) Phan Minh Tuấn, Nguyễn Đăng Nguyên<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20, 5x 29,7 cm<br>Số trang: 196 | Cuốn | 5 | 139,500 | 697,500 |
| 167 | Xử lý số tín hiệu | Tác giả: Hoàng Lê Uyên Thục (CB), Hồ Phước Tiến, Trần Thị Minh Hạnh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 264 | Cuốn | 10 | 184,140 | 1,841,400 |
| 168 | Giáo trình Thiết kế vi mạch tương tự công nghệ CMOS | Tác giả: Võ Tuấn Minh<br>Nhà xuất bản: Khoa học và kỹ thuật<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 192 | Cuốn | 5 | 184,140 | 920,700 |
| 169 | Lập Và Thẩm Định Dự Án Đầu Tư | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 404 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 170 | Giáo Trình Kế Toán Quản Trị | Tác giả: Phạm Xuân Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 750 | Cuốn | 10 | 662,400 | 6,624,000 |
| 171 | MARKETING DU LỊCH | Tác giả: Hà Nam Khánh Giao<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 508 | Cuốn | 20 | 379,200 | 7,584,000 |
| 172 | Quản Lý Tài Chính Thực Chiến Cho Doanh Nghiệp Nhỏ Và Vừa | Tác giả: Trần Võ Quang, Đỗ Thị Hà Thương<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 184 | Cuốn | 20 | 144,000 | 2,880,000 |
| 173 | Kế Toán Quản Trị | Tác giả: Nguyễn Tấn Bình | Cuốn | 30 | 240,000 | 7,200,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Giản Lược | Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | | | | |
| 174 | Định Giá Doanh Nghiệp Và Tài Sản Ứng Dụng Trong Đầu Tư Tài Chính | Tác giả: Đinh Thế Hiển<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 492 | Cuốn | 10 | 475,200 | 4,752,000 |
| 175 | Thuế và ra quyết định tài chính | Tác giả: Phạm Châu Thành<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 202 | Cuốn | 10 | 152,640 | 1,526,400 |
| 176 | HDTH 161 Sơ đồ kế toán hành chính sự nghiệp | Tác giả: Võ Văn Nhị<br>Nhà xuất bản: Kinh Tế TP.HCM<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 20x28 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 5 | 662,400 | 3,312,000 |
| 177 | Hệ thống thông tin kế toán báo cáo kế toán theo phương pháp thủ công | Tác giả: Đặng Văn Sáng<br>Nhà xuất bản: Tài chính<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 667 | Cuốn | 10 | 479,040 | 4,790,400 |
| 178 | Ứng dụng Solidworks trong tính toán thiết kế cơ khí | Tác giả: Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 420 | Cuốn | 10 | 190,080 | 1,900,800 |
| 179 | Giáo trình AutoCad.Tự học nhanh AutoCad bằng hình ảnh (2024-2023-2022) | Tác giả: Vũ Thị Ánh Tuyết, Phạm Phương Hoa<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 416 | Cuốn | 10 | 184,320 | 1,843,200 |
| 180 | Tin học văn phòng - Tự học nhanh PowerPoint bằng hình ảnh | Tác giả: Tôn Sơn Phạm Quang Huy<br>Nhà xuất bản: Thanh Niên<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 400 | Cuốn | 10 | 177,600 | 1,776,000 |
| 181 | Quản trị an toàn an ninh mạng | Tác giả: Keisuke Kamata<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 236 | Cuốn | 10 | 148,800 | 1,488,000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 182 | IS - BoK 2.0 - Bộ kiên thức cốt lõi về an toàn thông tin | Tác giả: Phạm Duy Trung dịch<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 460 | Cuốn | 5 | 455,700 | 2,278,500 |
| 183 | Giáo trình kĩ thuật mạng truyền thông | Tác giả: Nguyễn Tiến Ban<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 524 | Cuốn | 5 | 251,100 | 1,255,500 |
| 184 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 1 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 228 | Cuốn | 20 | 144,150 | 2,883,000 |
| 185 | Bài tập lập trình với ngôn ngữ C++ từ cơ bản đến nâng cao tập 2 | Tác giả: Trần Thông Quế<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 256 | Cuốn | 20 | 111,600 | 2,232,000 |
| 186 | Nguyên lý và hiệu năng hệ thống truyền thông quang không dây | Tác giả: Đặng Thế Ngọc<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 19x27 cm<br>Số trang: 195 | Cuốn | 10 | 204,600 | 2,046,000 |
| 187 | Giáo trình Thuế và Kế toán thuế | Tác giả: Lê Thị Ngọc Phượng<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2024<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 315 | Cuốn | 30 | 144,150 | 4,324,500 |
| 188 | Giáo trình tài chính tiền tệ | Tác giả: Đặng Thị Việt Đức Vũ Quang Kết<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2022<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 320 | Cuốn | 20 | 128,340 | 2,566,800 |
| 189 | Giáo trình kế toán xuất nhập khẩu | Tác giả: Đào Thị Thu Giang<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật: | Cuốn | 10 | 113,460 | 1,134,600 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 290 | | | | |
| 190 | Giáo trình nguyên lý kế toán | Tác giả: Nguyễn Thị Chinh Lam<br>Nhà xuất bản: Thông tin và truyền thông<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16x24 cm<br>Số trang: 245 | Cuốn | 30 | 134,850 | 4,045,500 |
| 191 | Thiết kế IC tương tự | Tác giả: Phạm Nguyễn Thanh Loan Nguyễn Văn Quyết<br>Nhà xuất bản: Bách khoa HN<br>Nước sản xuất: Việt Nam<br>Năm xuất bản: 2025<br>Yêu cầu kỹ thuật:<br>Khổ giấy: 16 x 24 cm<br>Số trang: 288 | Cuốn | 20 | 113,400 | 2,268,000 |
| **Tổng cộng:** | | | | **2663** | | **464,025,120** |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng: ..... - Thanh toán trực tiếp: .....

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: .....

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: **464.025.120 VNĐ**

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: **464.025.120 VNĐ**

*Ngày 13 tháng 11 năm 2025*

**NHÀ XUẤT BẢN BÁCH KHOA HÀ NỘI**

GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Thanh Hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập — Tự do — Hạnh phúc**

---

# HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

Ngày 03 tháng 10 năm 2025

Hợp đồng số: HD2500156940_2510031010

Gói thầu: Cung cấp tài liệu

Tên dự toán mua sắm: Mua tài liệu Trung tâm Thông tin - Thư viện

**Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội;

Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật đấu thầu ngày 23/6/2023;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 07/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 15/4/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế đối với đơn vị sự nghiệp công lập giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

- Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-MĐC ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Cung cấp tài liệu và Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng số ___ ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chủ đầu tư;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu ký ngày 1 tháng 10 năm 2025

- Các căn cứ khác (nếu có):

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên Chủ đầu tư: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

Địa chỉ:18 phố Viên, Phường Đông Ngạc, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04)38383312

Fax:

E-mail: tunght76vnp@gmail.com

Tài khoản: 3716.1.1055493, Phòng Giao dịch số 10 KBNN khu vực I

Mã số thuế: 0101689386

Đại diện là ông/bà: Trần Thanh Hải

Chức vụ: Hiệu Trưởng

**Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà thầu: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA

Địa chỉ: Số 32 phố Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0438262989

Fax:

E-mail: uocnh@xunhasaba.com.vn

Tài khoản: 00.11.0000.13139, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở giao dịch

Mã số thuế: 0100110101

Đại diện là ông/bà: Nguyễn Trung Dũng

Chức vụ: Chủ tịch hội đồng thành viên

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Đối tượng của hợp đồng là các hàng hóa được nêu chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng;

2. E-ĐKCT của hợp đồng đã được điền đầy đủ các nội dung và bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, hoàn thiện hợp đồng (nếu có);

3. Biên bản hoàn thiện hợp đồng;

4. E-ĐKC của hợp đồng;

5. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

6. Thư chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng;

7. E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT (nếu có) của Nhà thầu;

8. E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT (nếu có);

9. Các tài liệu khác quy định tại E-ĐKCT.

**Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng quy định tại Điều 5 của hợp đồng này theo phương thức được quy định tại điều kiện cụ thể của hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như quy định tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong điều kiện chung và điều kiện cụ thể của hợp đồng.

**Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: 496.498.000 VND [bằng chữ Bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng ].

*Giá hợp đồng đối với hợp đồng trọn gói: 496.498.000*

2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán 100% sau khi hai bên ký biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hoá và bên B bàn giao đầy đủ các hồ sơ, tài liệu, bộ chứng từ thanh toán. Đảm bảo cung cấp hoá đơn thanh toán hợp lệ, đầy đủ theo quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành và cung cấp hồ sơ thanh toán gồm:

+ Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa;

+ Hóa đơn Giá trị gia tăng.

Đồng tiền thanh toán: Bằng đồng Việt Nam.

Thời hạn thanh toán không quá 60 ngày kể khi bên B cung cấp đầy đủ bộ chứng từ thanh toán theo nêu trên cho bên A.

**Điều 6. Loại hợp đồng**

Trọn gói

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

40 ngày

**Điều 8. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ *ngày ký*

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU** | **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA CHỦ ĐẦU TƯ/ĐƠN VỊ ĐƯỢC ỦY QUYỀN** |

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

Signature Not Verified

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA
Mã số thuế: 0100110101
Thời gian ký: 03-10-2025 11:21:03

**Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

Signature Not Verified

Nội dung được ký số bởi:
Tên đơn vị: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Mã số thuế: 0101689386
Thời gian ký: 03-10-2025 11:31:19

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU, BÀN GIAO HÀNG HOÁ

*Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-MĐC ngày 26/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp tài liệu";*

*Căn cứ Hợp đồng số: HD2500156940_2510031010 ngày 03/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba.*

*Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Chúng tôi gồm:*

Đại diện bên A: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

- Ông Nguyễn Hải Yến — Chức vụ: Phó GĐ TTTT-TV
- Ông Huỳnh Thanh Tùng — Chức vụ: Phó Trưởng phòng CSVC

Đại diện bên B: **CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

- Bà Trần Thị Thương — Chức vụ: Phó trưởng phòng Xuất khẩu

Bên B đã tiến hành bàn giao nghiệm thu hàng hóa theo đúng hợp đồng số: HD2500156940_2510031010 ngày 03/10/2025 như sau:

| TT | Thông tin về tài liệu (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Ghi chú |
|---|---|---|---|
| 1 | Advances in Nanostructured Composites: Volume 2: Applications of Nanocomposites - Những tiến bộ trong vật liệu composite cấu trúc nano: Tập 2: Ứng dụng của nanocomposite, 9780367779412, Mahmood Aliofkhazraei, CRC Press, 2021 | 1 | |
| 2 | Applied Nanotechnology - Công nghệ nano ứng dụng, 9781774636145, A. K. Haghi, Apple Academic Press, 2021 | 1 | |
| 3 | Fibrous Polymeric Composites - Composite polymer dạng sợi, 9780367571573, Bankim Chandra Ray , CRC Press, 2020 | 1 | |
| 4 | Polymeric Membrane Synthesis, Modification, and Applications - Tổng hợp, Biến tính và Ứng dụng Màng polyme, 9780367570910, Chandan Das , CRC Press, 2020 | 1 | |
| 5 | Advanced Materials for Clean Energy - Vật liệu Tiên tiến cho Năng lượng Sạch, 9780367575816, Qiang Xu , CRC Press, 2020 | 1 | |
| 6 | Efficiency and Power in Energy Conversion and Storage - Hiệu quả và Công suất trong Chuyển đổi và Lưu trữ Năng lượng, 9781032652504, Thomas Christen, CRC Press, 2023 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 7 | Corrosion Protection for the Oil and Gas Industry: Pipelines, Subsea Equipment, and Structures - Bảo vệ Chống ăn mòn cho Ngành Dầu khí: Đường ống, Thiết bị và Kết cấu Dưới biển, 9780367656539, Mavis Sika Okyere, CRC Press, 2020 | 1 | |
| 8 | Safety in Petroleum Industries - An toàn trong Ngành Dầu khí, 9780367653934, Dhananjoy Ghosh, CRC Press, 2023 | 1 | |
| 9 | Flow Assurance Solids in Oil and Gas Production - Đảm bảo Dòng chảy Chất rắn trong Sản xuất Dầu khí, 9780367781927, Jon Gudmundsson, CRC Press, 2021 | 1 | |
| 10 | Electric Energy Systems - Hệ thống Năng lượng Điện, 9780367734275, Antonio Gomez-Exposito , CRC Press, 2020 | 1 | |
| 11 | Energy Management - Quản lý Năng lượng, 9780367494933, Anil Kumar , CRC Press, 2022 | 1 | |
| 12 | English for Materials Science and Engineering - Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu, 9783834809575, Iris Eisenbach, Vieweg+Teubner Verlag, 2011 | 1 | |
| 13 | An Introduction to Metamaterials and Nanophotonics - Giới thiệu về Siêu vật liệu và Nanophotonics, 978-1108492645, Constantin Simovski, Cambridge University Press, 2020 | 1 | |
| 14 | Physics of semiconductor devices - Vật lý linh kiện bán dẫn, 978-1119429111, Simon M. Sze , Wiley, 2021 | 1 | |
| 15 | Kittel's Introduction to Solid State Physics - Giới thiệu về Vật lý Thể rắn, 978-1119454168, Charles Kitel, Wiley, 2018 | 1 | |
| 16 | Environmental Consulting Fundamentals - Cơ sở Tư vấn Môi trường, 9781032475479, Benjamin Alter, CRC Press, 2023 | 1 | |
| 17 | Carbon Capture and Storage - Thu giữ và Lưu trữ Carbon, 9781774633410, Amitava Bandyopadhyay, Apple Academic Press, 2021 | 1 | |
| 18 | Clearing of Industrial Gas Emissions: Theory, Calculation, and Practice - Xử lý Khí thải Công nghiệp: Lý thuyết, Tính toán và Thực hành, 9781774633502, Usmanova Regina Ravilevna, Apple Academic Press, 2021 | 1 | |
| 19 | Geological Structures and Moving Plates - Cấu trúc địa chất và mảng kiến tạo chuyển động;, 978-0412742606, R.G. Park, Springer, 1991 | 1 | |
| 20 | Remote Sensing Geology - Địa chất Viễn thám, 978-3662572542, Ravi P. Gupta , Springer, 2018 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 21 | 3-D Structural Geology: A Practical Guide to Surface and Subsurface Map Interpretation - Địa chất Cấu trúc 3D: Hướng dẫn Thực hành Giải đoán Bản đồ Bề mặt và Dưới bề mặt, 978-3662495902, Richard H. H. Groshong Jr., Springer, 2009 | 1 | |
| 22 | Field Geophysics - Địa vật lý Thực địa, 978-0470749845, Milsom, J. , Wiley, 2011 | 1 | |
| 23 | Geological Hazards: Earthquakes – Tsunamis – Volcanoes – Avalanches – Landslides – Floods - Các Tai biến Địa chất: Động đất – Sóng thần – Núi lửa – Lở tuyết – Sạt lở đất – Lũ lụt, 978-3642868221, B.A. Bolt , Springer, 2014 | 1 | |
| 24 | Geohazards: Analysis, Modelling and Forecasting - Các mối nguy hiểm địa chất: Phân tích, Mô hình hóa và Dự báo, 978-9819939572, Sandeep, Kumar, P., , Springer, 2024 | 1 | |
| 25 | The Geotourism Industry in the 21st Century: The Origin, Principles, and Futuristic Approach - Ngành Du lịch Địa chất trong Thế kỷ 21: Nguồn gốc, Nguyên tắc và Cách tiếp cận Tương lai, 978-1774638910, Bahram Nekouie Sadry, Apple Academic Press., 2022 | 1 | |
| 26 | Applied Multidimensional Geological Modeling: Informing Sustainable Human Interactions with the Shallow Subsurface; - Mô hình Địa chất Đa chiều Ứng dụng: Thông tin về Tương tác Bền vững của Con người với Lớp đất Ngầm Nông;, 978-1119163121, Alan Keith Turner , Wiley-Blackwell, 2021 | 1 | |
| 27 | Geological Objects and Structures in 3D: Observation, Interpretation and Building of 3D Models; - Các đối tượng và cấu trúc địa chất trong không gian 3D: Quan sát, diễn giải và xây dựng mô hình 3D;, 978-0367497507, Dominique Frizon de Lamotte, CRC Press., 2020 | 1 | |
| 28 | Geomodels in Engineering Geology: An Introduction - Mô hình địa chất trong Địa chất Kỹ thuật: Giới thiệu, Whittles, 978-1849951395, P. G. Fookes , Whittles Publishing, 2015 | 1 | |
| 29 | Extractive Metallurgy of Copper - Khai thác Luyện kim Đồng, 9780128218754, Mark E. Schlesinger, Elsevier , 2021 | 1 | |
| 30 | Waste Production and Utilization in the Metal Extraction Industry - Sản xuất và Sử dụng Chất thải trong Ngành Khai thác Kim loại, 978-0367573508, Geoffrey S. Simate, CRC Press, 2020 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 31 | Smelter Grade Alumina from Bauxite - Alumina Luyện kim từ Bauxite, 978-3030885885, Benny E. Raahauge, Springer, 2023 | 1 | |
| 32 | Absolute essentials of digital marketing - Những yếu tố thiết yếu tuyệt đối của tiếp thị kỹ thuật số, 9780367859206, Alan Charlesworth, Routledge, 2023 | 1 | |
| 33 | Search engine optimization an marketing – A recipe for success in digital marketing - Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm và tiếp thị – Công thức thành công trong tiếp thị kỹ thuật số, 978-0367554781, Subhankar Das, Chapman & Hall/CRC, 2024 | 1 | |
| 34 | International Business: Environment and operation, 17th edition. - Kinh doanh Quốc tế: Môi trường và Vận hành, Tái bản lần thứ 17., 978-1292403274, John Daniels , Pearson, 2021 | 1 | |
| 35 | Epic Content Marketing: Break Through the Clutter with a Different Story - Tiếp thị nội dung xuất sắc: Đột phá sự lộn xộn bằng một câu chuyện khác biệt., 978-1264774456, Joe Pulizzi, McGraw-Hill Education., 2023 | 1 | |
| 36 | Supply chain management: Strategy, Planning, and Operation - Quản lý chuỗi cung ứng: Chiến lược, Lập kế hoạch và Vận hành, 978-1292257891, Sunil Chopra, Pearson, 2019 | 1 | |
| 37 | Enhanced Oil Recovery Field Case Studies - Nghiên cứu Trường hợp Thực tế về Thu hồi Dầu Nâng cao, 9780123865458, James J.Sheng, Gulf Professional Publishing, 2013 | 1 | |
| 38 | Handbook of Natural Gas Transmission and Processing: Principles and Practices - Cẩm nang Vận chuyển và Xử lý Khí thiên nhiên: Nguyên tắc và Thực hành, 978-0128158173, Saeid Mokhatab, Gulf Professional Publishing, 2018 | 1 | |
| 39 | Fundamentals of Natural Gas Processing - Cơ sở Xử lý Khí thiên nhiên, 978-1138612792, Arthur J. Kidnay, CRC Press, 2019 | 1 | |
| 40 | Handbook of Liquefied Natural Gas - Cẩm nang Khí thiên nhiên Hóa lỏng, 9780124045859, Saeid Mokhatab, Gulf Professional Publishing, 2016 | 1 | |
| 41 | Semiconductor physics and devices - Vật lý và thiết bị bán dẫn, 9781266064012, Neamen, McGraw Hill, 2021 | 1 | |
| 42 | Electrical Machines - Máy điện, 9780367736941, Jacek F. Gieras, CRC Press, 2020 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 43 | Urban Geology: Process-Oriented Concepts for Adaptive and Integrated Resource Management - Địa chất Đô thị: Các Khái niệm Định hướng Quy trình cho Quản lý Tài nguyên Thích ứng và Tích hợp, 978-3034808101, Peter Huggenberger , Springer, 2014 | 1 | |
| 44 | Sustainable Development in Practice - Case Studies for Engineers and Scientists - Phát triển Bền vững trong Thực tiễn - Nghiên cứu Trường hợp dành cho Kỹ sư và Nhà khoa học, 9780470718728, Adisa Azapagic , Wiley, 2011 | 1 | |
| 45 | Pragmatics (Oxford Introduction to Language Study Series) - Ngữ dụng học (Bộ sách Giới thiệu về Ngôn ngữ học của Oxford), 978-0194372077, George Yule, Oxford, 1996 | 1 | |
| 46 | Planning and Urban Design Standards - Tiêu chuẩn Quy hoạch và Thiết kế Đô thị, 978-0471760900, American Planning Association, Wiley, 2006 | 1 | |
| 47 | Emerging Power Converters for Renewable Energy and Electric Vehicles - Bộ chuyển đổi năng lượng mới nổi cho Năng lượng Tái tạo và Xe điện, 978-0367528140, Md. Rabiul Islam , CRC Press, 2023 | 1 | |
| 48 | Environmental Fluid Mechanics - Méchanique des Fluides Environnementaux - Cơ học Chất lỏng Môi trường - Méchanique des Fluides Environnementaux, 978-1138491229, CIGB ICOLD, CRC Press, 2022 | 1 | |
| 49 | Mechanical Design and Manufacture of Hydraulic Machinery - Thiết kế Cơ khí và Chế tạo Máy thủy lực, 978-1138268975, Mei Zu-yan , CRC Press, 2024 | 1 | |
| 50 | Advanced Grammar in Use Book with Answers and eBook and Online Test - Sách Ngữ pháp Nâng cao Thường thức (có đáp án, sách điện tử và bài kiểm tra trực tuyến), 978-1108920216, Martin Hewings, Cambridge University Press, 2023 | 1 | |
| 51 | The Study Skills Handbook (4th edition) - Cẩm nang Kỹ năng Học tập (Tái bản lần thứ 4), 978-1350421271, Stella Cottrell, Bloomsbury Academic, 2024 | 1 | |
| 52 | The Art of Public Speaking - Nghệ thuật Nói trước Công chúng, 978-1260548099, Stephen E. Lucas, Mc Graw Hill, 2019 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 53 | Writing A Report: How to prepare, write & present really effective reports, 9th - Viết báo cáo: Cách chuẩn bị, viết và trình bày báo cáo thực sự hiệu quả, lần thứ 9, 978-1845284701, Bowden, J, How To Books, 2011 | 1 | |
| 54 | Worldwide Destinations - Điểm đến Toàn cầu, 978-1032524917, Brian Boniface, Routledge, 2024 | 1 | |
| 55 | Cultural Tourism - Du lịch Văn hóa, 978-0367229016, Hilary du Cros, Routledge, 2020 | 1 | |
| 56 | Getting to Yes – Negotiating Agreement without giving in - Đạt được sự đồng thuận – Đàm phán Thỏa thuận mà không nhượng bộ, 978-0143118756, Roger Fisher , Penguin Books, 2011 | 1 | |
| 57 | Gemstones of the World - Đá quý Thế giới, 978-1454909538, Walter Schumann, Union Square and Co, 2013 | 1 | |
| 58 | Minerals and Gemstones: 300 of the Earth's Natural Treasures - Khoáng sản và Đá quý: 300 Kho báu Thiên nhiên của Trái đất, 9781782742593, Wendy L. Kirk, Amber Books, 2017 | 1 | |
| 59 | From Rough Stones to Wow: Turn Your Rocks & Minerals into Beautiful Gems - Từ Đá thô đến Đá quý Tuyệt đẹp: Biến Đá & Khoáng sản của Bạn thành Đá quý Tuyệt đẹp, 978-1647554583, Jim Magnuson, Adventure Publications, 2025 | 1 | |
| 60 | Gems & Jewelry appraising. Techniques of professional practice - Giám định Đá quý & Trang sức. Kỹ thuật hành nghề chuyên nghiệp, 978-1683360742, Anna M.Miller, Gemstone Press, 2008 | 1 | |
| 61 | 汉语教程Bản mới Tập 3 (下) - Giáo trình Hán ngữ Bản mới tập 3 (Hạ), 9787561947739, Dương Ký Châu, 北京语言大学, 2016 | 2 | |
| 62 | 汉语听力教程 第二册 - Giáo trình nghe Hán ngữ quyển 2, 9787561925362, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2020 | 2 | |
| 63 | 初级汉语听力 上册 - Giáo trình nghe Hán ngữ sơ cấp quyển thượng, 9787301079638, 王晓美 Vương Hiểu Mỹ, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2011 | 2 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 64 | 《汉语听力教程》（第二册） - Giáo trình nghe Hán ngữ (quyển 2), 9787561955956, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2010 | 1 | |
| 65 | 《汉语听力教程》（第三册） - Giáo trình nghe Hán ngữ (quyển 3), 9787561955963, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2010 | 1 | |
| 66 | 新目标汉语口语课本3 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 3 , 9787561936917, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 1 | |
| 67 | 新目标汉语口语课本 4 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 4, 9787561941829, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016 | 1 | |
| 68 | 《中级汉语听说教程》（下册） - Giáo trình nghe nói tiếng Hán trung cấp (quyển hạ), 9787301079072, 胡晓清 Hồ Hiểu Thanh, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2006 | 2 | |
| 69 | 新目标汉语 5口语课本 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 5, 9787561933169, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2017 | 1 | |
| 70 | 中级汉语阅读教材·这样阅读2 - Giáo trình kỹ năng đọc hiểu tập 2, 9787561918241, 陈贤纯 Trần Hiền Thuần, 北京语言大学出版社出版 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2008 | 1 | |
| 71 | 汉字教程 - Giáo trình Hán tự, 9787561913239, 张静贤 Trương Tĩnh Hiền, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2004 | 2 | |
| 72 | Advanced Control of Power Converters: Techniques and Matlab/Simulink Implementation - Điều khiển nâng cao bộ biến đổi điện: Kỹ thuật và triển khai Matlab/Simulink, 9781119854401, Hasan Komurcugil , Wiley, 2023 | 1 | |
| 73 | Robotics, Vision and Control, Fundamental Algorithms in MATLAB - Robot, Thị giác và Điều khiển, Thuật toán cơ bản trong MATLAB, 978-3031072611, Peter Corke, Springer, 2023 | 1 | |
| 74 | Introduction to Robotics Mechanics & Control - Giới thiệu về Cơ học & Điều khiển Robot, 978-0133489798, John J. Craig, Pearson, 2017 | 1 | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 75 | Sample Preparation Techniques in Analytical Chemistry - Kỹ thuật Chuẩn bị Mẫu trong Hóa phân tích, 978-0471328452, Somenath Mitra , Wiley, 2003 | 1 | |
| 76 | Analytical Electrochemistry - Điện hóa Phân tích, 978-1119787693, Joseph Wang, Wiley, 2023 | 1 | |
| 77 | Machine Learning with PyTorch and Scikit-Learn: Develop machine learning and deep learning models with Python - Học Máy với PyTorch và Scikit-Learn: Phát triển các mô hình học máy và học sâu với Python, 978-1801819312, Sebastian Raschka, Packt Publishing, 2022 | 1 | |
| 78 | Artificial Intelligence of Things - Trí tuệ Nhân tạo Vạn vật, 978-1032552996, Kashif Naseer Qureshi , CRC Press, 2024 | 1 | |
| | **Tổng cộng:** | **83** | |

Sau quá trình kiểm nhận, bên A xác nhận:

- Đã nhận đủ số lượng, tên sách đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Sách đảm bảo chất lượng, quy cách mới 100%.

- Biên bản gồm 08 trang tiếng Việt, được lập thành 4 bản, bên A giữ 2 bản, bên B giữ 2 bản, làm cơ sở để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng số: HD2500156940_2510031010 ký ngày 03 tháng 10 năm 2025.

| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** | |
|---|---|---|
| Trần Thị Thương | Nguyễn Thị Hải Yến | Huỳnh Thanh Tùng |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

*Căn cứ Quyết định số 2191/QĐ-MĐC ngày 26/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Cung cấp tài liệu";*

*Căn cứ Hợp đồng số: HD2500156940_2510031010 ngày 03/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba;*

*Căn cứ Biên bản bàn giao ngày 10/11/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba.*

*Hôm nay, ngày 11 tháng 11 năm 2025 tại Hà Nội, chúng tôi gồm:*

**I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 - Fax 04 3838 9633

Đại diện : **Ông GS. TS Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Tài khoản : 3716.1.1055493 tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

**II/BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

Địa chỉ : 32 Hai Bà Trưng, Phường Cửa Nam, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 02438262989 Số Fax : 02438252860

Mã số thuế : 0100110101

Đại diện : Ông **Nguyễn Trung Dũng** Chức vụ : **Chủ tịch HĐTV**

Số tài khoản : 00.11.0000.13139

Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch

Mã liên ngân hàng: 01203002

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số HD2500156940_2510031010 ngày 03/10/2025 với các nội dung sau:

## I. NỘI DUNG THANH LÝ

Bên B đã hoàn thành việc bàn giao tài liệu theo đúng tiêu chuẩn như đã thoả thuận trong hợp đồng cho bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo đúng giá trị trong thanh lý hợp đồng.

## II. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ THANH LÝ

- Tổng giá trị hợp đồng: **496.498.000đ** *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

- Tổng giá trị thanh lý hợp đồng: **496.498.000đ** *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B: **0** (đồng)

- Số tiền bên A còn phải trả cho bên B: **496.498.000đ** *(Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng).*

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản qui định trong Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này (nếu có).

- Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng số HD2500156940_2510031010 ngày 03/10/2025 và không còn vướng mắc gì. Mọi phát sinh sau khi ký kết thanh lý hợp đồng không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

- Biên bản thanh lý được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

| ĐẠI DIỆN BÊN B | ĐẠI DIỆN BÊN A |
|---|---|
| CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM XUNHASABA | ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT |
| Chủ Tịch<br>Hội Đồng Thành Viên<br>**Nguyễn Trung Dũng** | HIỆU TRƯỞNG<br>*GS.TS.Trần Thanh Hải* |

Mẫu số 08a
Mã hiệu: .....
Số: .....

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**

*(áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

---

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

2. Mã đơn vị: 1055493 Mã nguồn: .....

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA ... ..... ... .....

4. Căn cứ Hợp đồng số: HD2500156940_2510031010 ngày 03 tháng 10 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba; Giá trị hợp đồng: **496.498.000** đồng.

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa ngày 10/11/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba.

*Đơn vị: Đồng*

| TT | Thông tin về tài liệu (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | Advances in Nanostructured Composites: Volume 2: Applications of Nanocomposites - Những tiến bộ trong vật liệu composite cấu trúc nano: Tập 2: Ứng dụng của nanocomposite, 9780367779412, Mahmood Aliofkhazraei, CRC Press, 2021 | 1 | 4.098.000 | 4.098.000 |
| 2 | Applied Nanotechnology - Công nghệ nano ứng dụng, 9781774636145, A. K. Haghi, Apple Academic Press, 2021 | 1 | 4.025.000 | 4.025.000 |
| 3 | Fibrous Polymeric Composites - Composite polymer dạng sợi, 9780367571573, Bankim Chandra Ray , CRC Press, 2020 | 1 | 4.287.000 | 4.287.000 |
| 4 | Polymeric Membrane Synthesis, Modification, and Applications - Tổng hợp, Biến tính và Ứng dụng Màng polyme, 9780367570910, Chandan Das , CRC Press, 2020 | 1 | 4.287.000 | 4.287.000 |
| 5 | Advanced Materials for Clean Energy - Vật liệu Tiên tiến cho Năng lượng Sạch, 9780367575816, Qiang Xu , CRC Press, 2020 | 1 | 4.600.000 | 4.600.000 |
| 6 | Efficiency and Power in Energy Conversion and Storage - Hiệu quả và Công suất trong Chuyển đổi và Lưu trữ Năng lượng, 9781032652504, Thomas Christen, CRC Press, 2023 | 1 | 5.018.000 | 5.018.000 |
| 7 | Corrosion Protection for the Oil and Gas Industry: Pipelines, Subsea Equipment, and Structures - Bảo vệ Chống ăn mòn cho Ngành Dầu khí: Đường ống, Thiết bị và Kết cấu Dưới biển, 9780367656539, Mavis Sika Okyere, CRC Press, 2020 | 1 | 5.457.000 | 5.457.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 8 | Safety in Petroleum Industries - An toàn trong Ngành Dầu khí, 9780367653934, Dhananjoy Ghosh, CRC Press, 2023 | 1 | 5.206.000 | 5.206.000 |
| 9 | Flow Assurance Solids in Oil and Gas Production - Đảm bảo Dòng chảy Chất rắn trong Sản xuất Dầu khí, 9780367781927, Jon Gudmundsson, CRC Press, 2021 | 1 | 5.332.000 | 5.332.000 |
| 10 | Electric Energy Systems - Hệ thống Năng lượng Điện, 9780367734275, Antonio Gomez-Exposito , CRC Press, 2020 | 1 | 6.649.000 | 6.649.000 |
| 11 | Energy Management - Quản lý Năng lượng, 9780367494933, Anil Kumar , CRC Press, 2022 | 1 | 5.144.000 | 5.144.000 |
| 12 | English for Materials Science and Engineering - Tiếng Anh chuyên ngành Khoa học và Kỹ thuật Vật liệu, 9783834809575, Iris Eisenbach, Vieweg+Teubner Verlag, 2011 | 1 | 6.586.000 | 6.586.000 |
| 13 | An Introduction to Metamaterials and Nanophotonics - Giới thiệu về Siêu vật liệu và Nanophotonics, 978-1108492645, Constantin Simovski, Cambridge University Press, 2020 | 1 | 7.193.000 | 7.193.000 |
| 14 | Physics of semiconductor devices - Vật lý linh kiện bán dẫn, 978-1119429111, Simon M. Sze , Wiley, 2021 | 1 | 11.416.000 | 11.416.000 |
| 15 | Kittel's Introduction to Solid State Physics - Giới thiệu về Vật lý Thể rắn, 978-1119454168, Charles Kitel, Wiley, 2018 | 1 | 7.464.000 | 7.464.000 |
| 16 | Environmental Consulting Fundamentals - Cơ sở Tư vấn Môi trường, 9781032475479, Benjamin Alter, CRC Press, 2023 | 1 | 5.332.000 | 5.332.000 |
| 17 | Carbon Capture and Storage - Thu giữ và Lưu trữ Carbon, 9781774633410, Amitava Bandyopadhyay, Apple Academic Press, 2021 | 1 | 7.464.000 | 7.464.000 |
| 18 | Clearing of Industrial Gas Emissions: Theory, Calculation, and Practice - Xử lý Khí thải Công nghiệp: Lý thuyết, Tính toán và Thực hành, 9781774633502, Usmanova Regina Ravilevna, Apple Academic Press, 2021 | 1 | 6.419.000 | 6.419.000 |
| 19 | Geological Structures and Moving Plates - Cấu trúc địa chất và mảng kiến tạo chuyển động;, 978-0412742606, R.G. Park, Springer, 1991 | 1 | 10.287.000 | 10.287.000 |
| 20 | Remote Sensing Geology - Địa chất Viễn thám, 978-3662572542, Ravi P. Gupta , Springer, 2018 | 1 | 7.736.000 | 7.736.000 |
| 21 | 3-D Structural Geology: A Practical Guide to Surface and Subsurface Map Interpretation - Địa chất Cấu trúc 3D: Hướng dẫn Thực hành Giải đoán Bản đồ Bề mặt và Dưới bề mặt, 978-3662495902, Richard H. H. Groshong Jr., Springer, 2009 | 1 | 7.841.000 | 7.841.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 22 | Field Geophysics - Địa vật lý Thực địa, 978-0470749845, Milsom, J. , Wiley, 2011 | 1 | 4.705.000 | 4.705.000 |
| 23 | Geological Hazards: Earthquakes – Tsunamis – Volcanoes – Avalanches – Landslides – Floods - Các Tai biến Địa chất: Động đất – Sóng thần – Núi lửa – Lở tuyết – Sạt lở đất – Lũ lụt, 978-3642868221, B.A. Bolt , Springer, 2014 | 1 | 7.464.000 | 7.464.000 |
| 24 | Geohazards: Analysis, Modelling and Forecasting - Các mối nguy hiểm địa chất: Phân tích, Mô hình hóa và Dự báo, 978-9819939572, Sandeep, Kumar, P., , Springer, 2024 | 1 | 9.346.000 | 9.346.000 |
| 25 | The Geotourism Industry in the 21st Century: The Origin, Principles, and Futuristic Approach - Ngành Du lịch Địa chất trong Thế kỷ 21: Nguồn gốc, Nguyên tắc và Cách tiếp cận Tương lai, 978-1774638910, Bahram Nekouie Sadry, Apple Academic Press., 2022 | 1 | 7.464.000 | 7.464.000 |
| 26 | Applied Multidimensional Geological Modeling: Informing Sustainable Human Interactions with the Shallow Subsurface; - Mô hình Địa chất Đa chiều Ứng dụng: Thông tin về Tương tác Bền vững của Con người với Lớp đất Ngầm Nông;, 978-1119163121, Alan Keith Turner , Wiley-Blackwell, 2021 | 1 | 16.685.000 | 16.685.000 |
| 27 | Geological Objects and Structures in 3D: Observation, Interpretation and Building of 3D Models; - Các đối tượng và cấu trúc địa chất trong không gian 3D: Quan sát, diễn giải và xây dựng mô hình 3D;, 978-0367497507, Dominique Frizon de Lamotte, CRC Press., 2020 | 1 | 5.332.000 | 5.332.000 |
| 28 | Geomodels in Engineering Geology: An Introduction - Mô hình địa chất trong Địa chất Kỹ thuật: Giới thiệu, Whittles, 978-1849951395, P. G. Fookes , Whittles Publishing, 2015 | 1 | 5.332.000 | 5.332.000 |
| 29 | Extractive Metallurgy of Copper - Khai thác Luyện kim Đồng, 9780128218754, Mark E. Schlesinger, Elsevier , 2021 | 1 | 16.308.000 | 16.308.000 |
| 30 | Waste Production and Utilization in the Metal Extraction Industry - Sản xuất và Sử dụng Chất thải trong Ngành Khai thác Kim loại, 978-0367573508, Geoffrey S. Simate, CRC Press, 2020 | 1 | 5.332.000 | 5.332.000 |
| 31 | Smelter Grade Alumina from Bauxite - Alumina Luyện kim từ Bauxite, 978-3030885885, Benny E. Raahauge, Springer, 2023 | 1 | 10.601.000 | 10.601.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 32 | Absolute essentials of digital marketing - Những yếu tố thiết yếu tuyệt đối của tiếp thị kỹ thuật số, 9780367859206, Alan Charlesworth, Routledge, 2023 | 1 | 3.137.000 | 3.137.000 |
| 33 | Search engine optimization an marketing – A recipe for success in digital marketing - Tối ưu hóa công cụ tìm kiếm và tiếp thị – Công thức thành công trong tiếp thị kỹ thuật số, 978-0367554781, Subhankar Das, Chapman & Hall/CRC, 2024 | 1 | 5.018.000 | 5.018.000 |
| 34 | International Business: Environment and operation, 17th edition. - Kinh doanh Quốc tế: Môi trường và Vận hành, Tái bản lần thứ 17., 978-1292403274, John Daniels , Pearson, 2021 | 1 | 8.782.000 | 8.782.000 |
| 35 | Epic Content Marketing: Break Through the Clutter with a Different Story - Tiếp thị nội dung xuất sắc: Đột phá sự lộn xộn bằng một câu chuyện khác biệt., 978-1264774456, Joe Pulizzi, McGraw-Hill Education., 2023 | 1 | 3.764.000 | 3.764.000 |
| 36 | Supply chain management: Strategy, Planning, and Operation - Quản lý chuỗi cung ứng: Chiến lược, Lập kế hoạch và Vận hành, 978-1292257891, Sunil Chopra, Pearson, 2019 | 1 | 7.527.000 | 7.527.000 |
| 37 | Enhanced Oil Recovery Field Case Studies - Nghiên cứu Trường hợp Thực tế về Thu hồi Dầu Nâng cao, 9780123865458, James J.Sheng, Gulf Professional Publishing, 2013 | 1 | 11.290.000 | 11.290.000 |
| 38 | Handbook of Natural Gas Transmission and Processing: Principles and Practices - Cẩm nang Vận chuyển và Xử lý Khí thiên nhiên: Nguyên tắc và Thực hành, 978-0128158173, Saeid Mokhatab, Gulf Professional Publishing, 2018 | 1 | 13.172.000 | 13.172.000 |
| 39 | Fundamentals of Natural Gas Processing - Cơ sở Xử lý Khí thiên nhiên, 978-1138612792, Arthur J. Kidnay, CRC Press, 2019 | 1 | 12.545.000 | 12.545.000 |
| 40 | Handbook of Liquefied Natural Gas - Cẩm nang Khí thiên nhiên Hóa lỏng, 9780124045859, Saeid Mokhatab, Gulf Professional Publishing, 2016 | 1 | 8.154.000 | 8.154.000 |
| 41 | Semiconductor physics and devices - Vật lý và thiết bị bán dẫn, 9781266064012, Neamen, McGraw Hill, 2021 | 1 | 8.886.000 | 8.886.000 |
| 42 | Electrical Machines - Máy điện, 9780367736941, Jacek F. Gieras, CRC Press, 2020 | 1 | 5.018.000 | 5.018.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 43 | Urban Geology: Process-Oriented Concepts for Adaptive and Integrated Resource Management - Địa chất Đô thị: Các Khái niệm Định hướng Quy trình cho Quản lý Tài nguyên Thích ứng và Tích hợp, 978-3034808101, Peter Huggenberger , Springer, 2014 | 1 | 8.154.000 | 8.154.000 |
| 44 | Sustainable Development in Practice - Case Studies for Engineers and Scientists - Phát triển Bền vững trong Thực tiễn - Nghiên cứu Trường hợp dành cho Kỹ sư và Nhà khoa học, 9780470718728, Adisa Azapagic , Wiley, 2011 | 1 | 7.527.000 | 7.527.000 |
| 45 | Pragmatics (Oxford Introduction to Language Study Series) - Ngữ dụng học (Bộ sách Giới thiệu về Ngôn ngữ học của Oxford), 978-0194372077, George Yule, Oxford, 1996 | 1 | 5.855.000 | 5.855.000 |
| 46 | Planning and Urban Design Standards - Tiêu chuẩn Quy hoạch và Thiết kế Đô thị, 978-0471760900, American Planning Association, Wiley, 2006 | 1 | 9.597.000 | 9.597.000 |
| 47 | Emerging Power Converters for Renewable Energy and Electric Vehicles - Bộ chuyển đổi năng lượng mới nổi cho Năng lượng Tái tạo và Xe điện, 978-0367528140, Md. Rabiul Islam , CRC Press, 2023 | 1 | 7.527.000 | 7.527.000 |
| 48 | Environmental Fluid Mechanics - Méchanique des Fluides Environnementaux - Cơ học Chất lỏng Môi trường - Méchanique des Fluides Environnementaux, 978-1138491229, CIGB ICOLD, CRC Press, 2022 | 1 | 9.095.000 | 9.095.000 |
| 49 | Mechanical Design and Manufacture of Hydraulic Machinery - Thiết kế Cơ khí và Chế tạo Máy thủy lực, 978-1138268975, Mei Zu-yan , CRC Press, 2024 | 1 | 8.154.000 | 8.154.000 |
| 50 | Advanced Grammar in Use Book with Answers and eBook and Online Test - Sách Ngữ pháp Nâng cao Thường thức (có đáp án, sách điện tử và bài kiểm tra trực tuyến), 978-1108920216, Martin Hewings, Cambridge University Press, 2023 | 1 | 6.649.000 | 6.649.000 |
| 51 | The Study Skills Handbook (4th edition) - Cẩm nang Kỹ năng Học tập (Tái bản lần thứ 4), 978-1350421271, Stella Cottrell, Bloomsbury Academic, 2024 | 1 | 3.325.000 | 3.325.000 |
| 52 | The Art of Public Speaking - Nghệ thuật Nói trước Công chúng, 978-1260548099, Stephen E. Lucas, Mc Graw Hill, 2019 | 1 | 5.959.000 | 5.959.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 53 | Writing A Report: How to prepare, write & present really effective reports, 9th - Viết báo cáo: Cách chuẩn bị, viết và trình bày báo cáo thực sự hiệu quả, lần thứ 9, 978-1845284701, Bowden, J, How To Books, 2011 | 1 | 2.509.000 | 2.509.000 |
| 54 | Worldwide Destinations - Điểm đến Toàn cầu, 978-1032524917, Brian Boniface, Routledge, 2024 | 1 | 4.391.000 | 4.391.000 |
| 55 | Cultural Tourism - Du lịch Văn hóa, 978-0367229016, Hilary du Cros, Routledge, 2020 | 1 | 5.645.000 | 5.645.000 |
| 56 | Getting to Yes – Negotiating Agreement without giving in - Đạt được sự đồng thuận – Đàm phán Thỏa thuận mà không nhượng bộ, 978-0143118756, Roger Fisher , Penguin Books, 2011 | 1 | 2.447.000 | 2.447.000 |
| 57 | Gemstones of the World - Đá quý Thế giới, 978-1454909538, Walter Schumann, Union Square and Co, 2013 | 1 | 3.137.000 | 3.137.000 |
| 58 | Minerals and Gemstones: 300 of the Earth's Natural Treasures - Khoáng sản và Đá quý: 300 Kho báu Thiên nhiên của Trái đất, 9781782742593, Wendy L. Kirk, Amber Books, 2017 | 1 | 4.600.000 | 4.600.000 |
| 59 | From Rough Stones to Wow: Turn Your Rocks & Minerals into Beautiful Gems - Từ Đá thô đến Đá quý Tuyệt đẹp: Biến Đá & Khoáng sản của Bạn thành Đá quý Tuyệt đẹp, 978-1647554583, Jim Magnuson, Adventure Publications, 2025 | 1 | 3.680.000 | 3.680.000 |
| 60 | Gems & Jewelry appraising. Techniques of professional practice - Giám định Đá quý & Trang sức. Kỹ thuật hành nghề chuyên nghiệp, 978-1683360742, Anna M.Miller, Gemstone Press, 2008 | 1 | 3.137.000 | 3.137.000 |
| 61 | 汉语教程Bản mới Tập 3 (下) - Giáo trình Hán ngữ Bản mới tập 3 (Hạ), 9787561947739, Dương Ký Châu, 北京语言大学, 2016 | 2 | 1.051.000 | 2.102.000 |
| 62 | 汉语听力教程 第二册 - Giáo trình nghe Hán ngữ quyển 2, 9787561925362, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2020 | 2 | 1.454.000 | 2.908.000 |
| 63 | 初级汉语听力 上册 - Giáo trình nghe Hán ngữ sơ cấp quyển thượng, 9787301079638, 王晓美 Vương Hiểu Mỹ, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2011 | 2 | 1.430.000 | 2.860.000 |
| 64 | 《汉语听力教程》（第二册） - Giáo trình nghe Hán ngữ (quyển 2), 9787561955956, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2010 | 1 | 1.806.000 | 1.806.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 65 | 《汉语听力教程》（第三册） - Giáo trình nghe Hán ngữ (quyển 3), 9787561955963, 杨雪梅、胡波 Dương Tuyết Mai, Hồ Ba, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2010 | 1 | 1.957.000 | 1.957.000 |
| 66 | 新目标汉语口语课本3 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 3 , 9787561936917, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 1 | 2.308.000 | 2.308.000 |
| 67 | 新目标汉语口语课本 4 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 4, 9787561941829, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016 | 1 | 1.731.000 | 1.731.000 |
| 68 | 《中级汉语听说教程》（下册） - Giáo trình nghe nói tiếng Hán trung cấp (quyển hạ), 9787301079072, 胡晓清 Hồ Hiểu Thanh, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2006 | 2 | 1.404.000 | 2.808.000 |
| 69 | 新目标汉语 5口语课本 - Giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 5, 9787561933169, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2017 | 1 | 2.433.000 | 2.433.000 |
| 70 | 中级汉语阅读教材·这样阅读2 - Giáo trình kỹ năng đọc hiểu tập 2, 9787561918241, 陈贤纯 Trần Hiền Thuần, 北京语言大学出版社出版 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2008 | 1 | 1.600.000 | 1.600.000 |
| 71 | 汉字教程 - Giáo trình Hán tự, 9787561913239, 张静贤 Trương Tĩnh Hiền, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2004 | 2 | 677.000 | 1.354.000 |
| 72 | Advanced Control of Power Converters: Techniques and Matlab/Simulink Implementation - Điều khiển nâng cao bộ biến đổi điện: Kỹ thuật và triển khai Matlab/Simulink, 9781119854401, Hasan Komurcugil , Wiley, 2023 | 1 | 9.722.000 | 9.722.000 |
| 73 | Robotics, Vision and Control, Fundamental Algorithms in MATLAB - Robot, Thị giác và Điều khiển, Thuật toán cơ bản trong MATLAB, 978-3031072611, Peter Corke, Springer, 2023 | 1 | 5.645.000 | 5.645.000 |
| 74 | Introduction to Robotics Mechanics & Control - Giới thiệu về Cơ học & Điều khiển Robot, 978-0133489798, John J. Craig, Pearson, 2017 | 1 | 15.869.000 | 15.869.000 |
| 75 | Sample Preparation Techniques in Analytical Chemistry - Kỹ thuật Chuẩn bị Mẫu trong Hóa phân tích, 978-0471328452, Somenath Mitra , Wiley, 2003 | 1 | 12.127.000 | 12.127.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 76 | Analytical Electrochemistry - Điện hóa Phân tích, 978-1119787693, Joseph Wang, Wiley, 2023 | 1 | 8.886.000 | 8.886.000 |
| 77 | Machine Learning with PyTorch and Scikit-Learn: Develop machine learning and deep learning models with Python - Học Máy với PyTorch và Scikit-Learn: Phát triển các mô hình học máy và học sâu với Python, 978-1801819312, Sebastian Raschka, Packt Publishing, 2022 | 1 | 5.436.000 | 5.436.000 |
| 78 | Artificial Intelligence of Things - Trí tuệ Nhân tạo Vạn vật, 978-1032552996, Kashif Naseer Qureshi , CRC Press, 2024 | 1 | 5.855.000 | 5.855.000 |
| | **Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):** | **83** | | **496.498.000** |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: .....

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: .....

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: 496.498.000đ (Bốn trăm chín mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám ngàn đồng).

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: 496.498.000đ.

*Ngày 10 tháng 11 năm 2025*

**CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM XUNHASABA

**Chủ Tịch**
**Hội Đồng Thành Viên**
**Nguyễn Trung Dũng**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT

HIỆU TRƯỞNG
*GS.TS. Trần Thanh Hải*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2025*

# HỢP ĐỒNG

Số: 01/HĐ-MĐC-XUNHA/2024

Gói thầu "Mua tài liệu"

*Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH12 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH10 ngày 14/6/2005;*

*Căn cứ văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 05/7/2019 về Luật thương mại;*

*Căn cứ Quyết định số KQ2400594034_2501081500 ngày 08/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua tài liệu".*

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

## BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT

| | | | |
|---|---|---|---|
| Địa chỉ | : Số 18 Phố viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội | | |
| Điện thoại | : (84.4) 38389633 | Số Fax | : (84.4) 38389633 |
| Đại diện | : **Ông Trần Thanh Hải** | Chức vụ | : **Hiệu trưởng** |
| Số tài khoản | : 3716.1.1055493 | | |
| Tại | : Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm - Hà Nội | | |

## BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM – XUNHASABA

| | | | |
|---|---|---|---|
| Địa chỉ | : Số 32 Hai Bà Trưng, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội | | |
| Điện thoại | : 02438262989 | Số Fax | : 02438252860 |
| Mã số thuế | : 0100110101 | | |
| Đại diện | : Ông **Nguyễn Trung Dũng** | Chức vụ | : **Chủ tịch HĐTV** |
| Số tài khoản | : 00.11.0000.13139 | | |
| Tại ngân hàng | : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch. | | |

Mã liên ngân hàng: 01203002

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp hàng hóa với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng và phạm vi cung cấp hàng hóa**

Bên A giao, bên B nhận cung cấp hàng hóa thực hiên gói thầu "*Mua tài liệu*".

*(Nội dung chi tiết tại bản phụ lục hợp đồng số 01 kèm theo đây là một phần không tách rời và là tài liệu của hợp đồng)*

**Điều 2. Trách nhiệm của Chủ đầu tư (sau đây gọi tắt là bên A)**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

**Điều 3. Trách nhiệm của Nhà thầu (Sau đây gọi tắt là bên B)**

Bên B cam kết cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại hàng hóa như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: **377.797.000** đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).*

2. Phương thức thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

b) Số lần thanh toán: Thanh toán 01 lần.

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng là **377.797.000** đồng *(Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng)* sau khi hai bên nghiệm thu bàn giao sách, ký nghiệm thu thanh lý hợp đồng, bên B thực hiện bảo lãnh bảo hành và các thủ tục thanh quyết toán theo quy định.

Người thụ hưởng : Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba

Số tài khoản : 00.11.0000.13139

Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Sở giao dịch

Mã liên ngân hàng : 01203002

**Điều 5. Hình thức hợp đồng**

Trọn gói.

**Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng**

40 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

a) Thay đổi phương thức vận chuyển;

b) Thay đổi địa điểm giao hàng;

c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;

d) Các nội dung khác (nếu có).

2. Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng trong trường hợp hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

**Điều 8. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau: Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 2% giá trị hợp đồng tương đương **7.555.940 VNĐ** (Bằng chữ: Bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn chín trăm bốn mươi đồng).

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực bằng thời gian hiệu lực của hợp đồng cộng với 40 ngày.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A.

3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được bên A trả cho Bên B sau khi Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng.

**Điều 9. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

**Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải nêu rõ xuất xứ của hàng hóa; ký mã hiệu, nhãn mác của sản phẩm và các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

**Điều 11. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

1. Bên B phải cung cấp hàng hóa (như phụ lục kèm theo) và giao các tài liệu, chứng từ theo tiến độ nêu trong hợp đồng.

2. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa:

- Hàng hóa được vận chuyển, bàn giao và hướng dẫn sử dụng tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất. Địa chỉ: Số 18 - Phố Viên - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội.

3. Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Thời gian, địa điểm và cách thức tiến hành kiểm tra, thử nghiệm theo thỏa thuận 2 bên. Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Bên A không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Bên B.

**Điều 12. Bản quyền và bảo hiểm hàng hóa**

1. Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

2. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải được bảo hiểm đầy đủ để bù đắp những mất mát, tổn thất bất thường trong quá trình vận chuyển, lưu kho và giao hàng.

**Điều 13. Bảo hành**

1. Bên B bảo đảm rằng hàng hóa được cung cấp theo hợp đồng là mới, chưa sử dụng, đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn chế tạo và sẽ không có các khuyết tật nảy sinh dẫn đến bất lợi trong quá trình sử dụng hàng hóa.

3. Yêu cầu về bảo hành đối với hàng hóa như sau:

- Hàng hóa được bảo hành theo trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày giao hàng.

- Trường hợp sản phẩm lỗi thuộc về nhà sản xuất như sai trật tự trang, khổ sách, tên sách... và thời gian đổi trả sản phẩm lỗi tối đa là 45 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của bên A.

- Điều khoản này không áp dụng đối với những hỏng hóc do lỗi người sử dụng gây ra và do các điều kiện bất khả kháng gây ra như thiên tai, hoả hoạn, lũ lụt, chiến tranh, đình công và những hao mòn mang tính tự nhiên.

**Điều 14. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: 20 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế theo quy định của pháp luật.

**Điều 15. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bộ. Chủ đầu tư giữ 04 bộ, nhà thầu giữ 02 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** |
| **Chủ tịch HĐTV** | **Hiệu trưởng** |
| CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM XUNHASABA | ĐẠI HỌC MỞ ĐỊA CHẤT |
| **Nguyễn Trung Dũng** | **Trần Thanh Hải** |

## PHỤ LỤC 01: DANH MỤC SÁCH

*(Kèm theo Hợp đồng số: 01/ HĐ-MĐC-XUNHA/2024 ngày 14/01/2025)*

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | English for Tourism and Hospitality in Higher Education Studies - Tiếng Anh Du lịch và Khách sạn trong Nghiên cứu Giáo dục Đại học, 978-1859649428, hans-mol, Garnet Edu, 2008 | 1 | 5.093.500 | 5.093.500 |
| 2 | English for Tourism Vocabulary Builder: Dialogues and Practice for Airports, Hotels, Food & Beverage, Transportation, & Sightseeing - Trình tạo từ vựng tiếng Anh du lịch: Đối thoại và thực hành ở sân bay, khách sạn, ẩm thực và đồ uống, vận tải và tham quan , 979-8492544188, Jackie Bolen, Independently published, 2021 | 1 | 4.930.500 | 4.930.500 |
| 3 | Essentials of Medical Geology: Revised Edition - Yếu tố cần thiết của địa chất y học: Phiên bản sửa đổi, 978-9401779616, Olle Selinus, Springer, 2016 | 1 | 12.375.500 | 12.375.500 |
| 4 | From Geoheritage to Geoparks: Case Studies from Africa and Beyond - Từ Di sản địa chất đến Công viên địa chất: Nghiên cứu điển hình từ Châu Phi và xa hơn nữa , 978-3319364162, Ezzoura Errami , Springer, 2016 | 1 | 7.934.500 | 7.934.500 |
| 5 | Geography of the World: The Essential Family Guide to Geography and Culture - Địa lý thế giới: Hướng dẫn cần thiết về địa lý và văn hóa cho gia đình, 978-0756619527, DK, Dorling Kindersley, 2006 | 1 | 6.742.500 | 6.742.500 |
| 6 | Introduction to Medical Geology (Erlangen Earth Conference Series) - Giới thiệu về Địa chất y tế (Chuỗi hội nghị Trái đất Erlangen), 978-3642101502, C. B. Dissanayake , Springer, 2010 | 1 | 11.355.500 | 11.355.500 |
| 7 | Karst Hydrogeology and Geomorphology - Địa chất thủy văn và địa mạo Karst, 978-0470849972, Derek Ford, Wiley, 2007 | 1 | 9.633.500 | 9.633.500 |
| 8 | Medical Geology: A Regional Synthesis - Địa chất y tế: Tổng hợp khu vực , 978-9048134298, Olle Selinus, Springer, 2010 | 1 | 8.851.000 | 8.851.000 |
| 9 | Methods in Karst Hydrogeology - Phương pháp địa chất thủy văn Karst, 978-0367388980, Nico Goldscheider, CRC Press, 2019 | 1 | 7.211.000 | 7.211.000 |
| 10 | The Principles of Geotourism - Các nguyên tắc của du lịch địa chất , 978-3662526170, Anze Chen, Springer, 2016 | 1 | 6.283.500 | 6.283.500 |
| 11 | Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support - Phân tích, Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo: Hệ thống hỗ trợ quyết định, 978-0135192016, Ramesh Sharda , Pearson, 2019 | 1 | 13.526.500 | 13.526.500 |
| 12 | Theory of Sampling and Sampling Practice, Third Edition - Lý thuyết lấy mẫu và thực hành lấy mẫu, tái bản lần thứ ba, 978-1138476486, Francis F. Pitard/, Chapman and Hall/CRC, 2019 | 1 | 11.669.000 | 11.669.000 |

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Airborne and Terrestrial Laser Scanning - Quét Laser trên không và trên mặt đất, 978-1904445876, George Vosselman, 2010 | 1 | 9.759.000 | 9.759.000 |
| 14 | Electronic Waste: Recycling Techniques - Chất thải điện tử: Kỹ thuật tái chế, 978-3319157139, H.M.Veit, A.M.Bernardes, Springer, 2016 | 1 | 10.980.000 | 10.980.000 |
| 15 | Additives in Polymers Analysis and Applications - Phụ gia trong phân tích và ứng dụng polyme, 978-1774635483, Gennady E. Zaikov , Apple Academic Press | 1 | 7.922.000 | 7.922.000 |
| 16 | Advances in Terrestrial Drilling:Ground, Ice, and Underwater - Những tiến bộ trong khoan trên mặt đất:, 9780367674861, Yoseph Bar-Cohen and Kris Zacny, CRC Press, 2022 | 1 | 8.903.000 | 8.903.000 |
| 17 | Drilling Wastes - Chất thải khoan, 9780367865368, F.R. Englehardt, CRC Press, 2020 | 1 | 7.783.500 | 7.783.500 |
| 18 | Simulation and Software Radio for Mobile Communications (Artech House Universal Personal Communications) - Đài phát thanh mô phỏng và phần mềm cho truyền thông di động, 978-1580530446, Hiroshi Harada, Artech House, 2002 | 1 | 11.529.000 | 11.529.000 |
| 19 | 长城汉语3 - Hán ngữ Trường Thành 3, 9787521322927, 马箭飞Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 1.292.500 | 3.877.500 |
| 20 | 长城汉语4 - Hán ngữ Trường Thành 4 , 9787521331141, 马箭飞Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 741.000 | 2.223.000 |
| 21 | 汉语初级强化教程 - 听说课本1 - Giáo trình tăng cường sơ cấp Hán ngữ 1, 9787301315071, 消奚强, 朱敏 Tiêu Hề Cường, Chu Mẫn, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2020 | 3 | 1.273.500 | 3.820.500 |
| 22 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（上）生活篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (1) chuyên đề cuộc sống, 9787561947982, 王涛, 北京语言大学出版社出版, 2018 | 3 | 292.500 | 877.500 |
| 23 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（下）职业篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (2) chuyên đề nghề nghiệp , 9787561950760, 王涛 Vương Đào, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2017 | 2 | 292.500 | 585.000 |
| 24 | 新目标汉语口语课本2 - giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 2, 9787561933763, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016 | 2 | 1.586.500 | 3.173.000 |
| 25 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787561952054, 宁继鸣 Ninh Kế Minh, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019 | 2 | 1.451.000 | 2.902.000 |

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 26 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787563722280, 吴平 Ngô Bình, 旅游教育出版社 NXB Giáo dục du lịch, 2014 | 2 | 592.000 | 1.184.000 |
| 27 | 中国概况教程 - giáo trình khái quát Trung Quốc, 9787301150597, 肖立 Tiêu Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2014 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |
| 28 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787544652933, 程爱民 Trình Ái Dân, 上海外语教育出版社 NXB Giáo dục Ngoại ngữ Thượng Hải, 2018 | 2 | 1.065.000 | 2.130.000 |
| 29 | 越汉翻译教程 - giáo trình dịch Việt Hán, 9787519227050, 谭志词 Đàm Chí Từ, 世界图书出版公司 Công ty xuất bản bản đồ thế giới, 2017 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |
| 30 | 新HSK速成强化教程口试中级 g - Giáo trình tăng cường tăng tốc HSK mới trung cấp khẩu ngữ , 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 31 | 演讲艺术教程 - Giáo trình nghệ thuật diễn thuyết, 9787040536843, 武小军 Vũ Tiểu Quân, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2022 | 3 | 592.000 | 1.776.000 |
| 32 | 演讲与口才实用教程 - giáo trình thực tế diễn thuyết và hùng biện, 9787115628473, 蒋红梅 Tưởng Hồng Mai, 人民邮电出版社 NXB Bưu điện nhân dân, 2023 | 2 | 811.000 | 1.622.000 |
| 33 | 中国文化常识1-2-3 - Giáo trình thường thức văn hoá Trung Quốc quyển 1, 2, 3, 9787505740013, 干春松、张晓芒, 中国友谊出版公司 Công ty xuất bản Hữu nghị Trung Quốc, 2017 | 3 | 2.463.500 | 7.390.500 |
| 34 | 公司汉语 - Tiếng Trung Công sở, 9787301288412, 李立 Lý Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2018 | 5 | 793.500 | 3.967.500 |
| 35 | 中国概况（第五版） - Khái quát Trung Quốc , 9787301324547, 王顺洪 Vương Hồng Thuận , 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 3 | 1.451.000 | 4.353.000 |
| 36 | 中国当代社会与文化英文教程（第三版） - giáo trình tiếng Anh văn hoá và xã hội Trung Quốc đương đại, 9787301335222, 訾缨 Tử Anh, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 2 | 899.000 | 1.798.000 |
| 37 | 国际汉语 语音与语音教学 - Giảng dạy ngữ âm và ngữ âm tiếng Hán quốc tế, 9787040364941, 宋海燕 Tống Hải Yến, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 2 | 741.500 | 1.483.000 |
| 38 | 国际汉语词汇与词汇教学 - Giảng dạy từ vựng và từ vựng tiếng Hán quốc tế, 9787040378498, 刘座箐 Lưu Toạ Tinh, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 39 | 国际汉语语法与语法教学 - Giảng dạy ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Hán quốc tế, 9787040366860, 杨玉玲 ,吴中伟 Dương Ngọc Linh, Ngô Trung Vĩ, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 950.000 | 2.850.000 |
| 40 | 国际汉语汉字与汉字教学 - Giảng dạy chữ Hán và chữ Hán quốc tế, 9787040378535, 王秀荣 Vương Tú Vinh, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |
| 41 | 汉语教师专业技能指导手册 - Sổ thay hướng dẫn chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung, 9787561952030, 冯胜利 Phùng Thắng Lợi, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2018 | 2 | 845.500 | 1.691.000 |
| 42 | HSK速成强化教程 六级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6, 9787561935545, 刘超英 Lưu Siêu Anh, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 1.293.500 | 3.880.500 |
| 43 | 新HSK速成强化教程·口试 中级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ trung cấp, 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2023 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 44 | 新HSK速成强化教程·口试 高级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ cao cấp, 9787561936955, 金舒年 Kim Thục Niên, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 45 | 汉语水平考试模拟试题集·HSK四级 - Bộ đề mô phỏng thi HSK4, 9787561947821, 李春玲 Lý Xuân Linh, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2017 | 5 | 950.000 | 4.750.000 |
| 46 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第2分册词汇) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (từ vựng), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 3 | 328.500 | 985.500 |
| 47 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第3分册语法) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (ngữ pháp), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 2 | 230.000 | 460.000 |
| 48 | 3D Digital Geological Models: From Terrestrial Outcrops to Planetary Surfaces (Geophysical Monograph) - Mô hình địa chất kỹ thuật số 3D: Từ các vết lộ trên mặt đất đến bề mặt hành tinh (Chuyên khảo địa vật lý), 978-1119313885, Andrea Bistacchi, Wiley, 2022 | 1 | 8.454.000 | 8.454.000 |
| 49 | Earth Materials: Introduction to Mineralogy and Petrology - Vật liệu Trái đất: Giới thiệu về Khoáng vật học và Thạch học, 978-1316608852, Cornelis Kelin and Anthony R.Philpotts, Cambridge University Press, 2016 | 1 | 8.047.000 | 8.047.000 |

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 50 | Minerals: Their Constitution and Origin - Khoáng sản: Hiến pháp và nguồn gốc của chúng, 978-1107106260, Hans-Rudolf Wenk , Cambridge University Press, 2017 | 1 | 12.190.500 | 12.190.500 |
| 51 | Jewel - Ngọc, 9780241226032, MILLER JUDITH, PENGUIN UK, 2016 | 1 | 9.143.000 | 9.143.000 |
| 52 | Advanced Mineralogy: Volume 3: Mineral Matter in Space, Mantle, Ocean Floor, Biosphere, Environmental Management, and Jewelry - Khoáng vật học nâng cao: Tập 3: Vật chất khoáng trong không gian, lớp phủ, đáy đại dương, sinh quyển, quản lý môi trường và đồ trang sức, 978-3540582458, Arnold S. Marfunin, Springer, 1998 | 1 | 10.520.500 | 10.520.500 |
| 53 | Mineralogy and Geochemistry of Gems - Khoáng vật học và địa hóa học của đá quý, 978-3039280766, Panagiotis Voudouris, Mdpi AG, 2019 | 1 | 7.922.500 | 7.922.500 |
| 54 | Gemstones and Their Origins - Đá quý và nguồn gốc của chúng, 978-1468466768, P.C. Keller, Springer, 2012 | 1 | 7.321.000 | 7.321.000 |
| 55 | Diamonds in Nature: A Guide to Rough Diamonds - Kim cương trong tự nhiên: Hướng dẫn về kim cương thô, 978-3642125713, Ralf Tappert , Springer, 2011 | 1 | 10.367.500 | 10.367.500 |
| 56 | Introduction to Pharmaceutical Analytical Chemistry - Giới thiệu về Hóa phân tích dược phẩm, 978-1119362722, Stig Pedersen-Bjergaard, Wiley, 2019 | 1 | 6.707.000 | 6.707.000 |
| 57 | Medicinal Natural Products: A Biosynthetic Approach - Sản phẩm dược phẩm tự nhiên: Phương pháp sinh tổng hợp, 978-0470741672, Paul M. Dewick, Wiley, 2009 | 1 | 6.093.500 | 6.093.500 |
| 58 | An Introduction to Medicinal Chemistry - Giới thiệu về Hóa dược, 978-0198866664, Graham L. Patrick, Oxford, 2023 | 1 | 9.143.000 | 9.143.000 |
| 59 | The Mapping of Geological Structures - Lập bản đồ cấu trúc địa chất, 978-0471932437, K. R. McClay , Wiley, 1991 | 1 | 9.143.000 | 9.143.000 |
| 60 | Photogrammetry: Geometry from Images and Laser Scans (De Gruyter Textbook) - Phép đo quang: Hình học từ hình ảnh và quét laser (Sách giáo khoa De Gruyter), 978-3110190076, Karl Kraus, De Gruyter, 2007 | 1 | 6.707.000 | 6.707.000 |
| 61 | The Map Reader: Theories of Mapping Practice and Cartographic Representation - Trình đọc bản đồ: Các lý thuyết về thực hành lập bản đồ và thể hiện bản đồ, 978-0470742839, Martin Dodge, Wiley, 2011 | 1 | 11.345.500 | 11.345.500 |
| 62 | Cartography: Visualization of Spatial Data - Bản đồ: Trực quan hóa dữ liệu không gian, 978-0367507749, Menno-Jan Kraak, CRC, 2023 | 1 | 6.627.500 | 6.627.500 |
| 63 | Basics of Fluid Mechanics - Khái niệm cơ bản về cơ học chất lỏng, 978-1616100940, Genick Bar-Meir, Orange Grove Texts Plus, 2009 | 1 | 6.627.500 | 6.627.500 |

| STT | Thông tin về tài liệu giảng dạy<br>(tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 64 | Pro Engineer-Wildfire 5.0 Instructor - Kỹ sư chuyên nghiệp-Người hướng dẫn Wildfire 5.0, 978-0073375359, David Kelley , McGraw-Hill, 2010 | 1 | 8.537.500 | 8.537.500 |
| | **Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):** | **114** | | **377.797.000** |

*(Viết số tiền bằng chữ: Ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng).*

**ĐẠI DIỆN BÊN B**
**Chủ tịch HĐTV**

**Nguyễn Trung Dũng**

**ĐẠI DIỆN BÊN A**
**Hiệu trưởng**

**Trần Thanh Hải**

**Mẫu số 08a**
Mã hiệu: .....
Số: .....

**BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH**
*(áp dụng đối với các khoản chi khoản chi thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

---

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

2. Mã đơn vị: 1055493 Mã nguồn: .....

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA ... ..... ... .....

4. Căn cứ Hợp đồng số: 01/HĐ-MĐC-XUNHA/2024 ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba; Giá trị hợp đồng: **377.797.000** đồng.

5. Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa ngày 21/02/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba.

*Đơn vị: Đồng*

| TT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | English for Tourism and Hospitality in Higher Education Studies - Tiếng Anh Du lịch và Khách sạn trong Nghiên cứu Giáo dục Đại học, 978-1859649428, hans-mol, Garnet Edu, 2008 | 1 | 5.093.500 | 5.093.500 |
| 2 | English for Tourism Vocabulary Builder: Dialogues and Practice for Airports, Hotels, Food & Beverage, Transportation, & Sightseeing - Trình tạo từ vựng tiếng Anh du lịch: Đối thoại và thực hành ở sân bay, khách sạn, ẩm thực và đồ uống, vận tải và tham quan , 979-8492544188, Jackie Bolen, Independently published, 2021 | 1 | 4.930.500 | 4.930.500 |
| 3 | Essentials of Medical Geology: Revised Edition - Yếu tố cần thiết của địa chất y học: Phiên bản sửa đổi, 978-9401779616, Olle Selinus, Springer, 2016 | 1 | 12.375.500 | 12.375.500 |
| 4 | From Geoheritage to Geoparks: Case Studies from Africa and Beyond - Từ Di sản địa chất đến Công viên địa chất: Nghiên cứu điển hình từ Châu Phi và xa hơn nữa , 978-3319364162, Ezzoura Errami , Springer, 2016 | 1 | 7.934.500 | 7.934.500 |
| 5 | Geography of the World: The Essential Family Guide to Geography and Culture - Địa lý thế giới: Hướng dẫn cần thiết về địa lý và văn hóa cho gia đình, 978-0756619527, DK, Dorling Kindersley, 2006 | 1 | 6.742.500 | 6.742.500 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 | Introduction to Medical Geology (Erlangen Earth Conference Series) - Giới thiệu về Địa chất y tế (Chuỗi hội nghị Trái đất Erlangen), 978-3642101502, C. B. Dissanayake , Springer, 2010 | 1 | 11.355.500 | 11.355.500 |
| 7 | Karst Hydrogeology and Geomorphology - Địa chất thủy văn và địa mạo Karst, 978-0470849972, Derek Ford, Wiley, 2007 | 1 | 9.633.500 | 9.633.500 |
| 8 | Medical Geology: A Regional Synthesis - Địa chất y tế: Tổng hợp khu vực , 978-9048134298, Olle Selinus, Springer, 2010 | 1 | 8.851.000 | 8.851.000 |
| 9 | Methods in Karst Hydrogeology - Phương pháp địa chất thủy văn Karst, 978-0367388980, Nico Goldscheider, CRC Press, 2019 | 1 | 7.211.000 | 7.211.000 |
| 10 | The Principles of Geotourism - Các nguyên tắc của du lịch địa chất , 978-3662526170, Anze Chen, Springer, 2016 | 1 | 6.283.500 | 6.283.500 |
| 11 | Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support - Phân tích, Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo: Hệ thống hỗ trợ quyết định, 978-0135192016, Ramesh Sharda , Pearson, 2019 | 1 | 13.526.500 | 13.526.500 |
| 12 | Theory of Sampling and Sampling Practice, Third Edition - Lý thuyết lấy mẫu và thực hành lấy mẫu, tái bản lần thứ ba, 978- 1138476486, Francis F. Pitard/, Chapman and Hall/CRC, 2019 | 1 | 11.669.000 | 11.669.000 |
| 13 | Airborne and Terrestrial Laser Scanning - Quét Laser trên không và trên mặt đất, 978-1904445876, George Vosselman, 2010 | 1 | 9.759.000 | 9.759.000 |
| 14 | Electronic Waste: Recycling Techniques - Chất thải điện tử: Kỹ thuật tái chế, 978-3319157139, H.M.Veit, A.M.Bernardes, Springer, 2016 | 1 | 10.980.000 | 10.980.000 |
| 15 | Additives in Polymers Analysis and Applications - Phụ gia trong phân tích và ứng dụng polyme, 978-1774635483, Gennady E. Zaikov , Apple Academic Press, 2005 | 1 | 7.922.000 | 7.922.000 |
| 16 | Advances in Terrestrial Drilling:Ground, Ice, and Underwater - Những tiến bộ trong khoan trên mặt đất:, 9780367674861, Yoseph Bar-Cohen and Kris Zacny, CRC Press, 2022 | 1 | 8.903.000 | 8.903.000 |
| 17 | Drilling Wastes - Chất thải khoan, 9780367865368, F.R.Englehardt, CRC Press, 2020 | 1 | 7.783.500 | 7.783.500 |
| 18 | Simulation and Software Radio for Mobile Communications (Artech House Universal Personal Communications) - Đài phát thanh mô phỏng và phần mềm cho truyền thông di động, 978-1580530446, Hiroshi Harada, Artech House, 2002 | 1 | 11.529.000 | 11.529.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 19 | 长城汉语3 - Hán ngữ Trường Thành 3, 9787521322927, 马箭飞 Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 1.292.500 | 3.877.500 |
| 20 | 长城汉语4 - Hán ngữ Trường Thành 4 , 9787521331141, 马箭飞 Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 741.000 | 2.223.000 |
| 21 | 汉语初级强化教程 - 听说课本1 - Giáo trình tăng cường sơ cấp Hán ngữ 1, 9787301315071, 消奚强, 朱敏 Tiêu Hề Cường, Chu Mẫn, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2020 | 3 | 1.273.500 | 3.820.500 |
| 22 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（上）生活篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (1) chuyên đề cuộc sống, 9787561947982, 王涛, 北京语言大学出版社出版, 2018 | 3 | 292.500 | 877.500 |
| 23 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（下）职业篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (2) chuyên đề nghề nghiệp , 9787561950760, 王涛 Vương Đào, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2017 | 2 | 292.500 | 585.000 |
| 24 | 新目标汉语口语课本2 - giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 2, 9787561933763, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016 | 2 | 1.586.500 | 3.173.000 |
| 25 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787561952054, 宁继鸣 Ninh Kế Minh, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019 | 2 | 1.451.000 | 2.902.000 |
| 26 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787563722280, 吴平 Ngô Bình, 旅游教育出版社 NXB Giáo dục du lịch, 2014 | 2 | 592.000 | 1.184.000 |
| 27 | 中国概况教程 - giáo trình khái quát Trung Quốc, 9787301150597, 肖立 Tiêu Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2014 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |
| 28 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787544652933, 程爱民 Trình Ái Dân, 上海外语教育出版社 NXB Giáo dục Ngoại ngữ Thượng Hải, 2018 | 2 | 1.065.000 | 2.130.000 |
| 29 | 越汉翻译教程 - giáo trình dịch Việt Hán, 9787519227050, 谭志词 Đàm Chí Từ, 世界图书出版公司 Công ty xuất bản bản đồ thế giới, 2017 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 30 | 新HSK速成强化教程口试中级 g - Giáo trình tăng cường tăng tốc HSK mới trung cấp khẩu ngữ , 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 31 | 演讲艺术教程 - Giáo trình nghệ thuật diễn thuyết, 9787040536843, 武小军 Vũ Tiểu Quân, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2022 | 3 | 592.000 | 1.776.000 |
| 32 | 演讲与口才实用教程 - giáo trình thực tế diễn thuyết và hùng biện, 9787115628473, 蒋红梅 Tưởng Hồng Mai, 人民邮电出 版社 NXB Bưu điện nhân dân, 2023 | 2 | 811.000 | 1.622.000 |
| 33 | 中国文化常识 1-2-3 - Giáo trình thường thức văn hoá Trung Quốc quyển 1, 2, 3, 9787505740013, 干春松、张晓芒, 中国友谊出版公司 Công ty xuất bản Hữu nghị Trung Quốc, 2017 | 3 | 2.463.500 | 7.390.500 |
| 34 | 公司汉语 - Tiếng Trung Công sở, 9787301288412, 李立 Lý Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2018 | 5 | 793.500 | 3.967.500 |
| 35 | 中国概况（第五版） - Khái quát Trung Quốc , 9787301324547, 王顺洪 Vương Hồng Thuận , 北京大学出版 社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 3 | 1.451.000 | 4.353.000 |
| 36 | 中国当代社会与文化英文教程（第三版） - giáo trình tiếng Anh văn hoá và xã hội Trung Quốc đương đại, 9787301335222, 訾缨 Tử Anh, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 2 | 899.000 | 1.798.000 |
| 37 | 国际汉语 语音与语音教学 - Giảng dạy ngữ âm và ngữ âm tiếng Hán quốc tế, 9787040364941, 宋海燕 Tống Hải Yến, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 2 | 741.500 | 1.483.000 |
| 38 | 国际汉语词汇与词汇教学 - Giảng dạy từ vựng và từ vựng tiếng Hán quốc tế, 9787040378498, 刘座箐 Lưu Toạ Tinh, 高 等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |
| 39 | 国际汉语语法与语法教学 - Giảng dạy ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Hán quốc tế, 9787040366860, 杨玉玲 ,吴中伟 Dương Ngọc Linh, Ngô Trung Vĩ, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 950.000 | 2.850.000 |
| 40 | 国际汉语汉字与汉字教学 - Giảng dạy chữ Hán và chữ Hán quốc tế, 9787040378535, 王秀荣 Vương Tú Vinh, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |
| 41 | 汉语教师专业技能指导手册 - Sổ thay hướng dẫn chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung, 9787561952030, 冯胜利 Phùng | | | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | Thắng Lợi, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2018 | 2 | 845.500 | 1.691.000 |
| 42 | HSK速成强化教程 六级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6, 9787561935545, 刘超英 Lưu Siêu Anh, 北京语言大 学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 1.293.500 | 3.880.500 |
| 43 | 新HSK速成强化教程·口试 · 中级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ trung cấp, 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2023 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 44 | 新HSK速成强化教程·口试 · 高级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ cao cấp, 9787561936955, 金舒年 Kim Thục Niên, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 45 | 汉语水平考试模拟试题集·HSK四级 - Bộ đề mô phỏng thi HSK4, 9787561947821, 李春玲 Lý Xuân Linh, 北京语言大 学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2017 | 5 | 950.000 | 4.750.000 |
| 46 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第2分册词汇) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (từ vựng), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版 社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 3 | 328.500 | 985.500 |
| 47 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第3分册语法) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (ngữ pháp), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版 社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 2 | 230.000 | 460.000 |
| 48 | 3D Digital Geological Models: From Terrestrial Outcrops to Planetary Surfaces (Geophysical Monograph) - Mô hình địa chất kỹ thuật số 3D: Từ các vết lộ trên mặt đất đến bề mặt hành tinh (Chuyên khảo địa vật lý), 978-1119313885, Andrea Bistacchi, Wiley, 2022 | 1 | 8.454.000 | 8.454.000 |
| 49 | Earth Materials: Introduction to Mineralogy and Petrology - Vật liệu Trái đất: Giới thiệu về Khoáng vật học và Thạch học, 978-1316608852, Cornelis Kelin and Anthony R.Philpotts, Cambridge University Press, 2016 | 1 | 8.047.000 | 8.047.000 |
| 50 | Minerals: Their Constitution and Origin - Khoáng sản: Hiến pháp và nguồn gốc của chúng, 978-1107106260, Hans-Rudolf Wenk, Cambridge University Press, 2017 | 1 | 12.190.500 | 1.871.100 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 51 | Jewel - Ngọc, 9780241226032, MILLER JUDITH, PENGUIN UK, 2016 | 1 | 9.143.000 | 1.970.100 |
| 52 | Advanced Mineralogy: Volume 3: Mineral Matter in Space, Mantle, Ocean Floor, Biosphere, Environmental Management, and Jewelry - Khoáng vật học nâng cao: Tập 3: Vật chất khoáng trong không gian, lớp phủ, đáy đại dương, sinh quyển, quản lý môi trường và đồ trang sức, 978-3540582458, Arnold S. Marfunin, Springer, 1998 | 1 | 10.520.500 | 4.989.600 |
| 53 | Mineralogy and Geochemistry of Gems - Khoáng vật học và địa hóa học của đá quý, 978-3039280766, Panagiotis Voudouris, Mdpi AG, 2019 | 1 | 7.922.500 | 594.000 |
| 54 | Gemstones and Their Origins - Đá quý và nguồn gốc của chúng, 978-1468466768, P.C. Keller, Springer, 2012 | 1 | 7.321.000 | 688.050 |
| 55 | Diamonds in Nature: A Guide to Rough Diamonds - Kim cương trong tự nhiên: Hướng dẫn về kim cương thô, 978-3642125713, Ralf Tappert , Springer, 2011 | 1 | 10.367.500 | 1.178.100 |
| 56 | Introduction to Pharmaceutical Analytical Chemistry - Giới thiệu về Hóa phân tích dược phẩm, 978-1119362722, Stig Pedersen-Bjergaard, Wiley, 2019 | 1 | 6.707.000 | 638.550 |
| 57 | Medicinal Natural Products: A Biosynthetic Approach - Sản phẩm dược phẩm tự nhiên: Phương pháp sinh tổng hợp, 978- 0470741672, Paul M. Dewick, Wiley, 2009 | 1 | 6.093.500 | 374.220 |
| 58 | An Introduction to Medicinal Chemistry - Giới thiệu về Hóa dược, 978-0198866664, Graham L. Patrick, Oxford, 2023 | 1 | 9.143.000 | 732.600 |
| 59 | The Mapping of Geological Structures - Lập bản đồ cấu trúc địa chất, 978-0471932437, K. R. McClay , Wiley, 1991 | 1 | 9.143.000 | 673.200 |
| 60 | Photogrammetry: Geometry from Images and Laser Scans (De Gruyter Textbook) - Phép đo quang: Hình học từ hình ảnh và quét laser (Sách giáo khoa De Gruyter), 978-3110190076, Karl Kraus, De Gruyter, 2007 | 1 | 6.707.000 | 891.000 |
| 61 | The Map Reader: Theories of Mapping Practice and Cartographic Representation - Trình đọc bản đồ: Các lý thuyết về thực hành lập bản đồ và thể hiện bản đồ, 978-0470742839, Martin Dodge, Wiley, 2011 | 1 | 11.345.500 | 336.600 |
| 62 | Cartography - Bản đồ: Trực quan hóa dữ liệu không gian, 978-0367507749, Menno-Jan Kraak, CRC, 2023 | 1 | 6.627.500 | 485.100 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 63 | Basics of Fluid Mechanics - Khái niệm cơ bản về cơ học chất lỏng, 978-1616100940, Genick Bar-Meir, Orange Grove Texts Plus, 2009 | 1 | 6.627.500 | 396.000 |
| 64 | Pro Engineer-Wildfire 5.0 Instructor - Kỹ sư chuyên nghiệp- Người hướng dẫn Wildfire 5.0, 978-0073375359, David Kelley , McGraw-Hill, 2010 | 1 | 8.537.500 | 490.050 |
| | **Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):** | **114** | | **377.797.000** |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: .....

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước: .....

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: 377.797.000đ (Ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy ngàn đồng).

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: 377.797.000đ.

*Ngày 21 tháng 02 năm 2025*

**CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

Chủ Tịch
Hội Đồng Thành Viên
Nguyễn Trung Dũng

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Trần Thanh Hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH LÝ HỢP ĐỒNG

*Căn cứ Quyết định số KQ2400594034_2501081500 ngày 08/01/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Mua tài liệu";*

*Căn cứ Hợp đồng số: 01/HĐ-MĐC-XUNHA/2024 ngày 14/01/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba;*

*Căn cứ Biên bản bàn giao ngày 21/02/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty TNHH MTV XNK Sách báo Việt Nam - Xunhasaba.*

*Hôm nay, ngày 21 tháng 02 năm 2025 tại Hà Nội, chúng tôi gồm:*

**I/ ĐẠI DIỆN BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, phường Đức Thắng, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 - Fax 04 3838 9633

Mã số thuế : 0101689386

Đại diện : **Ông GS. TS Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng**

Tài khoản : 3716.1.1055493 tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm

**II/BÊN B: CÔNG TY TNHH MTV XNK SÁCH BÁO VIỆT NAM - XUNHASABA**

Địa chỉ : Số 32 Hai Bà Trưng, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : 02438262989 Số Fax : 02438252860

Mã số thuế : 0100110101

Đại diện : Ông **Nguyễn Trung Dũng** Chức vụ : **Chủ tịch HĐTV**

Số tài khoản : 00.11.0000.13139

Tại : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Sở giao dịch

Mã liên ngân hàng: 01203002

Hai bên đã thống nhất về việc mua bán tài liệu theo hợp đồng số 01/HĐ-MĐC-XUNHA/2024 ngày 14/01/2025 như sau:

| TT | Thông tin về tài liệu giảng dạy (tên sách, dịch tên, mã ISBN, tác giả, NXB, năm XB) | Số lượng (cuốn) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | English for Tourism and Hospitality in Higher Education Studies - Tiếng Anh Du lịch và Khách sạn trong Nghiên cứu Giáo dục Đại học, 978-1859649428, hans-mol, Garnet Edu, 2008 | 1 | 5.093.500 | 5.093.500 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 2 | English for Tourism Vocabulary Builder: Dialogues and Practice for Airports, Hotels, Food & Beverage, Transportation, & Sightseeing - Trình tạo từ vựng tiếng Anh du lịch: Đối thoại và thực hành ở sân bay, khách sạn, ẩm thực và đồ uống, vận tải và tham quan , 979-8492544188, Jackie Bolen, Independently published, 2021 | 1 | 4.930.500 | 4.930.500 |
| 3 | Essentials of Medical Geology: Revised Edition - Yếu tố cần thiết của địa chất y học: Phiên bản sửa đổi, 978-9401779616, Olle Selinus, Springer, 2016 | 1 | 12.375.500 | 12.375.500 |
| 4 | From Geoheritage to Geoparks: Case Studies from Africa and Beyond - Từ Di sản địa chất đến Công viên địa chất: Nghiên cứu điển hình từ Châu Phi và xa hơn nữa , 978-3319364162, Ezzoura Errami , Springer, 2016 | 1 | 7.934.500 | 7.934.500 |
| 5 | Geography of the World: The Essential Family Guide to Geography and Culture - Địa lý thế giới: Hướng dẫn cần thiết về địa lý và văn hóa cho gia đình, 978-0756619527, DK, Dorling Kindersley, 2006 | 1 | 6.742.500 | 6.742.500 |
| 6 | Introduction to Medical Geology (Erlangen Earth Conference Series) - Giới thiệu về Địa chất y tế (Chuỗi hội nghị Trái đất Erlangen), 978-3642101502, C. B. Dissanayake , Springer, 2010 | 1 | 11.355.500 | 11.355.500 |
| 7 | Karst Hydrogeology and Geomorphology - Địa chất thủy văn và địa mạo Karst, 978-0470849972, Derek Ford, Wiley, 2007 | 1 | 9.633.500 | 9.633.500 |
| 8 | Medical Geology: A Regional Synthesis - Địa chất y tế: Tổng hợp khu vực , 978-9048134298, Olle Selinus, Springer, 2010 | 1 | 8.851.000 | 8.851.000 |
| 9 | Methods in Karst Hydrogeology - Phương pháp địa chất thủy văn Karst, 978-0367388980, Nico Goldscheider, CRC Press, 2019 | 1 | 7.211.000 | 7.211.000 |
| 10 | The Principles of Geotourism - Các nguyên tắc của du lịch địa chất , 978-3662526170, Anze Chen, Springer, 2016 | 1 | 6.283.500 | 6.283.500 |
| 11 | Analytics, Data Science, & Artificial Intelligence: Systems for Decision Support - Phân tích, Khoa học dữ liệu và Trí tuệ nhân tạo: Hệ thống hỗ trợ quyết định, 978-0135192016, Ramesh Sharda , Pearson, 2019 | 1 | 13.526.500 | 13.526.500 |
| 12 | Theory of Sampling and Sampling Practice, Third Edition - Lý thuyết lấy mẫu và thực hành lấy mẫu, tái bản lần thứ ba, 978- 1138476486, Francis F. Pitard/, Chapman and Hall/CRC, 2019 | 1 | 11.669.000 | 11.669.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 13 | Airborne and Terrestrial Laser Scanning - Quét Laser trên không và trên mặt đất, 978-1904445876, George Vosselman, 2010 | 1 | 9.759.000 | 9.759.000 |
| 14 | Electronic Waste: Recycling Techniques - Chất thải điện tử: Kỹ thuật tái chế, 978-3319157139, H.M.Veit, A.M.Bernardes, Springer, 2016 | 1 | 10.980.000 | 10.980.000 |
| 15 | Additives in Polymers Analysis and Applications - Phụ gia trong phân tích và ứng dụng polyme, 978-1774635483, Gennady E. Zaikov , Apple Academic Press, 2005 | 1 | 7.922.000 | 7.922.000 |
| 16 | Advances in Terrestrial Drilling:Ground, Ice, and Underwater - Những tiến bộ trong khoan trên mặt đất:, 9780367674861, Yoseph Bar-Cohen and Kris Zacny, CRC Press, 2022 | 1 | 8.903.000 | 8.903.000 |
| 17 | Drilling Wastes - Chất thải khoan, 9780367865368, F.R.Englehardt, CRC Press, 2020 | 1 | 7.783.500 | 7.783.500 |
| 18 | Simulation and Software Radio for Mobile Communications (Artech House Universal Personal Communications) - Đài phát thanh mô phỏng và phần mềm cho truyền thông di động, 978-1580530446, Hiroshi Harada, Artech House, 2002 | 1 | 11.529.000 | 11.529.000 |
| 19 | 长城汉语3 - Hán ngữ Trường Thành 3, 9787521322927, 马箭飞 Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 1.292.500 | 3.877.500 |
| 20 | 长城汉语4 - Hán ngữ Trường Thành 4 , 9787521331141, 马箭飞 Mã Tiễn Phi, NXB Nghiên cứu và giáo dục ngoại ngữ, 2021 | 3 | 741.000 | 2.223.000 |
| 21 | 汉语初级强化教程 - 听说课本1 - Giáo trình tăng cường sơ cấp Hán ngữ 1, 9787301315071, 消奚强, 朱敏 Tiêu Hề Cường, Chu Mẫn, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2020 | 3 | 1.273.500 | 3.820.500 |
| 22 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（上）生活篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (1) chuyên đề cuộc sống, 9787561947982, 王涛, 北京语言大学出版社出版, 2018 | 3 | 292.500 | 877.500 |
| 23 | 中国微镜头—汉语视听说系列教材 中级（下）职业篇 - Ống kính Trung Quốc - Giáo trình nghe nhìn Hán ngữ trung cấp (2) chuyên đề nghề nghiệp , 9787561950760, 王涛 Vương Đào, NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2017 | 2 | 292.500 | 585.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 24 | 新目标汉语口语课本2 - giáo trình khẩu ngữ tiếng Hán mục tiêu mới quyển 2, 9787561933763, 毛悦 Mao Duyệt, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2016 | 2 | 1.586.500 | 3.173.000 |
| 25 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787561952054, 宁继鸣 Ninh Kế Minh, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2019 | 2 | 1.451.000 | 2.902.000 |
| 26 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787563722280, 吴平 Ngô Bình, 旅游教育出版社 NXB Giáo dục du lịch, 2014 | 2 | 592.000 | 1.184.000 |
| 27 | 中国概况教程 - giáo trình khái quát Trung Quốc, 9787301150597, 肖立 Tiêu Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2014 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |
| 28 | 中国概况 - Khái quát Trung Quốc, 9787544652933, 程爱民 Trình Ái Dân, 上海外语教育出版社 NXB Giáo dục Ngoại ngữ Thượng Hải, 2018 | 2 | 1.065.000 | 2.130.000 |
| 29 | 越汉翻译教程 - giáo trình dịch Việt Hán, 9787519227050, 谭志词 Đàm Chí Từ, 世界图书出版公司 Công ty xuất bản bản đồ thế giới, 2017 | 2 | 616.000 | 1.232.000 |
| 30 | 新HSK速成强化教程口试中级 g - Giáo trình tăng cường tăng tốc HSK mới trung cấp khẩu ngữ , 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2014 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 31 | 演讲艺术教程 - Giáo trình nghệ thuật diễn thuyết, 9787040536843, 武小军 Vũ Tiểu Quân, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2022 | 3 | 592.000 | 1.776.000 |
| 32 | 演讲与口才实用教程 - giáo trình thực tế diễn thuyết và hùng biện, 9787115628473, 蒋红梅 Tưởng Hồng Mai, 人民邮电出 版社 NXB Bưu điện nhân dân, 2023 | 2 | 811.000 | 1.622.000 |
| 33 | 中国文化常识 1-2-3 - Giáo trình thường thức văn hoá Trung Quốc quyển 1, 2, 3, 9787505740013, 干春松、张晓芒, 中国友谊出版公司 Công ty xuất bản Hữu nghị Trung Quốc, 2017 | 3 | 2.463.500 | 7.390.500 |
| 34 | 公司汉语 - Tiếng Trung Công sở, 9787301288412, 李立 Lý Lập, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2018 | 5 | 793.500 | 3.967.500 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 35 | 中国概况（第五版） - Khái quát Trung Quốc , 9787301324547, 王顺洪 Vương Hồng Thuận , 北京大学出版 社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 3 | 1.451.000 | 4.353.000 |
| 36 | 中国当代社会与文化英文教程（第三版） - giáo trình tiếng Anh văn hoá và xã hội Trung Quốc đương đại, 9787301335222, 訾缨 Tử Anh, 北京大学出版社 NXB ĐH Bắc Kinh, 2022 | 2 | 899.000 | 1.798.000 |
| 37 | 国际汉语 语音与语音教学 - Giảng dạy ngữ âm và ngữ âm tiếng Hán quốc tế, 9787040364941, 宋海燕 Tống Hải Yến, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 2 | 741.500 | 1.483.000 |
| 38 | 国际汉语词汇与词汇教学 - Giảng dạy từ vựng và từ vựng tiếng Hán quốc tế, 9787040378498, 刘座箐 Lưu Toạ Tinh, 高 等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |
| 39 | 国际汉语语法与语法教学 - Giảng dạy ngữ pháp và ngữ pháp tiếng Hán quốc tế, 9787040366860, 杨玉玲 ,吴中伟 Dương Ngọc Linh, Ngô Trung Vĩ, 高等教育出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 950.000 | 2.850.000 |
| 40 | 国际汉语汉字与汉字教学 - Giảng dạy chữ Hán và chữ Hán quốc tế, 9787040378535, 王秀荣 Vương Tú Vinh, 高等教育 出版社 NXB Giáo dục Đại học, 2013 | 3 | 741.500 | 2.224.500 |
| 41 | 汉语教师专业技能指导手册 - Sổ thay hướng dẫn chuyên ngành giảng dạy tiếng Trung, 9787561952030, 冯胜利 Phùng Thắng Lợi, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2018 | 2 | 845.500 | 1.691.000 |
| 42 | HSK速成强化教程 六级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6, 9787561935545, 刘超英 Lưu Siêu Anh, 北京语言大 学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 1.293.500 | 3.880.500 |
| 43 | 新HSK速成强化教程·口试 · 中级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ trung cấp, 9787561940143, 赵延风 Triệu Đình Phong, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2023 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 44 | 新HSK速成强化教程·口试 · 高级 - giáo trình tăng cường tăng tốc HSK6-khẩu ngữ cao cấp, 9787561936955, 金舒年 Kim Thục Niên, 北京语言大学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh, 2013 | 3 | 636.000 | 1.908.000 |
| 45 | 汉语水平考试模拟试题集·HSK四级 - Bộ đề mô phỏng thi HSK4, 9787561947821, 李春玲 Lý Xuân Linh, 北京语言大 学出版社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2017 | 5 | 950.000 | 4.750.000 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 46 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第2分册词汇) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (từ vựng), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版 社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 3 | 328.500 | 985.500 |
| 47 | 国际中文教育中文水平等级标准(国家标准应用解读本第3分册语法) - Giáo trình HSK 9 cấp độ (ngữ pháp), 9787561957202, 刘英林 Lưu Anh Lâm, 北京语言大学出版 社 NXB ĐH Ngôn ngữ Bắc Kinh , 2021 | 2 | 230.000 | 460.000 |
| 48 | 3D Digital Geological Models: From Terrestrial Outcrops to Planetary Surfaces (Geophysical Monograph) - Mô hình địa chất kỹ thuật số 3D: Từ các vết lộ trên mặt đất đến bề mặt hành tinh (Chuyên khảo địa vật lý), 978-1119313885, Andrea Bistacchi, Wiley, 2022 | 1 | 8.454.000 | 8.454.000 |
| 49 | Earth Materials: Introduction to Mineralogy and Petrology - Vật liệu Trái đất: Giới thiệu về Khoáng vật học và Thạch học, 978-1316608852, Cornelis Kelin and Anthony R.Philpotts, Cambridge University Press, 2016 | 1 | 8.047.000 | 8.047.000 |
| 50 | Minerals: Their Constitution and Origin - Khoáng sản: Hiến pháp và nguồn gốc của chúng, 978-1107106260, Hans-Rudolf Wenk, Cambridge University Press, 2017 | 1 | 12.190.500 | 1.871.100 |
| 51 | Jewel - Ngọc, 9780241226032, MILLER JUDITH, PENGUIN UK, 2016 | 1 | 9.143.000 | 1.970.100 |
| 52 | Advanced Mineralogy: Volume 3: Mineral Matter in Space, Mantle, Ocean Floor, Biosphere, Environmental Management, and Jewelry - Khoáng vật học nâng cao: Tập 3: Vật chất khoáng trong không gian, lớp phủ, đáy đại dương, sinh quyển, quản lý môi trường và đồ trang sức, 978-3540582458, Arnold S. Marfunin, Springer, 1998 | 1 | 10.520.500 | 4.989.600 |
| 53 | Mineralogy and Geochemistry of Gems - Khoáng vật học và địa hóa học của đá quý, 978-3039280766, Panagiotis Voudouris, Mdpi AG, 2019 | 1 | 7.922.500 | 594.000 |
| 54 | Gemstones and Their Origins - Đá quý và nguồn gốc của chúng, 978-1468466768, P.C. Keller, Springer, 2012 | 1 | 7.321.000 | 688.050 |
| 55 | Diamonds in Nature: A Guide to Rough Diamonds - Kim cương trong tự nhiên: Hướng dẫn về kim cương thô, 978-3642125713, Ralf Tappert , Springer, 2011 | 1 | 10.367.500 | 1.178.100 |
| 56 | Introduction to Pharmaceutical Analytical Chemistry - Giới thiệu về Hóa phân tích dược phẩm, 978-1119362722, Stig Pedersen-Bjergaard, Wiley, 2019 | 1 | 6.707.000 | 638.550 |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 57 | Medicinal Natural Products: A Biosynthetic Approach - Sản phẩm dược phẩm tự nhiên: Phương pháp sinh tổng hợp, 978- 0470741672, Paul M. Dewick, Wiley, 2009 | 1 | 6.093.500 | 374.220 |
| 58 | An Introduction to Medicinal Chemistry - Giới thiệu về Hóa dược, 978-0198866664, Graham L. Patrick, Oxford, 2023 | 1 | 9.143.000 | 732.600 |
| 59 | The Mapping of Geological Structures - Lập bản đồ cấu trúc địa chất, 978-0471932437, K. R. McClay , Wiley, 1991 | 1 | 9.143.000 | 673.200 |
| 60 | Photogrammetry: Geometry from Images and Laser Scans (De Gruyter Textbook) - Phép đo quang: Hình học từ hình ảnh và quét laser (Sách giáo khoa De Gruyter), 978-3110190076, Karl Kraus, De Gruyter, 2007 | 1 | 6.707.000 | 891.000 |
| 61 | The Map Reader: Theories of Mapping Practice and Cartographic Representation - Trình đọc bản đồ: Các lý thuyết về thực hành lập bản đồ và thể hiện bản đồ, 978-0470742839, Martin Dodge, Wiley, 2011 | 1 | 11.345.500 | 336.600 |
| 62 | Cartography - Bản đồ: Trực quan hóa dữ liệu không gian, 978-0367507749, Menno-Jan Kraak, CRC, 2023 | 1 | 6.627.500 | 485.100 |
| 63 | Basics of Fluid Mechanics - Khái niệm cơ bản về cơ học chất lỏng, 978-1616100940, Genick Bar-Meir, Orange Grove Texts Plus, 2009 | 1 | 6.627.500 | 396.000 |
| 64 | Pro Engineer-Wildfire 5.0 Instructor - Kỹ sư chuyên nghiệp- Người hướng dẫn Wildfire 5.0, 978-0073375359, David Kelley , McGraw-Hill, 2010 | 1 | 8.537.500 | 490.050 |
| | **Tổng cộng giá dự thầu của dịch vụ đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):** | **114** | | **377.797.000** |

- Tổng giá trị Hợp đồng là: **377.797.000 VND**.
- Bên A đã tạm ứng cho bên B: 0 đồng.
- Bên A phải thanh toán cho bên B số tiền là: **377.797.000 VND**.

*(Bằng chữ : Ba trăm bảy mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng)*.

Bên B đã hoàn thành việc bàn giao sách giáo trình và tham khảo theo đúng tiêu chuẩn như đã thoả thuận trong hợp đồng cho bên A. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo đúng giá trị trong thanh lý hợp đồng.

Hai bên cùng thống nhất nghiệm thu thanh lý hợp đồng số: 01/HĐ-MĐC-XUNHA/2024 ngày 14/01/2025. Biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng này được làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN B**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN XUẤT NHẬP KHẨU SÁCH BÁO VIỆT NAM XUNHASABA

Chủ Tịch
Hội Đồng Thành Viên
Nguyễn Trung Dũng

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Trần Thanh Hải

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ
Số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ

*Căn cứ Bộ luật Dân sự được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày ngày 24 tháng 11 năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Thương mại được Quốc hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua ngày 14/06/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thương mại;*

*Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-MĐC ngày 30/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Bảo trì và nâng cấp phần mềm Kipos Trung tâm Thông tin - Thư viện".*

*Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu của hai bên*

Hôm nay, ngày 31 tháng 10 năm 2025, Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm có:

| | | |
|---|---|---|
| **BÊN A** | : | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT** |
| **(BÊN MUA)** | | |
| Địa chỉ | : | 18 Phố Viên - Phường Đông Ngạc – TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 024 38389366 |
| Tài khoản | : | 3716.1.1055493 tại phòng GD số 10 KBNN khu vực I |
| Đại diện | : | **Ông Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng** |
| **BÊN B** | : | **CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI** |
| **(BÊN BÁN)** | | |
| Địa chỉ | : | Tầng 6 Toà nhà VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 086 254 1399 |
| Tài khoản | : | 1250015836 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Đô |
| Mã số thuế | : | 0101537591 |
| Đại diện | : | **Ông Nguyễn Hồng Vinh** Chức vụ: **Giám đốc** |

Hai bên thỏa thuận ký kết Hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1: Nội dung hợp đồng**

Bên B thực hiện dịch vụ Bảo trì và nâng cấp phần mềm thư viện KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025 cho bên A theo yêu cầu cụ thể như sau:

| STT | Hàng hóa | ĐVT | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025. | Gói | 85.000.000 | 1 | 85.000.000 |
| VAT (Không chịu) | | | | | - |
| ***Tổng cộng: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*** | | | | | ***85.000.000*** |

**Điều 2: Nội dung công việc**

**2.1. Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm**

Danh mục tính năng nâng cấp lên phiên bản mới nhất hiện nay của Phần mềm Quản lý thư viện tổng thể KIPOS được thể hiện chi tiết trong Phụ lục 01 kèm theo Hợp đồng này.

**2.2. Dịch vụ bảo hành**

a. Hỗ trợ sử dụng: Duy trì đội ngũ hỗ trợ liên tục trong giờ hành chính để tiếp nhận các yêu cầu và thực hiện công việc hỗ trợ kịp thời thông qua các phương tiện: email, điện thoại, chat (FaceBook, Zalo, Skype), TeamViewer, UltraView… Thường xuyên theo dõi hệ thống và đưa ra các ý kiến tư vấn giúp cho Khách hàng quản trị vận hành và sử dụng hệ thống tốt nhất.

b. Sửa lỗi: Duy trì đội ngũ kỹ thuật để tiếp nhận các báo lỗi phần mềm và thực hiện sửa lỗi phần mềm nhanh nhất có thể sau khi nhận được thông báo:

- Phải đưa ra kế hoạch xử lý chậm nhất không quá 24h kể từ khi nhận được thông báo
- Phải thực hiện sửa lỗi không quá 72h kể từ khi đưa ra kế hoạch xử lý.

c. Tùy biến: Tiếp nhận và thực hiện các yêu cầu tùy biến phần mềm cho phù hợp với nhu cầu của thư viện. Đối với các yêu cầu không hợp lý hoặc vượt quá phạm vi của dịch vụ bảo trì, phải có báo cáo giải trình cho Khách hàng.

d. Hỗ trợ khắc phục sự cố: Phối hợp với khách hàng khắc phục sớm nhất có thể khi có sự cố gây đình trệ hệ thống:

- Nếu lỗi do phần mềm sẽ thực hiện việc khắc phục ngay khi điều kiện đường truyền cho phép.
- Nếu lỗi do hỏng máy chủ, virus tấn công... sẽ phối hợp với Khách hàng để lên kế hoạch khôi phục hệ thống giảm thiểu thiệt hại do mất mát dữ liệu.

**Điều 3: Giá trị hợp đồng**

Tổng giá trị hợp đồng: **85.000.000 VNĐ**

*Giá trị bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn*

(Giá trên đã bao gồm thuế VAT và các chi phí khác)

**Điều 4: Trách nhiệm của bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho bên B theo giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 6 của Hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

**Điều 5: Trách nhiệm của bên B**

Bên B cam kết cung cấp cho bên A đầy đủ dịch vụ liên quan như nêu tại Điều 1 của hợp đồng này, đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

**Điều 6: Phương thức thanh toán**

a. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản qua ngân hàng bằng VNĐ
b. Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng ngay sau khi hai bên ký biên bản nghiệm thu nâng cấp phần mềm và Bên bán cung cấp đầy đủ hoá đơn chứng từ theo yêu cầu của Bên A.
c. Thông tin thanh toán:

   Tên tài khoản thụ thưởng: **Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại**

   Số tài khoản: 1250015836 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Đô

**Điều 7: Loại hợp đồng:** Trọn gói

**Điều 8: Thời gian thực hiện hợp đồng**

a. Nâng cấp phần mềm: 15 ngày kể từ ngày ký kết Hợp đồng
b. Dịch vụ bảo hành: 12 tháng sau khi ký biên bản nghiệm thu nâng cấp phần mềm

**Điều 9: Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Tùy theo tình hình cụ thể về thời tiết, tính chất công việc và các đợt thực địa sẽ được điều chỉnh về thời gian và số lượng đợt khảo sát. Bên A và bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.

**Điều 10: Chấm dứt hợp đồng**

Bên A hoặc bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a. Một trong hai bên không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu.
b. Một trong hai bên bị phá sản, giải thể.
c. Các hành vi khác (nếu có)

**Điều 11: Giải quyết tranh chấp**

a. Bên A và bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng hòa giải.
b. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo pháp luật.

**Điều 12: Hiệu lực hợp đồng**

a. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký.
b. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
c. Hợp đồng được lập thành 06 bộ mỗi bên giữ 03 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị như nhau

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** |
| M.S.D.N: 0101537... C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI Q. THANH XUÂN - TP. HÀ NỘI | TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT |
| GIÁM ĐỐC | HIỆU TRƯỞNG |
| Nguyễn Hồng Vinh | GS.TS. Trần Thanh Hải |

# PHỤ LỤC 01
## NỘI DUNG BẢO TRÌ, NÂNG CẤP PHẦN MỀM THƯ VIỆN KIPOS

*(Kèm theo Hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại)*

Nội dung các bảo trì, nâng cấp như sau:

| STT | Nội dung | Tính năng | Giá tiền |
|---|---|---|---|
| 1 | + KIPOSClient Thêm nút/link Cho Mượn trên giao diện Trả để dễ dàng chuyển từ giao diện này sang giao diện Trả mà không phải copy/quét mã vạch<br>+ Thêm/Sửa lỗi điều kiện Tìm theo từ khóa theo Khoa 690; Ngành 691; Môn học 692;<br>+ Sửa lỗi Thêm mới đầu mục: Thủ tục SQL chưa chuẩn kiểu dữ liệu cho @_DmdID<br>+ Sửa lỗi khi kích link Nhan đề trong Bổ sung-> Các đơn hàng chậm<br>+ Sửa lỗi chuyển đổi (decimal) ép kiểu khi dữ liệu bị null thay bằng mã an toàn hơn<br>+ Cập nhật mã tải danh mục đầu mục trong Thông tin thư mục/tài liệu để Thread Safe hạn chế lỗi khi gọi từ form khác. | Sửa lỗi/Nâng cấp | 4.500.000 |
| 2 | Nâng cấp xử lý yêu cầu đặt mượn<br>- Trong yêu cầu mới (chưa phục vụ hoặc từ chối) cho phép chuyển yêu cầu sang chờ. Phân loại yêu cầu chưa xử lý thành Mới nhận và Chờ phục vụ (Các yêu cầu này vẫn hết hạn bình thường)<br>- Thêm cột hiển thị số bản sẵn sàng trong giao diện Yêu cầu mới/chờ để thủ thư dễ quyết định<br>- Thêm chức năng Chuyển sang yêu cầu chờ phục vụ và Thông tin bạn đọc trong nút/menu Hoạt động<br>- Các hoạt động chuyển trạng thái có kèm theo gửi email báo cho bạn đọc biết. | Nâng cấp | 6.000.000 |
| 3 | Bổ sung các tính năng giao diện:<br>+ Tăng thụt lề trong trình bày các bộ sưu tập ở KIPOS Client<br>+ Tự động lấy thông tin người thanh lý cuối khi tạo biên bản thanh lý<br>+ Hiển thị ảnh bạn đọc trong giao diện Trả... tài liệu<br>+ KIPOS Client thông báo yêu cầu mới nhận trong ngày chưa xử lý : Trong Tray icon -> kiểm tra định kỳ mỗi 1 phút 1 lần nếu có thông báo hiển thị trong 3s. Người dùng chú ý cài đặt tính năng Thông báo trong Windows Settings cho ứng dụng. | Nâng cấp | 6.000.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 4 | Thêm các chức năng:<br>+ Thêm chức năng tạo Cutter theo bảng tra tiếng Việt. Trình biên mục MarcEditor sẽ có nút Cutter nếu có yêu cầu<br>+ Mượn... tự duy trì tham số sử dụng cuối Ấn định hạn trả<br>+ Mượn: Thêm chức năng popup thông tin bạn đọc có ảnh nếu mã bạn đọc...: Nếu người dùng nhập vào ô mã bạn đọc và nhấn enter, chương trình kiểm tra không đúng sẽ tìm kiếm (theo tên ->không có-> theo nhiều điều kiện hoặc: họ tên, lớp) hiển thị lên 1 danh sách đổ xuống bao gồm cả ảnh để thủ thư có thể chọn.<br>+ Quản lý kho tư liệu số: Tạo ảnh thumb đồng loạt cho các tệp ảnh được chọn<br>+ Trả: Hỏi thủ thư nếu tick kiểm tra bạn đọc trước khi trả | Nâng cấp | 4.500.000 |
| 5 | Nâng cấp<br>+ Thêm trường Lexile và Raz-Kid vào thiết kế mẫu in ấn mã nhãn đầu mục<br>+ Trường cấu hình theo mẫu biên mục khách quyết định (2 trường này không có qui định trong tiêu chuẩn MARC21). The Dewey đang chọn 084$a Raz-Kid; 521$a Lexile<br>+ Cập nhật ALERT_MESSAGE vào trường DESCRIPTION trong dữ liệu in ấn phiếu cho mượn | Nâng cấp | 5.000.000 |
| 6 | Sửa lỗi nâng cấp chung:<br>- Sửa lỗi tạo ảnh đại diện cho ảnh tif;tiff<br>- Sửa lỗi công cụ Pdf to METS:<br>+ Dữ liệu text khi thu hồi từ trang có ký tự đặc biệt không chấp nhận ở XML -> bỏ không đưa vào METSXML<br>+ Dữ liệu bookmarks có ký tự đặc biệt không chấp nhận ở XML -> Thêm hàm XmlSantinizer loại bỏ ký tự đặc biệt không cho phép trong XML. | Sửa lỗi | 4.500.000 |
| 7 | KIPOSSIP2Server: Có trường hợp kho không cho phép lưu thông giao dịch máy SelfCheck vẫn thực hiện được<br>- Bổ sung thêm việc kiểm tra thông tin ITEM_ALLOW_CIRCULATION và LOCATION_ALLOW_CIRCULATION trong CheckOutParams và xử lý<br>- Resource tiếng Việt chuyển hết thông điệp thành tiếng Việt có dấu<br>KIPOSClient:<br>- Tối ưu lại mã load Items. Nâng cấp mã từ quản lý luồng thủ công sang Async Await. | Nâng cấp | 4.000.000 |
| 8 | Nâng cấp quản lý vào ra:<br>- Nghiên cứu và thay đổi hoàn toàn CSDL dùng 1 bảng KPS_ENTRANCE_LOG2<br>- Thực hiện lọc yêu cầu trùng lặp liên tiếp từ thiết bị trong thủ tục xử lý cập nhật dữ liệu<br>- Viết lại đa số mã xử lý: Quản lý cấu hình, Giao diện CheckIn-CheckOut<br>- Nâng cấp các báo cáo Quản lý vào ra trong KIPOSRep.<br>- Nâng cấp các báo cáo Quản lý vào ra trong KIPOSADMIN.<br>- Nâng cấp DashBoard thông tin Quản lý vào ra trong KIPOSADMIN. | Nâng cấp | 3.500.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 9 | Quản lý giỏ thư mục: Nâng cấp chức năng cập nhật biểu ghi MARCXML và bổ sung tính năng Quản lý chỉ mục<br>+ Thêm trường KPS_DMD.LAST_INDEX để theo dõi thời gian chỉ mục<br>+ Sửa nhiều thủ tục liên quan đến chỉ mục trong KIPOSSQL<br>+ Nâng cấp các tính năng liên quan Giỏ đầu mục: Xem thời gian cập nhật cuối, tình trạng chỉ mục và thời gian chỉ mục, có cảnh báo nếu ngày chỉ mục nhỏ hơn ngày cập nhật cuối bằng màu cam.<br>+ Thêm tính năng Cập nhật chỉ mục: Chọn biểu ghi cần update và update. Việc này là cần thiết cho người dùng chủ động chỉ mục khi cần sau khi nhập khẩu... | Nâng cấp | 5.500.000 |
| 10 | Nâng cấp KIPOSRep:<br>+ Sửa lỗi Quản lý tủ gửi đồ (chưa update cấu hình mới)<br>+ Thêm chức năng Ngôn ngữ cho phép chọn Anh-Việt và truyền vào từ KIPOS Client<br>+ Dịch hầu hết các giao diện | Nâng cấp | 3.000.000 |
| 11 | - Nâng cấp tính năng Kiểm toán lưu thông/Audit Trail, cho phép lọc theo nhiều điều kiện hơn trước đây và hiển thị thông tin đầy đủ để kiểm soát giao dịch đặt tay (ngày đặt tay lệch so với ngày thực tế bao nhiêu ngày...)<br>- Gửi email khi có giao dịch mượn/trả: Thêm vào check box cho phép chọn gửi email thông báo cho bạn đọc, thông tin đã bao gồm cả khoản phí phát sinh<br>- Gửi email khi có giao dịch tài khoản: Thêm vào check box cho phép chọn gửi email thông báo cho bạn đọc | Nâng cấp | 6.000.000 |
| 12 | - Nâng cấp KIPOSNotify:<br>+ Mở rộng và đưa thêm nhiều cấu hình cứng ra cấu hình ở tệp<br>+ Tối ưu thêm một số mã: Truy vấn và gửi email. | Nâng cấp | 4.000.000 |
| 13 | - Nâng cấp bảo mật dịch vụ truyền tệp:<br>+ Kiểm tra danh tính người dùng username/password -> Kiểm tra người dùng phải trong nhóm USERS (đây là nhóm để dùng đa số các API dịch vụ có tác động dữ liệu)<br>+ Kiểm tra loại tệp (đuôi tệp) có nằm trong cấu hình dịch vụ AppSettings["ALLOW_FILE_EXTENSION"] hay không. Chống tải lên/về các tệp không được cấp phép như Web.Config. Ở giao diện KIPOSClient thì đã kiểm soát.<br>+ Kiểm tra đường dẫn tệp: Có nằm trong các thư mục kho tư liệu số được khai báo <DigitalRepositories> hay không. Chống tải lên/về các tệp không thuộc Kho tư liệu số. | Nâng cấp | 5.000.000 |
| 14 | - Sửa lại kịch bản kps_GetItemLoanPolicy vì các tham số chỉ có độ dài 10 ký tự trong khi Table là 20 ký tự<br>- Thêm chức năng Lookup bạn đọc vào giao diện Trả theo bạn đọc tương tự giao diện Cho Mượn<br>- Nâng cấp mã truy vấn Tìm theo tình trạng và thêm chỉ mục, nâng cấp KPS_DMD_VIEW cải thiện rất nhiều tốc độ của chức năng Tìm theo tình trạng | Nâng cấp | 3.000.000 |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 15 | - Tái cấu trúc mã LogViewer lớp Business Logic<br>- Thêm các chỉ mục CSDL để hoạt động truy vấn thu thập dữ liệu hiệu quả hơn<br>- Đặt ngày mặc định lọc dữ liệu log từ 1 tháng trước<br>- Viết lại phần Clear Log để an toàn và hiệu quả hơn: tự động xuất ra tệp CSV theo lô không quá 10K dòng | Nâng cấp | 5.000.000 |
| 16 | - Cập nhật phương thức GetLookupPatrons hỗ trợ tiếng Việt không dấu<br>- Cập nhật cho phép phân trang 50, step 50, tối đa 1000 cho các giao diện tìm kiếm KIPOS Client<br>- Cập nhật KIPOS Client bản chuyên biệt cho NTU các chức năng quản lý hồ sơ bạn đọc | Nâng cấp | 3.000.000 |
| 17 | KIPOS Client:<br>- Thêm tìm chọn bạn đọc LookupPatrons trong giao diện Thông tin bạn đọc frmPatronInfo<br>KIPOSRep Quản lý vào ra<br>- Hiển thị toàn bộ giao dịch trong ngày:<br>+ Trong giao diện cấu hình thêm bên cạnh Number Of Rows View All Day. Nếu tick chọn thì All Day thì sẽ xem dữ liệu vào ra cả ngày của máy đó.<br>+ Lưu toàn bộ các giao dịch Vào/Ra trong ngày trong dữ liệu cục bộ của máy, tải lên mỗi khi mở giao diện và lưu lại mỗi khi ứng dụng đóng.=> Không ảnh hưởng/thay đổi đến xử lý trong CSDL và các báo cáo. | Nâng cấp | 5.000.000 |
| 18 | Nâng cấp:<br>- KIPOSServices/DoormanService đã nâng cấp chống được kiểu tấn công Brute-Force<br>- Chuẩn hóa lại xử lý dữ liệu trong KIPOSSQL và Thủ tục để nếu không truyền UserName từ bên ngoài vào thì thông tin Người sửa/Ngày sửa giữ nguyên. Các biểu ghi bị đã bị ảnh hưởng (ít) nếu cần thì nhấn sửa và lưu lại. | Nâng cấp | 3.000.000 |
| 19 | - Nâng cấp KIPOSClient:<br>+ Thêm Kiểm toán ngoại lệ (xóa/bỏ qua) sau Kiểm toán: Tìm kiếm lọc ra các khoản phát sinh nợ:có tài khoản bạn đọc được cán bộ thư viện xóa/bỏ qua. Các điều kiện lọc tương tự như Kiểm toán.<br>+ Sửa lỗi Wizard chuyển đổi Pdf sang Mets các bookmarks con bị mất dữ liệu sau dấu phẩy. Đã xử lý hàm đệ qui đảm bảo đầy đủ dữ liệu | Nâng cấp | 4.500.000 |
| | **Tổng cộng** | | **85.000.000** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Gói thầu: **Bảo trì và nâng cấp phần mềm Kipos Trung tâm Thông tin - Thư viện**

*Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-MĐC ngày 30/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Bảo trì và nâng cấp phần mềm Kipos Trung tâm Thông tin - Thư viện".*

*Căn cứ vào tình hình thực hiện hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại;*

*Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao chất lượng dịch vụ ngày 12/11/2025 giữa giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại;*

*Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:*

| | | |
|---|---|---|
| **BÊN A (BÊN MUA)** | : | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT** |
| Địa chỉ | : | 18 Phố Viên - Phường Đông Ngạc – TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 024 38389366 |
| Tài khoản | : | 3716.1.1055493 tại phòng GD số 10 KBNN khu vực I |
| Đại diện | : | **Ông Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng** |
| **BÊN A (BÊN BÁN)** | : | **CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI** |
| Địa chỉ | : | Tầng 6 Toà nhà VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 086 254 1399 |
| Tài khoản | : | 1250015836 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Đô |
| Mã số thuế | : | 0101537591 |
| Đại diện | : | **Ông Nguyễn Hồng Vinh** Chức vụ: **Giám đốc** |

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 với các nội dung sau:

**Điều 1. Nội dung thực hiện:**

- Bên A xác nhận bên B đã tiến hành thực hiện Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025 cho bên A theo hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025.
- Đảm bảo chất lượng và thời gian theo đúng yêu cầu của bên A.
- Các bên không có yêu cầu, thắc mắc gì thêm.

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Hàng hóa | ĐVT | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025. | Gói | 85.000.000 | 1 | 85.000.000 |
| VAT (Không chịu) | | | | | - |
| ***Tổng cộng: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*** | | | | | ***85.000.000*** |

**Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng và phương thức thanh toán:**

- Tổng giá trị thanh lý hợp đồng: **85.000.000 VNĐ**. *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*
- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B: 0 đồng.
- Số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B: **85.000.000 đồng**, *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**Điều 3. Điều khoản chung:**

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 và không còn vướng mắc gì.

Bên A phải thanh toán số tiền: **85.000.000 đồng**, *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*

cho Bên B khi bên B cung cấp đầy đủ chứng từ và hóa đơn tài chính theo quy định.

Biên bản thanh lý được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI | TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT |
| GIÁM ĐỐC | HIỆU TRƯỞNG |
| Nguyễn Hồng Vinh | GS.TS. Trần Thanh Hải |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# THANH LÝ HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Gói thầu: **Bảo trì và nâng cấp phần mềm Kipos Trung tâm Thông tin - Thư viện**

*Căn cứ Quyết định số 2544/QĐ-MĐC ngày 30/10/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc phê duyệt Kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu "Bảo trì và nâng cấp phần mềm Kipos Trung tâm Thông tin - Thư viện".*

*Căn cứ vào tình hình thực hiện hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại;*

*Căn cứ Biên bản nghiệm thu bàn giao chất lượng dịch vụ ngày 12/11/2025 giữa giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại;*

*Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:*

| | | |
|---|---|---|
| **BÊN A (BÊN MUA)** | : | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT** |
| Địa chỉ | : | 18 Phố Viên - Phường Đông Ngạc – TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 024 38389366 |
| Tài khoản | : | 3716.1.1055493 tại phòng GD số 10 KBNN khu vực I |
| Đại diện | : | **Ông Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng** |
| **BÊN A (BÊN BÁN)** | : | **CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI** |
| Địa chỉ | : | Tầng 6 Toà nhà VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 086 254 1399 |
| Tài khoản | : | 1250015836 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Đô |
| Mã số thuế | : | 0101537591 |
| Đại diện | : | **Ông Nguyễn Hồng Vinh** Chức vụ: **Giám đốc** |

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 với các nội dung sau:

**Điều 1. Nội dung thực hiện:**

- Bên A xác nhận bên B đã tiến hành thực hiện Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025 cho bên A theo hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025.
- Đảm bảo chất lượng và thời gian theo đúng yêu cầu của bên A.
- Các bên không có yêu cầu, thắc mắc gì thêm.

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Hàng hóa | ĐVT | Đơn giá | Số lượng | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025. | Gói | 85.000.000 | 1 | 85.000.000 |
| VAT (Không chịu) | | | | | - |
| ***Tổng cộng: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*** | | | | | ***85.000.000*** |

**Điều 2. Giá trị thanh lý hợp đồng và phương thức thanh toán:**

- Tổng giá trị thanh lý hợp đồng: **85.000.000 VNĐ**. *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*
- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B: 0 đồng.
- Số tiền bên A còn phải thanh toán cho bên B: **85.000.000 đồng**, *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*

Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**Điều 3. Điều khoản chung:**

Hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng kinh tế số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 và không còn vướng mắc gì.

Bên A phải thanh toán số tiền: **85.000.000 đồng**, *Bằng chữ: Tám mươi lăm triệu đồng chẵn./.*

cho Bên B khi bên B cung cấp đầy đủ chứng từ và hóa đơn tài chính theo quy định.

Biên bản thanh lý được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 04 bản, bên B giữ 02 bản./.

| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** |
|---|---|
| GIÁM ĐỐC | HIỆU TRƯỞNG |
| Nguyễn Hồng Vinh | GS.TS. Trần Thanh Hải |

Mẫu số 54b

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

*Căn cứ tình hình thực hiện hợp đồng số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại.*

Hôm nay, ngày 12 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:

| | | |
|---|---|---|
| **BÊN A** | : | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT (BÊN MUA)** |
| Địa chỉ | : | 18 Phố Viên - Phường Đông Ngạc – TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 024 38389366 |
| Tài khoản | : | 3716.1.1055493 tại phòng GD số 10 KBNN khu vực I |
| Đại diện | : | **Ông Trần Thanh Hải** Chức vụ: **Hiệu trưởng** |
| **BÊN B** | : | **CÔNG TY CP PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI (BÊN BÁN)** |
| Địa chỉ | : | Tầng 6 Toà nhà VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, TP. Hà Nội |
| Điện thoại | : | 086 254 1399 |
| Tài khoản | : | 1250015836 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Đông Đô |
| Mã số thuế | : | 0101537591 |
| Đại diện | : | **Ông Nguyễn Hồng Vinh** Chức vụ: **Giám đốc** |

Hai bên thống nhất cùng tiến hành nghiệm thu chất lượng Dịch vụ bảo trì, nâng cấp phần mềm thư viện KIPOS lên phiên bản mới nhất 2025 theo hợp đồng kinh tế số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025, chi tiết như sau:

- Bên B đã thực hiện cung cấp dịch vụ theo quy định tại điều 2 hợp đồng số: 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty CP Phần mềm Quản lý Hiện Đại;

- Chất lượng dịch vụ bên B cung cấp cho bên A đã đạt theo đúng các điều khoản đã nêu trong hợp đồng, đảm bảo chất lượng và thời gian theo đúng yêu cầu của bên A.

- Biên bản nghiệm thu gồm 02 trang tiếng Việt, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản, làm cơ sở để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng số 01/2025/HĐKT/MĐC-HĐ ký ngày 31/10/2025.

| ĐẠI DIỆN BÊN B | ĐẠI DIỆN BÊN A |
|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN PHẦN MỀM QUẢN LÝ HIỆN ĐẠI | TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT |
| GIÁM ĐỐC | HIỆU TRƯỞNG |
| Nguyễn Hồng Vinh | GS.TS. Trần Thanh Hải |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ
**Số: 001/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025**

*Căn cứ:*
- *Bộ luật dân sự ngày 24/11/2015;*
- *Luật thương mại 14/6/2005; Văn bản hợp nhất 17/VBHN-VPQH hợp nhất Luật Thương mại ngày 5/7/2019;*
- *Thông báo kết luận Cuộc họp lần thứ 21 Liên Hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ ngày 17/8/2024 tại Thành phố Hồ Chí Minh;*
- *Quyết định số 2480/QĐ-MĐC ngày 22/10/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc lựa chọn nhà cung cấp cơ sở dữ liệu điện tử ProQuest;*
- *Chức năng, nhiệm vụ, nhu cầu và khả năng của ba bên;*

Hôm nay ngày 10 tháng 11 năm 2025, chúng tôi gồm có:

**Bên Mua:**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 3838 9633 Số Fax: 024 3838 9633
Tài khoản: 3716.1.1055493 tại: Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I
Mã số thuế: 0101689386
Mã QHĐVNS: 1055493
Đại diện: **Ông Trần Thanh Hải**
Chức vụ: **Hiệu trưởng**

**Bên Cung cấp:**
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 22, Ngõ 1, phố Trần Quốc Hoàn, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 8424 - 22007289 Fax: 8424 - 37649044
Tài khoản: 336630487 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long.
Mã CITAD: 01309001
Mã số thuế: 0102915447
Đại diện: **Ông Trần Trung Hiếu**
Chức vụ: **Giám đốc**

**Đại diện Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ (gọi tắt là Liên hợp):**
**CỤC TIN HỌC, THỐNG KÊ**
Địa chỉ: 24 – 26 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 8424 - 3934 1409 Fax: 8424 - 3934 9127
Tài khoản: 9527.1.1054710 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội
Đại diện: **Ông Đào Mạnh Thắng**
Chức vụ: **Phó Cục trưởng**

*Các bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:*

**Điều 1: ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG, NỘI DUNG VÀ PHẠM VI CÔNG VIỆC**

**1.1 Đối tượng của Hợp đồng:**

Cơ sở dữ liệu PROQUEST CENTRAL, chi tiết như sau:

| TT | Mô tả hàng hoá | Số lượng | Đơn giá (VNĐ) | Thành tiền (VNĐ) |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **PROQUEST CENTRAL**<br>***Nhà xuất bản***: Proquest<br>Gồm 24,000 xuất bản phẩm định kỳ<br>***Bản quyền cấp phép:*** Theo đơn vị, không giới hạn người truy cập đồng thời<br>***Hình thức chuyển giao:*** Web thông qua các dải địa chỉ IPs tĩnh<br>***Thời thực hiện hợp đồng****: 1 năm (05/12/2025 đến 05/12/2026)*<br>Bao gồm 40 CSDL phổ biến sau:<br>✓ ABI/INFORM™ Complete;<br>✓ Accounting, Tax & Banking Collection;<br>✓ Asian & European Business Collection;<br>✓ Business Market Research Collection;<br>✓ International Newsstream;<br>✓ Canadian Newsstream;<br>✓ U.S. Newsstream;<br>✓ Global Breaking Newswires;<br>✓ Biology Database;<br>✓ Computing Database;<br>✓ Military Database;<br>✓ Science Database;<br>✓ Telecommunications Database;<br>✓ Criminal Justice Database;<br>✓ Education Database;<br>✓ Library Science Database;<br>✓ Linguistics Database;<br>✓ Political Science Database;<br>✓ Religion Database;<br>✓ Social Science Database;<br>✓ Public Health Database;<br>✓ Sociology Database;<br>✓ Research Library;<br>✓ Australia & New Zealand Database;<br>✓ Continental Europe Database;<br>✓ East & South Asia Database;<br>✓ East & Central Europe Database; | 1 | **45.000.000** | **45.000.000** |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | ✓ India Database;<br>✓ Latin America & Iberia Database;<br>✓ Middle East & Africa Database;<br>✓ Turkey Database;<br>✓ U.K. & Ireland Database;<br>✓ Career & Technical Education Database;<br>✓ Canadian Business & Current Ašairs Database (CBCA);<br>✓ Arts & Humanities Database;<br>✓ Health & Medical Collection Complete;<br>✓ Family Health Database;<br>✓ Health Management Database;<br>✓ Nursing & Allied Health Database;<br>✓ Psychology Database. | | | |

1.2 **Nội dung và phạm vi công việc:**

Bên Cung cấp cam kết cung cấp quyền truy cập cơ sở dữ liệu PROQUEST CENTRAL theo đúng tiêu chuẩn của Nhà xuất bản cho Bên Mua và cùng phối hợp với Đại diện Liên hợp thực hiện công việc bàn giao, hướng dẫn sử dụng cho Bên Mua (Trực tuyến/Tại Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trường Đại học Mỏ - Địa chất).

**Điều 2: GIAO NHẬN HÀNG HÓA**

Trong vòng 10 ngày sau khi Hợp đồng này được ký kết, Bên Cung cấp sẽ thiết lập tài khoản cho người sử dụng thuộc Bên Mua truy cập qua Internet tới sản phẩm đặt mua (chỉ cần sử dụng trình duyệt Web) thông qua dải địa chỉ Ips (tối đa 06 địa chỉ) được cấp phép tại địa chỉ của Bên Mua.

**Điều 3: NGHIỆM THU**

Trong trường hợp CSDL ProQuest Central được chuyển giao hoạt động đạt các yêu cầu kỹ thuật với các chức năng đã mô tả, phù hợp với các điều khoản của Hợp đồng, Bên Mua và Bên Cung cấp sẽ tiến hành ký Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu trong vòng 5 ngày.

**Điều 4: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

- Giá trị hợp đồng trọn gói (đã bao gồm các loại thuế, phí liên quan theo quy định): **45.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn)*
- Phương thức thanh toán: chuyển khoản bằng đồng tiền Việt Nam theo địa chỉ:
  **Tên tài khoản**: Công ty Cổ phần Dịch vụ Thông tin và công nghệ ITGROUP Việt Nam.
  **Địa chỉ**: Số 22, ngõ 1, phố Trần Quốc Hoàn, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
  **Số tài khoản**: 336630487 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long.
  **Mã CITAD**: 01309001.
- Bên Mua sẽ thanh toán cho Bên Cung cấp 100% tổng giá trị hợp đồng trong vòng 15 ngày sau khi hai bên ký Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu Kỹ thuật.

**Điều 5: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN MUA**

- Đảm bảo tạo điều kiện thuân lợi về thủ tục hành chính để cho phép cán bộ kỹ thuật của Bên Cung cấp chuyển giao sản phẩm theo đúng kế hoạch đặt ra.

- Đảm bảo hạ tầng thông tin nhằm tạo điều kiện chuyển giao và nghiệm thu sản phẩm đúng thời gian quy định trong hợp đồng.
- Có trách nhiệm thanh toán cho Bên Cung cấp 100% giá trị hợp đồng theo Điều 4 của Hợp đồng này.

- Bên Mua có trách nhiệm thông báo cho Bên Cung cấp và Đại diện của Liên hợp khi việc truy cập tới dịch vụ trên bị gián đoạn.

**Điều 6: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN CUNG CẤP**

- Bên Cung cấp cam kết cung cấp cho bên Mua đầy đủ hàng hoá như nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, hàng hóa và dịch vụ đảm bảo đúng nội dung và tính năng của sản phẩm.
- Bàn giao cơ sở dữ liệu đúng theo kế hoạch đã cam kết.
- Đảm bảo khả năng truy cập tới cơ sở dữ liệu PROQUEST CENTRAL là đối tượng của hợp đồng được ổn định, liên tục trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng.
- Cung cấp đầy đủ tài liệu hướng dẫn sử dụng cho Bên Mua.
- Cung cấp hóa đơn hợp lệ do Bộ tài chính phát hành cho Bên Mua.

**Điều 7: TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN LIÊN HỢP THƯ VIỆN VIỆT NAM VỀ NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

- Đại diện Liên hợp có trách nhiệm thông báo với Bên Cung cấp và Bên Mua về mức phí đóng góp của Bên Mua để truy cập CSDL ProQuest Central đã được thể hiện trên hợp đồng này là mức phí đã được thỏa thuận theo Thông báo kết luận Cuộc họp lần thứ 21 tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điều phối và giám sát việc ký kết hợp đồng giữa Bên Mua và Bên Cung cấp.
- Phối hợp và hỗ trợ Bên Cung cấp trong việc chuyển giao quyền truy cập tới cơ sở dữ liệu đặt mua.
- Đôn đốc việc thanh toán của Bên Mua cho Bên Cung cấp đúng thời hạn nêu trong hợp đồng này.

**Điều 8: BẢO HÀNH**

- Bên Cung cấp có trách nhiệm cung cấp dịch vụ bảo hành cho cơ sở dữ liệu ghi tại Điều 1 hợp đồng này trong suốt thời gian đặt mua.
- Thời gian bảo hành được tính từ ngày Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu kỹ thuật được ký kết giữa Bên Mua và Bên Cung cấp.
- Trong thời gian bảo hành, nếu xảy những trường hợp đã nêu như trên và sau khi nhận được yêu cầu của Bên Mua, trong vòng 24 giờ làm việc, Bên Cung cấp sẽ tiến hành khắc phục sự cố và có thông báo tới Bên Mua.

**Điều 9: TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP**

- Ba bên chủ động trao đổi và thông báo cho nhau về tình hình thực hiện hợp đồng này.
- Trong khi thực hiện hợp đồng, nếu có xảy ra tranh chấp hay khiếu nại thì bên Mua có thể liên lạc trực tiếp với Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia (NASATI) - Đại diện Liên hợp và bên Cung cấp để cùng bàn bạc, thương lượng tìm cách giải quyết trên
  nguyên tắc bình đẳng các bên cùng có lợi. Trong trường hợp không đi đến thống nhất sẽ đưa ra Toà Kinh tế thuộc toà án Nhân dân TP. Hà Nội để giải quyết. Mọi phán xét của Toà Kinh tế thuộc toà án Nhân dân TP. Hà Nội là bắt buộc thi hành đối với các bên.

**Điều 10: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

- Ba bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Mọi thay đổi trong các điều khoản của hợp đồng này phải được ba bên thoả thuận bằng văn bản và chỉ có thỏa thuận bằng văn bản mới có hiệu lực với cả ba bên.
- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký kết.
- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi các bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.
- Hợp đồng được lập thành bốn (04) bộ, Bên Mua giữ hai (02) bộ, Bên Cung cấp và Đại diện Liên hợp mỗi bên giữ một (01) bộ. Các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý ngang nhau.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thanh Hải**

**ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP**

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ THÔNG TIN & CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**

**GIÁM ĐỐC**

**Trần Trung Hiếu**

**ĐẠI DIỆN LIÊN HỢP THƯ VIỆN VIỆT NAM VỀ NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỤC THÔNG TIN, THỐNG KÊ**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Đào Mạnh Thắng**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

# BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU KỸ THUẬT

Hợp đồng số: **01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025**

*Căn cứ nội dung Hợp đồng kinh tế số: **01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025** ký ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thông tin và Công nghệ ITGROUP Việt Nam;*

Hôm nay, ngày 14 tháng 11 năm 2025, chúng tôi gồm có:

**Bên Mua:**
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**
Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố viên, P. Đông Ngạc, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 3838 9633 Số Fax: 024 3838 9633
Tài khoản: 3716.1.1055493 tại: Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I
Mã số thuế: 0101689386
Mã QHĐVNS: 1055493
Đại diện: **Bà Nguyễn Thị Hải Yến**
Chức vụ: **Phó Giám đốc Thư viện**

**Bên Cung cấp:**
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**
Địa chỉ: Số 22, Ngõ 1, phố Trần Quốc Hoàn, Phường Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 8424 - 22007289 Fax: 8424 - 37649044
Tài khoản: 336630487 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long. Mã CITAD: 01309001
Mã số thuế: 0102915447
Đại diện: **Ông Trần Trung Hiếu**
Chức vụ: **Giám đốc**

**Đại diện Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ (gọi tắt là Liên hợp):**
**CỤC TIN HỌC, THỐNG KÊ**
Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: 8424 - 3934 1409 Fax: 8424 - 3934 9127
Tài khoản: 9527.1.1054710 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội
Đại diện: **Ông Đào Mạnh Thắng**
Chức vụ: **Phó Cục trưởng**

Cùng kiểm tra và thống nhất ký kết Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu kỹ thuật cho Hợp đồng kinh tế số 01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025 như sau:

**Điều 1: KHỐI LƯỢNG**

Bên Mua đồng ý xác nhận Bên Cung cấp phối hợp cùng với Liên hợp đã chuyển giao tất cả các thông tin chi tiết về tài khoản truy cập cơ sở dữ liệu đặt mua trực tuyến cho Bên Mua theo đúng Điều 1.1 của Hợp đồng, chi tiết như sau:

| TT | Mô tả hàng hoá | Địa chỉ truy cập (URL) | Địa chỉ IPs được cấp phép |
|---|---|---|---|
| 1 | **PROQUEST CENTRAL**<br>***Nhà xuất bản***: Proquest<br>Gồm 24,000 xuất bản phẩm định kỳ<br>***Bản quyền cấp phép:*** Theo đơn vị, không giới hạn người truy cập đồng thời<br>***Hình thức chuyển giao:*** Web thông qua các dải địa chỉ IPs tĩnh<br>***Thời hạn thực hiện hợp đồng****: 1 năm (05/12/2025 đến 05/12/2026)*<br>Bao gồm 40 CSDL phổ biến sau:<br>✓ ABI/INFORM™ Complete;<br>✓ Accounting, Tax & Banking Collection;<br>✓ Asian & European Business Collection;<br>✓ Business Market Research Collection;<br>✓ International Newsstream;<br>✓ Canadian Newsstream;<br>✓ U.S. Newsstream;<br>✓ Global Breaking Newswires;<br>✓ Biology Database;<br>✓ Computing Database;<br>✓ Military Database;<br>✓ Science Database;<br>✓ Telecommunications Database;<br>✓ Criminal Justice Database;<br>✓ Education Database;<br>✓ Library Science Database;<br>✓ Linguistics Database;<br>✓ Political Science Database;<br>✓ Religion Database;<br>✓ Social Science Database;<br>✓ Public Health Database;<br>✓ Sociology Database;<br>✓ Research Library;<br>✓ Australia & New Zealand Database;<br>✓ Continental Europe Database;<br>✓ East & South Asia Database;<br>✓ East & Central Europe Database;<br>✓ India Database;<br>✓ Latin America & Iberia Database;<br>✓ Middle East & Africa Database;<br>✓ Turkey Database;<br>✓ U.K. & Ireland Database;<br>✓ Career & Technical Education Database;<br>✓ Canadian Business & Current Ašairs Database (CBCA);<br>✓ Arts & Humanities Database;<br>✓ Health & Medical Collection Complete; | http://search.proquest.com | **118.70.196.130**<br>**117.6.3.179**<br>**118.70.196.130**<br>**118.70.128.190** |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | ✓ Family Health Database;<br>✓ Health Management Database;<br>✓ Nursing & Allied Health Database;<br>✓ Psychology Database. | | |

**Điều 2: CHẤT LƯỢNG**

- Chất lượng hàng hóa: Tốt
- Tình trạng dịch vụ: Bên Mua đã truy xuất đầy đủ vào cơ sở dữ liệu đặt mua. Dịch vụ được cung cấp đúng chức năng được mô tả trong điều khoản về quy chuẩn dịch vụ của hợp đồng. Bên Mua đồng ý xác nhận rằng chất lượng và khối lượng của dịch vụ được chuyển giao đã tuân thủ đúng các điều kiện đã thoả thuận trong Hợp đồng.

**Điều 3: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

Biên bản này được lập thành bốn (04) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, có hiệu lực từ ngày ký và là căn cứ để ba bên tiến hành thanh lý hợp đồng kinh tế số **001/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025.** Bên Mua giữ hai (02) bản, Bên Cung cấp và Đại diện Liên hợp mỗi bên giữ một (01) bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

**PHÓ GIÁM ĐỐC THƯ VIỆN**

**Nguyễn Thị Hải Yến**

**ĐẠI DIỆN BÊN CUNG CẤP**

**CÔNG TY CP DỊCH VỤ THÔNG TIN & CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**

**GIÁM ĐỐC**

M.S.D.N: 0102915447 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM Q. CẦU GIẤY T.P HÀ NỘI

**Trần Trung Hiếu**

**ĐẠI DIỆN LIÊN HỢP THƯ VIỆN VIỆT NAM VỀ NGUỒN TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

**CỤC THÔNG TIN, THỐNG KÊ**

**PHÓ CỤC TRƯỞNG**

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM CỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

**Đào Mạnh Thắng**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN VÀ THANH LÝ

Hợp đồng số: **01/LHTV-ITGVN- ĐHMĐC/2025**

- *Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24/11/2015;*
- *Căn cứ Luật thương mại 16/6/2005; Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-VPQH ngày 5/7/2019 về hợp nhất Luật thương mại;*
- *Căn cứ vào tình hình thực hiện hợp đồng kinh tế số:01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2024 ký ngày tháng năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thông tin và Công nghệ ITGROUP Việt Nam;*
- *Căn cứ vào biên bản bàn giao và nghiệm thu kỹ thuật ngày 14 tháng 12*
-
-
- *năm 2025;*

Hôm nay, ngày 14 tháng 11 năm 2025, chúng tôi gồm có:

**Bên Mua:**

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ giao dịch: Số 18 Phố viên, P.Đông Ngạc, TP. Hà Nội
Điện thoại: 024 3838 9633 Số Fax: 024 3838 9633
Tài khoản: 3716.1.1055493 tại: Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I
Mã số thuế: 0101689386
Mã QHĐVNS: 1055493
Đại diện: **Ông Trần Thanh Hải**
Chức vụ: **Hiệu trưởng**

**Bên Cung cấp:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Số 22, Ngõ 1, phố Trần Quốc Hoàn, Phường Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 8424 - 22007289 Fax: 8424 - 37649044
Tài khoản: 336630487 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long. Mã CITAD: 01309001
Mã số thuế: 0102915447
Đại diện: **Ông Trần Trung Hiếu**
Chức vụ: **Giám đốc**

**Đại diện Liên hợp thư viện Việt Nam về nguồn tin khoa học và công nghệ (gọi tắt là Liên hợp):**

**CỤC TIN HỌC, THỐNG KÊ**

Địa chỉ: 24-26 Lý Thường Kiệt, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 8424 - 3934 1409 Fax: 8424 - 3934 9127
Tài khoản: 9527.1.1054710 tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội
Đại diện: **Ông Đào Mạnh Thắng**
Chức vụ: **Phó Cục trưởng**

Cùng kiểm tra và thống nhất ký kết Biên bản Thanh lý cho Hợp đồng kinh tế số 01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2025 như sau:

Mẫu số 08a
Mã hiệu: .....
Số: .....

# BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

*(áp dụng đối với các khoản chi khoản thường xuyên, chi sự nghiệp có tính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

---

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Mỏ - Địa chất
2. Mã đơn vị: 1055493. Mã nguồn:.....
3. Mã CTMTQG, Dự án ODA .....
4. Căn cứ Hợp đồng số 01/LHTV-ITGVN-ĐHMĐC/2024 ký ngày 05 tháng 12 năm 2024 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thông tin và Công nghệ ITGROUP Việt Nam; Giá trị hợp đồng là 45.000.000đ (*bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng./.*)
5. Căn cứ Biên bản bàn giao và nghiệm thu kỹ thuật ngày 14 tháng 11 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Công ty Cổ phần Dịch vụ Thông tin và Công nghệ ITGROUP Việt Nam;

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Nội dung công việc | | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tên hàng hóa tiếng anh | Tên hàng hóa tiếng việt | | | | |
| 1 | **PROQUEST CENTRAL E-DATABASE** | **CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ PROQUEST CENTRAL** | CSDL | 01 | 45.000.000 | 45.000.000 |
| | ***Nhà xuất bản***: Proquest<br>Gồm 24,000 xuất bản phẩm định kỳ<br>***Bản quyền cấp phép:*** Theo đơn vị, không giới hạn người truy cập đồng thời<br>***Hình thức chuyển giao:*** Web thông qua các dải địa chỉ IPs tĩnh<br>***Thời hạn thực hiện hợp đồng****: 1 năm (05/12/2025 đến 05/12/2026)*<br>Bao gồm 40 CSDL phổ biến sau:<br>✓ ABI/INFORM™ Complete;<br>✓ Accounting, Tax & Banking Collection;<br>✓ Asian & European Business Collection;<br>✓ Business Market Research Collection;<br>✓ International Newsstream;<br>✓ Canadian Newsstream;<br>✓ U.S. Newsstream;<br>✓ Global Breaking Newswires;<br>✓ Biology Database;<br>✓ Computing Database; | | | | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | ✓ Military Database;<br>✓ Science Database;<br>✓ Telecommunications Database;<br>✓ Criminal Justice Database;<br>✓ Education Database;<br>✓ Library Science Database;<br>✓ Linguistics Database;<br>✓ Political Science Database;<br>✓ Religion Database;<br>✓ Social Science Database;<br>✓ Public Health Database;<br>✓ Sociology Database;<br>✓ Research Library;<br>✓ Australia & New Zealand Database;<br>✓ Continental Europe Database;<br>✓ East & South Asia Database;<br>✓ East & Central Europe Database;<br>✓ India Database;<br>✓ Latin America & Iberia Database;<br>✓ Middle East & Africa Database;<br>✓ Turkey Database;<br>✓ U.K. & Ireland Database;<br>✓ Career & Technical Education Database;<br>✓ Canadian Business & Current Ašairs Database (CBCA);<br>✓ Arts & Humanities Database;<br>✓ Health & Medical Collection Complete;<br>✓ Family Health Database;<br>✓ Health Management Database;<br>✓ Nursing & Allied Health Database;<br>✓ Psychology Database. | | | | | |
| Tổng | | | | | | **45.000.000** |
| Thuế VAT (0%) | | | | | | 0 |
| **Tổng cộng** | | | | | | **45.000.000** |
| *Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng./.* | | | | | | |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng: ..... - Thanh toán trực tiếp: .....

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước:.....

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: 45.000.000đ (*bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng./.*)

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: 45.000.000đ

*Ngày 14 tháng 11 năm 2025*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ THÔNG TIN VÀ CÔNG NGHỆ ITGROUP VIỆT NAM**

GIÁM ĐỐC

Trần Trung Hiếu

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS. Trần Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25

*Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ 01/1/2017;*

*Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 ban hành ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ 01/1/2006;*

*Căn cứ Luật Xuất bản 19/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012.*

*Căn cứ Quyết định số: 2599/QĐ-MĐC ngày 07/11/2025 của Hiệu trưởng trường Đại học Mỏ - Địa chất về việc lựa chọn đơn vị cung cấp Cơ sở dữ liệu điện tử.*

Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên,

Hôm nay, ngày 10 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm có:

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

| | | | |
|---|---|---|---|
| Địa chỉ | : Số 18 Phố viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội | | |
| Điện thoại | : (84.4) 38389633 | Số Fax | : (84.4) 38389633 |
| Mã số thuế | : 0101689386 | | |
| Đại diện | : Ông Trần Thanh Hải | Chức vụ | : Hiệu trưởng |
| Số tài khoản | : 3716.1.1055493 | | |
| Tại | : Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I | | |

**BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG**

| | | | |
|---|---|---|---|
| Địa chỉ | : 37 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội | | |
| Điện thoại | : 024.37265180 | | |
| Mã số thuế | : 0100105359 | | |
| Đại diện | : Ông Ngô Đức Vinh | Chức vụ | : Giám đốc |
| Số tài khoản | : 0601119779999 | | |
| Tại ngân hàng | : Tại ngân hàng TMCP Quân đội MB Bank – PGD Vân Hồ | | |

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỰC HIỆN**

Bên B cung cấp cho Bên A dữ liệu điện tử gồm: Sách giáo khoa, sách nghiên cứu, giáo trình để giảng dạy và học tập trong tất cả các cấp, văn bản pháp luật, khoa học – kỹ thuật, chính trị, chuyên ngành, tiêu chuẩn, quy chuẩn… dành cho các tổ chức theo hệ thống tài khoản thành viên:

*Đơn vị tính: Đồng*

| Stt | Gói dịch vụ | Quyền lợi | Quy mô | Giá thành | Năm sử dụng | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Hệ thống liên kết dữ liệu xuất** | - Đọc toàn bộ gần 3000 xuất bản phẩm điện tử bản quyền (Số lượng sách bản | 1000 tài khoản | 49.000.000/ năm | 1 năm | 49.000.000 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | **bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng** | quyền sẽ được cập nhật liên tục trong suốt quá trình sử dụng hệ thống dữ liệu);<br>- Sử dụng gói mọi lúc, mọi nơi, không bị giới hạn địa điểm;<br>- Đọc toàn bộ sách điện tử liên kết xuất bản với Nhà Xuất bản Xây dựng từ hàng trăm trường đại học, nhà xuất bản, nhà sách trong và ngoài nước;<br>- Xem toàn bộ sách multimedia (audio, video…) và hệ thống bài giảng trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Đọc tất cả các bộ sách hot, sách dịch trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Được tặng tài khoản đọc miễn phí hơn 100.000 sách điện tử nguồn dữ liệu mở đa ngành, đa ngôn ngữ sưu tầm từ các trường cao đẳng, đại học cộng đồng trên thế giới. Có thể sử dụng tiện ích phiên dịch nhanh trong quá trình đọc các tài liệu đa ngôn ngữ;<br>- Hệ thống admin quản lý các tài khoản;<br>- Báo cáo hiệu quả sử dụng (số lượt truy cập, thời gian truy cập, thời điểm truy cập, của toàn bộ tổ chức và từng tài khoản cụ thể;<br>- Báo cáo các chủ đề quan tâm, các sách truy cập chi tiết;<br>- Chủ động thêm thành viên sử dụng gói linh hoạt. | | | | |
| **Tổng cộng (Giá đã bao gồm thuế GTGT và các chi phí khác)** | | | | | | **49.000.000** |

Bằng chữ: *Bốn mươi chín triệu đồng chẵn./.*

- Hệ thống dịch vụ được cung cấp đúng chức năng mô tả.

- Hai bên nhất trí triển khai hợp đồng chậm nhất trong vòng 30 ngày (kể cả ngày thứ 7, chủ nhật và ngày lễ) kể từ ngày hợp đồng này được ký kết.

- Thời hạn của hợp đồng: là 01 năm bắt đầu từ ngày 10 tháng 11 năm 2025 đến ngày 10 tháng 11 năm 2026.

## ĐIỀU 2: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tổng giá trị hợp đồng là: **49.000.000** *(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng chẵn).*

- Giá trên đã bao gồm: Các loại thuế, phí. Giá của Hợp đồng nêu trên là cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng này.

- Thời hạn thanh toán: Trong vòng 15 ngày sau khi hai Bên ký Biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hoá, Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng.

- Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

- Thông tin chuyển khoản:

| | |
|---|---|
| Đơn vị thụ hưởng | : Nhà Xuất bản Xây dựng |
| Số tài khoản | : 0601119779999 |
| Tại ngân hàng | : TMCP Quân đội MB Bank –PGD Vân Hồ |
| Mã liên ngân hàng | : 01311013 |

**ĐIỀU 3: TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN**

- Khi bàn giao các thông tin chi tiết về tài khoản truy cập Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng, đại diện của Bên A và Bên B sẽ cùng kiểm tra về chức năng, chất lượng dịch vụ và lập thành biên bản bàn giao. Nếu kết quả kiểm tra không phù hợp với hợp đồng thì Bên B có trách nhiệm điều chỉnh hệ thống dữ liệu điện tử cho phù hợp với hợp đồng, việc bổ sung điều chỉnh chỉ trong vòng 30 ngày kể từ ngày bàn giao.

- Hai bên sẽ họp định kỳ để rút kinh nghiệm, giải quyết các vấn đề phát sinh và đề ra phương án giải quyết theo các quy định hiện hành để đảm bảo quyền và lợi ích của các bên cũng như người học.

**ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Mọi sửa đổi và bổ sung cho hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Bản sửa đổi bổ sung sẽ được coi là một phần không tách rời của hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký.

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản qui định trong hợp đồng và các phụ lục đính kèm theo hợp đồng này (nếu có).

- Hợp đồng này sẽ kết thúc khi hai bên hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ của mình quy định trong hợp đồng và ký vào biên bản thanh lý hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |
|---|---|
| **Hiệu trưởng** | **Giám đốc** |
| **Trần Thanh Hải** | **Ngô Đức Vinh** |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN BÀN GIAO VÀ NGHIỆM THU KỸ THUẬT

*- Căn cứ hợp đồng kinh tế số:1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ký ngày 10 tháng 11 năm 2025;*

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 Số Fax : (84.4) 38389633

Mã số thuế : 0101689386

Đại diện : Ông Nguyễn Hồng Trường Chức vụ : Phó GĐ TT thông tin thư viện

Số tài khoản : 3716.1.1055493

Tại : Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I

**BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG**

Địa chỉ : 37 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 024.37265180

Mã số thuế : 0100105359

Đại diện : Ông Ngô Đức Vinh Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 0601119779999

Tại : Tại ngân hàng TMCP Quân đội MB Bank – PGD Vân Hồ

Cùng kiểm tra và thống nhất ký kết Biên bản Bàn giao và Nghiệm thu kỹ thuật cho Hợp đồng kinh tế số 1011 /HĐKT/MĐC-XBXD/25 ký ngày 10 tháng 11 năm 2025 như sau:

**ĐIỀU 1: KHỐI LƯỢNG**

- Bên A đồng ý xác nhận Bên B đã chuyển giao tất cả các thông tin chi tiết về tài khoản truy cập Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng cho Bên A theo đúng Điều 1 của Hợp đồng kinh tế số 1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ký ngày 10 tháng 11 năm 2025 chi tiết như sau:

| TT | Mô tả dịch vụ | | Quy mô | Địa chỉ truy cập (URL) | Tài khoản quản lý |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng**<br>- Đọc toàn bộ gần 3000 xuất bản phẩm điện tử bản quyền (Số lượng sách bản quyền sẽ được cập nhật liên tục trong suốt quá trình sử dụng hệ thống dữ liệu);<br>- Sử dụng gói mọi lúc, mọi nơi, không bị giới hạn địa điểm;<br>- Đọc toàn bộ sách điện tử liên kết xuất bản với Nhà Xuất bản Xây dựng từ hàng trăm trường đại học, nhà xuất bản, nhà sách trong và ngoài nước;<br>- Xem toàn bộ sách multimedia | | 1000 tài khoản | https://ebook.humg.edu.vn | - User: trungtamtttv@humg.edu.vn<br>- Pass: hmodiachat123<br>- Địa chỉ truy cập: https://thanhvien.nxbxaydung.com.vn/login |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | (audio, video…) và hệ thống bài giảng trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Đọc tất cả các bộ sách hot, sách dịch trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Được tặng tài khoản đọc miễn phí hơn 100.000 sách điện tử nguồn dữ liệu mở đa ngành, đa ngôn ngữ sưu tầm từ các trường cao đẳng, đại học cộng đồng trên thế giới. Có thể sử dụng tiện ích phiên dịch nhanh trong quá trình đọc các tài liệu đa ngôn ngữ;<br>- Hệ thống admin quản lý các tài khoản;<br>- Báo cáo hiệu quả sử dụng (số lượt truy cập, thời gian truy cập, thời điểm truy cập, của toàn bộ tổ chức và từng tài khoản cụ thể;<br>- Báo cáo các chủ đề quan tâm, các sách truy cập chi tiết;<br>- Chủ động thêm thành viên sử dụng gói linh hoạt.<br>- Thời gian sử dụng: 01 năm | | | | |

**ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG**

- Chất lượng dịch vụ: Tốt
- Tình trạng dịch vụ: Bên Mua đã truy xuất đầy đủ vào cơ sở dữ liệu đặt mua. Dịch vụ được cung cấp đúng chức năng được mô tả trong điều khoản về quy chuẩn dịch vụ của hợp đồng. Bên Mua đồng ý xác nhận rằng chất lượng và khối lượng của dịch vụ được chuyển giao đã tuân thủ đúng các điều kiện đã thoả thuận trong Hợp đồng

**ĐIỀU 3: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Biên bản này được lập thành sáu (06) bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, có hiệu lực từ ngày ký và là căn cứ để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng kinh tế số 1011./HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025, Bên A giữ bốn (04) bản, Bên B giữ hai (02) bản./.

| ĐẠI DIỆN BÊN A | ĐẠI DIỆN BÊN B |
|---|---|
| P. Giám đốc | Giám đốc |
| Nguyễn Hồng Trường | Ngô Đức Vinh |

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO HÀNG HOÁ

*- Căn cứ hợp đồng kinh tế Số:*1011*/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Nhà Xuất bản Xây dựng;*

*Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm:*

**BÊN A (BÊN MUA): TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội.

Đại diện : Bà **Hoàng Thị Thúy** Chức vụ: Thư viện viên

**BÊN B (BÊN BÁN): NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG**

Địa chỉ : 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Đại diện : Bà **Đàm Thị Huế** Chức vụ: Phó phòng

Hai bên thống nhất nghiệm thu và bàn giao tất cả các thông tin chi tiết về tài khoản truy cập Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng theo bảng sau:

| TT | Mô tả dịch vụ | Quy mô | Địa chỉ truy cập (URL) | Tài khoản quản lý |
|---|---|---|---|---|
| 1 | **Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử - Nhà xuất bản Xây dựng**<br>- Đọc toàn bộ gần 3000 xuất bản phẩm điện tử bản quyền (Số lượng sách bản quyền sẽ được cập nhật liên tục trong suốt quá trình sử dụng hệ thống dữ liệu);<br>- Sử dụng gói mọi lúc, mọi nơi, không bị giới hạn địa điểm;<br>- Đọc toàn bộ sách điện tử liên kết xuất bản với Nhà Xuất bản Xây dựng từ hàng trăm trường đại học, nhà xuất bản, nhà sách trong và ngoài nước;<br>- Xem toàn bộ sách multimedia (audio, video…) và hệ thống bài giảng trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Đọc tất cả các bộ sách hot, sách dịch trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Được tặng tài khoản đọc miễn phí hơn 100.000 sách điện tử nguồn dữ liệu mở đa ngành, đa ngôn ngữ sưu tầm từ các trường cao đẳng, đại học cộng đồng trên thế giới. Có thể sử dụng tiện ích phiên dịch nhanh trong quá trình đọc các tài liệu đa ngôn ngữ; | 1000 tài khoản | https://ebook.humg.edu.vn | - User: trungtamtttv@humg.edu.vn<br>- Pass: hmodiachat123<br>- Địa chỉ truy cập: https://thanhvien.nxbxaydung.com.vn/login |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | - Hệ thống admin quản lý các tài khoản;<br>- Báo cáo hiệu quả sử dụng (số lượt truy cập, thời gian truy cập, thời điểm truy cập, của toàn bộ tổ chức và từng tài khoản cụ thể;<br>- Báo cáo các chủ đề quan tâm, các sách truy cập chi tiết;<br>- Chủ động thêm thành viên sử dụng gói linh hoạt.<br>- Thời gian sử dụng: 01 năm | | | |

Sau quá trình kiểm nhận, bên A xác nhận:

- Chất lượng dịch vụ: Tốt

- Tình trạng dịch vụ: Bên Mua đã truy xuất đầy đủ vào cơ sở dữ liệu đặt mua. Dịch vụ được cung cấp đúng chức năng được mô tả trong điều khoản về quy chuẩn dịch vụ của hợp đồng. Bên Mua đồng ý xác nhận rằng chất lượng và khối lượng của dịch vụ được chuyển giao đã tuân thủ đúng các điều kiện đã thoả thuận trong Hợp đồng.

- Biên bản gồm 02 trang tiếng Việt, được lập thành 4 bản, bên A giữ 2 bản, bên B giữ 2 bản, làm cơ sở để hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng Số: 1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025.

| **Bên A** | **Bên B** |
|---|---|
| **Hoàng Thị Thúy** | **Đàm Thị Huế** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

---

# BIÊN BẢN NGHIỆM THU, THANH LÝ HỢP ĐỒNG

*Số:* 1811/*TLHĐ*

*- Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ban hành ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực từ 01/1/2017;*

*- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 ban hành ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ 01/1/2006;*

*- Căn cứ vào tình hình thực hiện hợp đồng Số:1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ- Địa chất và Nhà Xuất bản Xây dựng*

*- Căn cứ biên bản bàn giao và nghiệm thu kỹ thuật ngày 18 tháng 11 năm 2025*

*Hôm nay ngày 18 tháng 11 năm 2025, tại Trường Đại học Mỏ - Địa chất, chúng tôi gồm có:*

**BÊN A: TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT**

Địa chỉ : Số 18 Phố viên, Phường Đông Ngạc, TP. Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38389633 Số Fax : (84.4) 38389633

Mã số thuế : 0101689386

Đại diện : Ông Trần Thanh Hải Chức vụ : Hiệu trưởng

Số tài khoản : 3716.1.1055493

Tại : Phòng Giao dịch số 10-KBNN Khu vực I

**BÊN B: NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG**

Địa chỉ : 37 Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 024.37265180

Mã số thuế : 0100105359

Đại diện : Ông Ngô Đức Vinh Chức vụ : Giám đốc

Số tài khoản : 0601119779999

Tại ngân hàng : Tại ngân hàng TMCP Quân đội MB Bank – PGD Vân Hồ

Hai bên thống nhất nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng số:1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025 với các nội dung sau:

## I. NỘI DUNG THỰC HIỆN

- Bên B đã thực hiện đúng theo điều 1 của hợp đồng số:1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025;

- Dịch vụ được cung cấp đúng chức năng được mô tả trong điều khoản về quy chuẩn dịch vụ của hợp đồng;

- Thời gian triển khai: Đúng quy định,

## II. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Tổng giá trị hợp đồng: **49.000.000đ** *(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng chẵn).*

- Số tiền bên A đã tạm ứng cho bên B: **0** (đồng)

- Số tiền bên A còn phải trả cho bên B: **49.000.000đ** *(Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng chẵn).*

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

**III. ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- Hai bên cam kết sẽ thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản quy định trong Hợp đồng và các Phụ lục đính kèm theo Hợp đồng này (nếu có).

- Hai bên nhất trí thanh lý hợp đồng số: 1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ngày 10 tháng 11 năm 2025 và không còn vướng mắc gì. Mọi phát sinh sau khi ký kết thanh lý hợp đồng không có giá trị pháp lý ràng buộc các bên phải thực hiện.

Biên bản thanh lý gồm 02 trang tiếng Việt, được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

| | |
|---|---|
| **ĐẠI DIỆN BÊN A**<br>**HIỆU TRƯỞNG** | **ĐẠI DIỆN BÊN B**<br>**GIÁM ĐỐC** |
| **Trần Thanh Hải** | **Ngô Đức Vinh** |

**Mẫu số 08a**
Mã hiệu: .....
Số: .....

# BẢNG XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

*(áp dụng đối với các khoản chi khoán thường xuyên, chi sự nghiệp có thính chất thường xuyên, chi chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu sử dụng kinh phí sự nghiệp)*

---

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường Đại học Mỏ - Địa chất

2. Mã đơn vị: 1055493 Mã nguồn:.....

3. Mã CTMTQG, Dự án ODA .....

4. Căn cứ Hợp đồng số 1011/HĐKT/MĐC-XBXD/25 ký ngày 10 tháng 11 năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà Xuất bản Xây dựng. Giá trị hợp đồng là 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng chẵn./.);

5. Căn cứ vào Biên bản nghiệm thu bàn giao hàng hóa ngày 18 tháng 11năm 2025 giữa Trường Đại học Mỏ - Địa chất và Nhà xuất bản Xây dựng.

*Đơn vị: Đồng*

| STT | Nội dung công việc | Đơn vị tính | Số lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Hệ thống liên kết dữ liệu xuất bản phẩm điện tử Nhà xuất bản Xây dựng**<br>- Đọc toàn bộ gần 3000 xuất bản phẩm điện tử bản quyền (Số lượng sách bản quyền sẽ được cập nhật liên tục trong suốt quá trình sử dụng hệ thống dữ liệu);<br>- Sử dụng gói mọi lúc, mọi nơi, không bị giới hạn địa điểm;<br>- Đọc toàn bộ sách điện tử liên kết xuất bản với Nhà Xuất bản Xây dựng từ hàng trăm trường đại học, nhà xuất bản, nhà sách trong và ngoài nước;<br>- Xem toàn bộ sách multimedia (audio, video…) và hệ thống bài giảng trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Đọc tất cả các bộ sách hot, sách dịch trên trang web nxbxaydung.com.vn;<br>- Được tặng tài khoản đọc miễn phí hơn 100.000 sách điện tử nguồn dữ liệu mở đa ngành, đa ngôn ngữ sưu tầm từ các trường cao đẳng, đại học cộng đồng trên thế giới. Có thể sử dụng tiện ích phiên dịch nhanh trong quá trình đọc các tài liệu đa ngôn ngữ;<br>- Hệ thống admin quản lý các tài khoản;<br>- Báo cáo hiệu quả sử dụng (số lượt truy cập, thời gian truy cập, thời điểm truy cập, của toàn bộ tổ chức và từng tài khoản cụ thể;<br>- Báo cáo các chủ đề quan tâm, các sách truy cập chi tiết;<br>- Chủ động thêm thành viên sử dụng gói linh hoạt.<br>- Thời gian sử dụng: 01 năm | Tài khoản | 1000 | 49.000 | 49.000.000 |
| **Tổng cộng** | | | | | **49.000.000** |
| *Bằng chữ: Bốn mươi chín triệu đồng chẵn./.* | | | | | |

6. Lũy kế thanh toán khối lượng hoàn thành đến cuối kỳ trước:

- Thanh toán tạm ứng: ..... - Thanh toán trực tiếp: .....

7. Số dư tạm ứng đến cuối kỳ trước:.....

8. Số đề nghị thanh toán kỳ này: 49.000.000 đ (*Bốn mươi chín triệu đồng chẵn./.*).

- Thanh toán tạm ứng:.....- Thanh toán trực tiếp: 49.000.000 đ (*Bốn mươi chín triệu đồng chẵn./.*)

*Ngày 18 tháng 11 năm 2025*

| | |
|---|---|
| **NHÀ XUẤT BẢN XÂY DỰNG** | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT** |
| **Giám đốc** | **Hiệu trưởng** |
| **Ngô Đức Vinh** | **Trần Thanh Hải** |